

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ TÁM ■ SỐ 182 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG
BỘ MỚI ■ SỐ 26 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH

Thơ Văn Giáng Sinh

MẶC THU

NGƯỜI YÊU CỦA CHÚA

LÂM CHƯỜNG

CHỈ CÒN MỘT NƠI TRỞ LẠI

PHÍ ÍCH BÀNH

THƯ CHO CHÚA

NG PHƯƠNG TUẤN

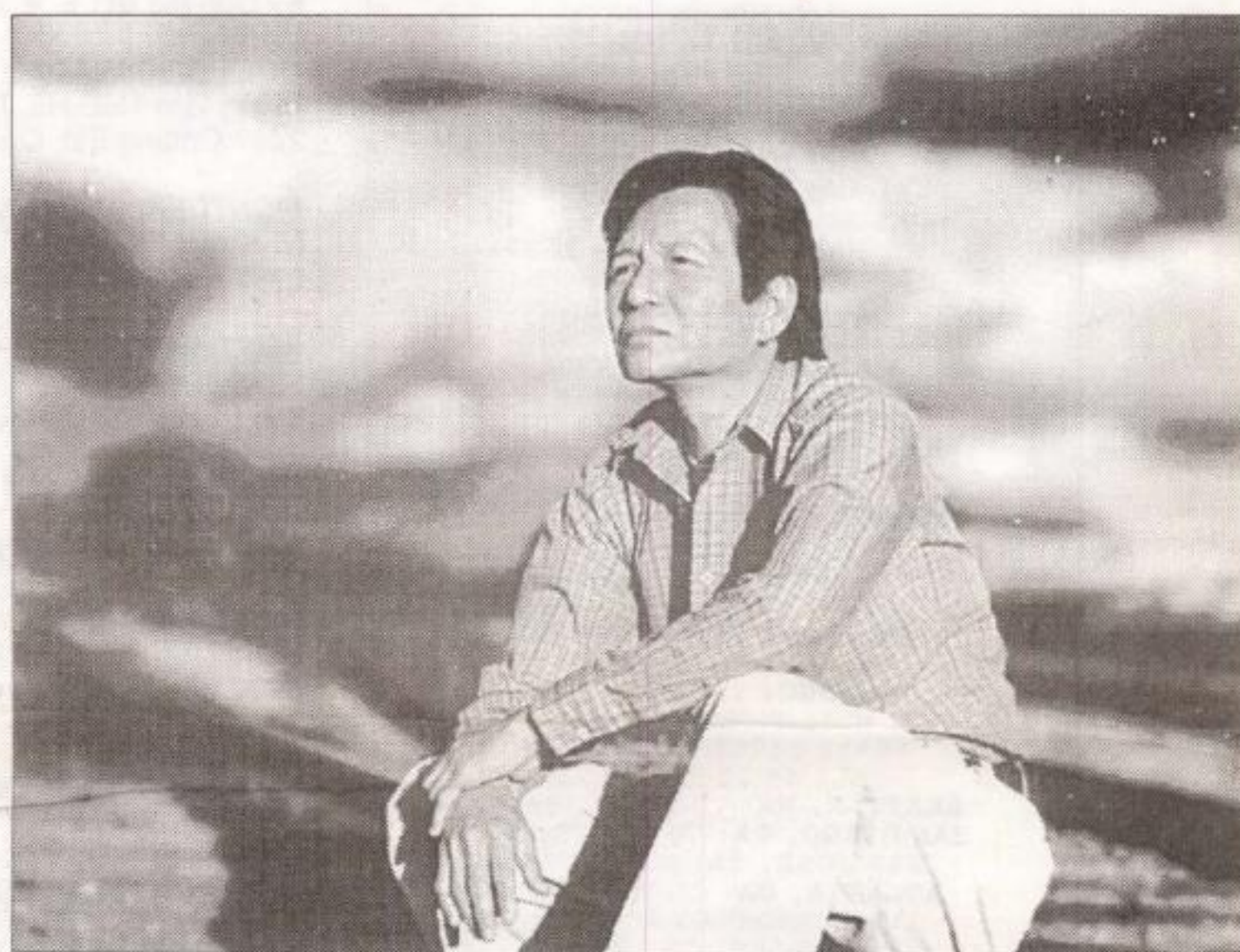
ĐI THĂM GIÁO ĐƯỜNG
CỦA ÔNG GIÀ NOEL

LỮU VĂN VINH

NOSTRADAMUS TIÊN TRI
TỪ NĂM 1999 VỀ SAU

THƠ TÔ THÙY YÊN

VIÊN LINH ■ VƯƠNG TÂN
VĂN QUANG ■ HẢI PHƯƠNG
NG THANH CHÂU ■ NGÔ CANG
ĐẠM THẠCH ■ NG ĐỨC HOÀ
TRANH NGUYỄN THỊ HỢP



TÔ THÙY YÊN

Hình Hoài Nam

VÕ PHIẾN

PHAN LẠC PHÚC

ĐẶNG TIẾN

NGUYỄN TÀ CÚC

TRẦN VĂN NAM

NG. TRUNG DŨNG

viết về

TÔ THÙY YÊN



NĂM THỨ III ■ SỐ 26 ■ THÁNG 12. 1998

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



SÁNG LẬP:
Anh Việt
TRẦN VĂN TRỌNG

CHỦ NHIỆM CHỮ BÚT:
VIÊN LINH

TÒA SOẠN: 9306 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683

THƯ TỬ LIÊN LẠC:

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA 92655
TEL/FAX: (714) 897 - 2599

ĐẠI DIỆN CÁC NƠI:

PHÁP:

■ **Mme PHẠM THU HƯƠNG**
Nhà Xuất Bản AN TIÊM
3, RUE VINCENT VAN GOGH
95170 DEUIL-LA-BARRE, FRANCE
TEL: 01 39 84 00 84

■ **Mme VŨ LAN PHƯƠNG** ĐÀO VIÊN
82 RUE BAUDRICOURT
75013 PARIS, METRO TOLBIAC
TEL: 01 45 85 20 70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại

Nhà sách Nam Á, quận 13

ĐỨC: THẾ DUNG

MELLEENSE STR. 43

10319 BERLIN, GERMANY

TEL: 49 30 512 29 74

SEATTLE, WA: TRẦN THẾ PHONG

SAN DIEGO, CA: VŨ ĐỨC TRƯỞNG

SAN JOSE, CA: SƯƠNG MẠI

ATLANTA, GA: CÔ THUY ĐÔNG

3146 DUNWOODY RD # 203

CHAMBLEE, GA 30341

TEL: (770) 457 - 7350

LAKE CITY, GA: NG. DUY TUYÊN

1560 LAKELAND CIR.

LAKE CITY, GA. 30260

ALABAMA: LÊ NGUYỄN

Bài vở gửi báo khác đừng gửi cho
Khởi Hành. Cần ghi rõ địa chỉ và nếu
có thể, số điện thoại. Nếu bài đã
phổ biến, vui lòng ghi rõ đã đăng
báo nào. Ngoài bản in, gửi kèm cho
diskette, dạng DOC, ghi rõ nhu liệu
sử dụng VNI, VNU, VPS... Chủ bút
Khởi Hành toàn quyền cắt bỏ, nhưng
sẽ không thêm. Bài đăng trên Khởi
Hành không nhất thiết biểu hiện chủ
trương của tờ báo. Muốn dùng bài đã
đăng trên Khởi Hành, cần có sự đồng
ý của Tác giả, hay Chủ nhiệm; tuyệt
đối phải nói rõ trích từ Khởi Hành
số mấy, tháng nào.

GIÁ BẢO

Giá \$3.50 mỹ kim một số.

(\$2.00 mỹ kim một số hay \$24 mỹ
kim một năm nếu mua dài hạn tới
thiếu một năm 12 số, tòa báo chịu
cước phí bưu điện).

Chi phiếu để Khởi Hành, gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA 92655

CÁC NHÀ SÁCH CÓ BÁN KHỞI HÀNH

ONTARIO, CANADA

Trung Tâm THỜI MỚI I
1682 St. CLAIRE AVE

E. HAMILTON, CANADA

Trung Tâm THỜI MỚI II
186 KING STREET

MISSISSAUGA, CANADA

Trung Tâm THỜI MỚI III
55 Dundas St., E # 1

QUEBEC, CANADA

Trung tâm THỂ HỀ TRỀ
2657 Ontario Est, Quebec

MONTREAL, CANADA

Nhà sách TỰ DO
6767 Cote des Neiges # B 5

AUSTIN, TEXAS

MI VIDEO
8557 RESEARCH BLVD # 144

ARLINGTON, TEXAS

VIỆT NAM MUSIC
1818 E. PIONNER PKWY # 162

HOUSTON, TEXAS

NGÀY NAY BOOKSTORE
8200 WILDCREST suite 5

GARLAND, TEXAS

MỸ LINH BOOKSTORE
3518 W. WALNUT

DORCHESTER, MASSACHUSETTS

Á CHÂU BBOOKSTORE
1429 C DORCHESTER AVE

FALLS CHURCH, VIRGINIA

MINH VĂN BOOKSTORE
2808 GRAHAM RD

LINCOLN, NEBRASKA

VINA MARKET
611 N. 27th ST. # 2

LINCOLN, NEBRASKA

VĨNH THỊNH
611 N. 27th ST # 6

MINNEAPOLIS, MINNESOTA

Nhà sách SÀI GÒN
2750 Nicollet

PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA

THY HỒNG
575 ADAMS AVE

PORTLAND, OREGON

TRANG BOOKSTORE
8211 N.E. BRASEE suite # H

OKLAHOMA, OKLAHOMA

TUYẾT MAI BOOKSTORE
2622 CLASSEN BLVD

ORLANDO, FLORIDA

TIẾN HUNG BOOKSTORE
1120 E COLONIAL DR

SACRAMENTO, CALIFORNIA

Thư Quán VĂN
6171 STOCKTON BLVD # 180

LOS ANGELES, CALIFORNIA

Nhà Sách THĂNG LONG
767 N. HILL ST suite 102

TACOMA, WA.

VĂN KHOA BOOKSTORE
721 S. 38th STREET

SEATTLE, WASHINGTON

NAM PHƯƠNG BOOKSTORE
1032 B S. JACKSON ST

SEATTLE, WASHINGTON

VINA BOOKSTORE
1017A S. JACKSON # G

ROSEMEAD, CALIFORNIA

BÍCH THU LINH
8150 E. GARVEY AVE, suite 112

SAN GABRIEL, CALIFORNIA

SAN GABRIEL SUPERSTORE
1635 S. SAN GABRIEL AVE

SAN JOSE, CALIFORNIA

TỰ DO BOOKSTORE
1818 TULLY ROAD suite 158A

SAN DIEGO, CALIFORNIA

THÚY ANH BOOKSTORE
4745 EL CAJON BLVD suite 103

ORANGE COUNTY, CALIFORNIA

Nhà Sách TỰ QUYNH
9581-83 Bolsa Ave

GARDEN GROVE, CA

Nhà Sách TỰ LỰC
Brookhurst Street

LITTLE SAIGON, CA

Nhà Sách VĂN KHOA
Trong khu Phúc Lộc Thọ

WESTMINSTER, CA.

Nhà sách THIẾP HỒNG
9550 Bolsa Ave, góc Bushard

LITTLE SAIGON, CA

ZIP POST
Góc Dillon-Bolsa Ave

ASIAN VILLAGE, CA

VAN's BOOK
Trong khu chợ 99

BA LÊ, PHÁP

Nhà Sách NAM Á
Quận 18

BA LÊ, PHÁP

Nhà sách KHAI TRÍ
Quận 13

BALÉ, PHÁP

Nhà sách ĐIỂM PHƯƠNG
Quận 13

PHÁT HIỆN CHÙA ĐỜI NHÀ TRẦN TRONG ĐỘNG NÚI

Theo báo trong nước, tại Yên Bái, các chuyên viên khảo cổ đã phát hiện một ngôi chùa được xây dựng trong thời nhà Trần. Đó là chùa Hang Úc, một ngôi chùa cổ duy nhất có đặc trưng văn hóa Chăm Pa ở miền Tây Bắc Việt Nam, có niên đại thời Trần, vào khoảng thế kỷ thứ 13-14.

Ở ngôi chùa này các nhà khảo cổ học nhận thấy những sự ảnh hưởng giao lưu văn hóa Việt-An-Chăm.

Chùa Hang Úc nằm trong hang động tự nhiên ở trên lưng chừng núi đá vôi với độ cao 70-80m so với mặt đất tại xã Tân Lập, huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái, cách bờ sông Chảy khoảng 200m.

Hang động này có hình vòm, cửa cao khoảng 12m, rộng 11m,

trong hang thoáng và có ánh sáng tự nhiên lọt vào từ các kẽ đá tạo nên không gian huyền ảo. Chiều sâu của hang gần 30m, nền hang có nhiều bậc phẳng, nhiều gờ đá nhô ra là nơi bài trí các tượng Phật, bát nhang, nơi làm lễ.

Nhiều di vật thờ cúng còn tìm thấy trong chùa Hang Úc được làm bằng đất nung và gỗ, bệ thờ hình cánh sen dạng phù điêu có 8 tiên nữ đang múa, tay nâng hoa dây. Trong chùa còn có một tượng hình sư tử khá lớn, chỉ còn phần đầu, bờm, một phần thân, chân; 6 mảnh phù điêu hình rồng; có 3 con chim thần Garuda, trong đó 1 con còn khá nguyên vẹn; hai pho tượng Phật bằng gỗ trong tư thế tọa thiền trên đài sen, một pho còn nguyên vẹn. Theo dự đoán của các nhà khảo cổ học, đây mới chỉ là một phần di vật trong ngôi chùa này.

KENNEDY HỐI HẬN VỤ GIẾT T.T. DIỆM

Hôm thứ ba 24.11.98, kỷ niệm ngày Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát chết, Thư viện Kennedy ở Boston đã cho phổ biến 37 giờ thu băng trong đó có một đoạn liên hệ tới vụ đảo chánh năm 1963 tại Sài Gòn. Ông thủ nhận Chính phủ của ông có phần nào trách nhiệm trong cái chết của cố Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm. Cuốn băng thu ngày 4.11.63, hai ngày sau vụ ông Diệm bị giết, theo đó ông than phiền tấm điện tín gửi vào tháng 8.63, vì viết cầu thả, đã khiến Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn hiểu rằng ông chấp thuận vụ đảo chánh. Lúc cái điện tín gửi đi, ông đang ở phi trường Hyannisport, và tưởng là chính phủ đã họp bàn thông qua nội dung rồi. Ông cũng ca ngợi Tổng thống Diệm là một người ngoại hạng. Hình ảnh những cuốn băng, và hình John Kennedy tại Bạch Ốc.



thời sự văn nghệ

Tập San Chuyên Môn

BÁCH HỢP

Số 1 • 10-1998

- Việt Nam Trong Môi Trường Thế Giới
- Một Nền Dân Chủ Thích Hợp Cho Việt Nam
- Văn Nhân Xét Về Xã Hội Việt Nam và Ý Kiến Xây Dựng Công Bằng Xã Hội
- Vai Trò Mỹ Thuật Trong Cơ Năng Phát Triển Kinh Tế
- Vườn Mệ Ta Xưa
- Gông: A Problem That Knows No Boundaries
- Giải Trại Việt Nam-Hoa Kỳ Ngoài Trách Quên Niệm Gia Đình và Văn Di Khúc Việt Thế Mứ
- Thước Trắc Của Giải Trại Việt Nam
- Văn Di Ca Tổ Kinh Tế và Xã Hội Việt Nam Hậu Cộng Sản
- Văn Di Báo Tôn Văn Hoa
- Anh Hưởng Của Xu Hướng Toàn Cầu Hóa
- Người Trẻ Nhìn Về Tinh Hình Kinh Tế Việt Nam
- Đón Mối Kinh Tế Tân Việt Nam



Hội Chuyên Gia Việt Nam
Vietnamese Professionals Society

BÁCH HỢP TẬP SAN CỦA HỘI CHUYÊN GIA

Hội Chuyên Gia Việt Nam vừa cho xuất bản cuốn 1 tập san Bách Hợp, khổ nhỏ, bìa 2 màu giản dị, với nhiều bài vở giá trị trên 160 trang báo. Một số bài có nhan đề như sau: Việt Nam Trong Môi Trường Thế Giới của Trần Diệu Chân, Vai Trò Mỹ Thuật Trong Cơ Năng Phát Triển Kinh Tế của Trần Văn Liêm, Vườn Mệ Ta Xưa của Lê Đỗ Ly Lan, Anh Hưởng của Xu Hướng Toàn Cầu Hóa của Trịnh Đỗ Tôn Vinh, Đối Mối Kinh Tế VN của Trần Đình Sơn.

Bách Hợp xuất bản 3 tháng một số. Bạn có thể liên lạc về địa chỉ Hội Chuyên Gia VN tại 4718 Meridian Ave, suite 261, San Jose, CA 95118. Tel/Fax số 408-227-7409. E-mail contact a hcgvn.vps.org.

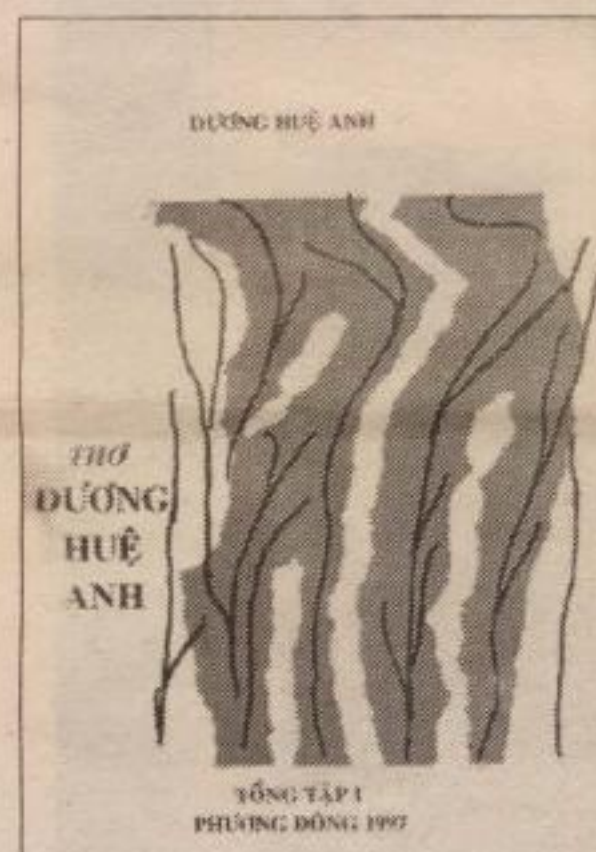
VIỆT NAM MỘT THẾ KỶ QUÁ CỦA NG. TƯỜNG BÁCH

Cụ Nguyễn Tường Bách, tác giả Việt Nam Những Ngày Lịch Sử và Trên Sông Hồng Cuốn Cuốn vừa cho xuất bản tác phẩm thứ ba tại Hải ngoại: Việt Nam Một Thế Kỷ Qua, cuốn I, giai đoạn 1916-1946.

Thời điểm 1916 không có gì đáng ghi nhớ trong Lịch sử ta, ở đây, chỉ là năm sinh của tác giả. Những trang sách bên trong

cũng cho thấy đây là cuốn sách mà người viết nhớ lại cuộc đời mình từ lúc sinh ra, cho tới năm lưu vong (1946), k... g phải là một biên niên sử, song cũng hàm ý đi theo dòng thời gian tuần tự của cuộc đời mình, ghi nhớ lại những sự việc trong đó tác giả được thấy, hay được tham dự. Là con út trong gia đình có một ông anh nổi tiếng trong Văn đàn, cũng như trong các hoạt động Đảng phái, là Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, cho nên cuốn sách như thế chủ yếu là nói về những gì xảy ra có liên hệ tới gia đình này. Người đọc từng biết đây đó chuyện gia đình Nguyễn Tường, nay được biết lại một lần nữa, hẳn nhiên qua cái nhìn khác. Sách chỉ kể sơ lược các sự kiện, không có tính cách mô tả, vì tác giả năm nay đã trên 80 tuổi: phải kể đây là một việc cực kỳ nặng nhọc, và là một cuốn sách có ích.

Việt Nam Một Thế Kỷ Qua, cuốn I, dày 324 trang, bán giá 16 mỹ kim.



TỔNG TẬP THƠ DƯƠNG HUỆ ANH

Nhà thơ Dương Huệ Anh vừa gửi cho chúng tôi tập Thơ Dương Huệ Anh Tổng Tập I, dày gần 500 trang, trong đó ông cho in bao gồm tới 6 tập thơ cũ đã từng xuất bản như Thương Cả Trăm Hoa, Gót Ngọc Quan Âm, Thơ Xanh, Thơ Hồng, Ba Mươi Năm Trước và Hai Mươi Năm Lưu Vong.

Mở đầu, ông viết vài hàng tâm sự, những chuyện trước và xung quanh việc thu tập và sửa lại các thi phẩm cũ để in vào Tổng Tập này, và ở phần cuối cuốn sách là phần phụ lục, dày hơn 60 trang. Trong phần này, ông in ra thư từ, cảm nhận của một số văn thi hữu về thơ của ông, đọc thấy có Trình Xuyên, Tâm Huyền, Nhật Thịnh, Lưu Hy Lạc, Phạm Lệ Oanh...

Địa chỉ để liên lạc với tác giả: 1923 Mt. Pleasant Road, San Jose, CA 95148.



**MARIAH CAREY,
NGƯỜI ĐƯỢC NHIỀU
CA SĨ VN BẮT CHƯỚC**

Hôm 16.11.98, xuất hiện trên MTV, nữ ca sĩ Mariah Carey trả lời duyên dáng nhiều câu hỏi mặc dù các báo không coi đĩa nhạc mới nhất của cô, gồm 13 bài, là đĩa nhạc vào hàng số 1. Cô thú nhận đã không bỏ ra đủ thì giờ để thu thanh đĩa nhạc này. Năm nay 28 tuổi, đã ly dị, Mariah Carey có giọng hát hiền, truyền cảm, được nhiều nữ ca sĩ Việt Nam bắt chước. Hình trên: tấm hình mới nhất in trên bìa đĩa nhạc phát hành hôm 17.11.98.

THƠ ĐEN THƠ VỊNH



THÁI CUỒNG

CÔNG PHÁP CAO SU

Quốc tế dường như chuyện trẻ con
Đầu giờ lập lệ cuối thời luôn
Luận đàm bằng nặng
quyển buồn sủng
Hội thảo lãng nhăng nạn bán tròn
Tiểu Cộng an bang Pinochet
Bắt người dẫn độ án Luân Đôn
Nội tình nước khác sao rờ mó
Công pháp như đồ rắn lại thun.

KỸ NGHỆ XUẤT BẢN VÀ VÀI NHÀ VĂN TRIỆU PHÚ MỸ

Bất cứ ai viết sách gì cũng trở thành tác giả, bất cứ ai viết truyện gì cũng trở thành nhà văn, tuy nhiên chúng ta đều biết tác giả sách dạy khiêu vũ khác với tác giả biên khảo triết học, và nhà văn có nhiều loại: ở Hoa Kỳ đặc biệt có một giai cấp nhà văn thương mại. Có thể kể 4 tên tuổi quan trọng: Stephen King, Michael Crichton, John Grisham và Tom Clancy.

Từ lâu, Stephen King là ông vua trong giai cấp này, song trong mấy năm gần đây, hào quang có phần lu mờ. Vụ ông đòi nhà xuất bản phải ứng trước một số tiền là 20 triệu mỹ kim (hai mươi) cho cuốn truyện mới nhất, Bag of Bones (Túi Xương) bị coi là chuyện lố bịch, song có thể đó chỉ là cái cớ để ông bỏ nhà xuất bản cũ, Vikings, để đi với nhà xuất bản mới, là Simon & Schuster. Cuốn sách hiện dẫn đầu danh sách các sách bán chạy nhất của tờ New York Times tới tuần lễ thứ 5, được in ra với một giao kèo có các điểm như sau: nó là một trong ba cuốn, tiền đặt cọc là 2 triệu một cuốn, tiền này sẽ trừ vào tiền lời. Sau khi huế vốn in, hai bên chia tiền lời đồng đều, 50-50. Hồi cảm tưởng trước và sau sự thay đổi nhà xuất bản, King nói: "Ở với Vikings, tôi đóng vai bà vợ. Đi với nhà xuất bản mới, chúng tôi đang hưởng tuần trăng mật và tôi cảm thấy, một lần nữa, tôi đang ở tuổi 35."

Stephen King, thật ra, không còn ở tuổi 35, dù ở phương diện nào. Ông từng có ba tác phẩm dẫn đầu bestselling lists của

New York Times suốt 35 tuần lễ liền (cả ba) là "Firestarter" 1981, "It" 87 và The Stand 1991. Một trong những truyện của ông dựng thành phim thu về tới 75.5 triệu mỹ kim là The Shinning. Lợi tức năm 1998 của ông, ước lượng là 40 triệu mỹ kim.

Trong khi đó, Michael Crichton, tác giả "The Lost World" có lợi tức ước lượng 65 triệu cho năm 1998. Tác phẩm trên quay thành phim Jurassic Park năm 1993 thu về 356.8 triệu mỹ kim. John Grisham chuyên viết về thế giới luật sư, tòa án, năm 1997 có lợi tức 37 triệu, tác phẩm "The Pelican

Brief" dẫn đầu sách bán chạy nhất trong 49 tuần lễ, cuốn phim The Firm quay theo truyện của ông thu về 158.3 triệu mỹ kim. Người thứ tư, Tom Clancy, chuyên viết truyện gián điệp, lợi tức 34 triệu năm 1997, nổi tiếng với "Red Storm Rising" (dẫn đầu 50 tuần lễ), phim Clear and Present Danger mang về 120.0 triệu.

Để đạt những thành tích này, người ta phải hy sinh nhiều thứ, ấy là không kể sự lao tâm khổ trí để tạo dựng cuốn sách. Giáo sư Anh ngữ Jim Farrelly, từng lấy sách của Stephen King ra dạy sinh viên tại Đại học Dayton, nói rằng ông sẽ không đụng tới Bag of Bones.

YẾN LAN (1916-1998)

Nhà thơ Yến Lan đã qua đời tại Bình Định quê nhà lúc 14 giờ địa phương ngày 5-10-1998, thọ 82 tuổi. Ông sinh ngày 2 tháng 3 năm 1916 gần cửa đông thành Bình Định cũ, tên thật là Lâm Thanh Lang, bút danh Yến Lan do tên hai cô bạn gái hàng xóm ghép lại, cô Lan về sau là bà Yến Lan.

Gia đình nho học nghèo, ông sớm mồ côi cha mẹ, học trung học trường tỉnh. Nhà thơ Yến Lan bắt đầu nổi tiếng nhờ một bài thơ, Bến Mỹ Lăng. Cái bến có thật, gần nhà, tên là bến Trường Thi, Mỹ Lăng là hư cấu. Sau đó là kịch thơ BÓNG GIAI NHÂN viết chung với Nguyễn Bính tại Huế 1940. Tập thơ Bến Mỹ Lăng do Chế Lan Viên để tựa chưa kịp xuất bản thì xảy ra chiến tranh Việt Pháp. Yến Lan tham gia kháng chiến tại Bình Định rồi tập kết ra Bắc. Sau đó đã xuất bản 8 tập thơ, đặc biệt là tập Những Ngọn Đèn, 1957 do Văn Cao đề tựa và đề cao. Văn Cao dính vào vụ án Nhân Văn Giai Phẩm và Yến Lan vị vạ lây. Kể công kích Văn Cao và Yến Lan dữ dội nhất lại là Xuân Diệu người cùng sinh một năm và một quê với Yến Lan.

Thơ Yến Lan hiền lành, trong sáng; nhiều mộng mị pha một ít đắng cay. Hay nhất là những bài về quê hương, bạn bè, gia đình. Nhà văn Võ Phiến, cùng quê, thường ca ngợi câu này của Yến Lan.

Chiều nay mở cửa ra trông
Thấy làng dâu chỉ thấy lòng mà thôi.
một câu thơ đơn giản mà cảm động
DẶNG TIẾN
BBC, 10.10.1998

TIỆC CƯỚI TÂN THỜI

Khen ai tổ chức khéo vô song
Tiệc cưới canh tân đến tận cùng
The thé lời ca như ngựa hí
Đùng đùng tiếng nhạc tựa voi lồng
Đình tai bởi mấy chàng khua trống
Xốn mắt vì bao ả ngoáy móng
Khốn khổ cho ai ngồi phía trước
Cáo từ: bất nhã, ở không xong...

VỊNH "THƠ CÀNH BỨA"

Nực mùi cá mẩn bốc lừng nhà
Thơ chẳng thành thơ, ca dở ca
Luận, Thực, Luật, Niêm đều vất bỏ
Phá, Thừa, Chuyển, Kết cũng cho qua
Lạc đế, lệch vế, ngâm ông ổng
Khô độc, sai vần, rỗng ế a
Chó chạy trên đê dài tít tắp
Ồi thơ, ời thần, úi cha cha!

* Khuyến tấu trường đê, chó chạy trên đê dài, đó là câu nói của thi nhân xưa để chê những bài thơ không kết thúc được, hay kết thúc lạc đề.

VĨNH BIỆT HỌA SĨ NGHIÊU ĐỀ HỌP MẶT NGÀY XA CÁCH

Họa sĩ Nghiêu Đề, một trong những người tiên phong của Hội Họa Việt Nam hậu bán thế kỷ XX đã từ trần chiều thứ hai 9.11.1998 tại San Diego, hưởng thọ 62 tuổi. ■ Không chỉ tài ba về họa, ông còn viết văn, làm thơ, làm báo, và trở thành người bạn chung của giới sinh hoạt văn học nghệ thuật báo chí tại Miền Nam Việt Nam suốt bốn thập niên qua. Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, từ 1985, Nghiêu Đề đã buông bút, buông cọ, không viết, không vẽ, nhưng trong lòng những bằng hữu văn nghệ, vị trí của ông không suy chuyển, phong cách sống lặng lẽ hài hòa của ông ngày càng được yêu mến quý trọng. ■ Ngày giờ cuối cùng để vĩnh biệt Nghiêu Đề đã trở thành cuộc họp mặt ngày xa cách giữa nhiều nhóm, nhiều lớp tuổi, nhiều môn phái. Ở gần, và ở xa. Nơi xa xôi nhất, và cũng gần bó nhất, chính là từ quê cũ, từ Sài Gòn, vẫn có người tới. Tên anh ta là Nguyễn Trung, nguyên chủ tịch sáng lập Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam.

Tấm chân dung Nghiêu Đề, thay cho ảnh thờ, do họa sĩ Đỗ Quang Em vẽ



I.
Phòng Tranh Nguyễn Trung khai mạc lúc 9 giờ sáng ở Oakland, và 10 giờ 45 chiếc Southwest sẽ đáp xuống phi trường John Wayne ở Quận Cam. Trong lá thư giới thiệu chương trình Đường Chân Trời tại Pacific Bridge Gallery, ông Geoff Dorn hứa nghệ sĩ sẽ có mặt để tiếp xúc với người thưởng ngoạn, nghĩa là Trung phải ở đấy khi phòng tranh mở cửa. Chúng tôi biết thật khó khăn để họa sĩ bỏ phòng tranh trong ngày đầu tiên, song chúng tôi cũng lại biết chẳng thích gì cho một họa sĩ khác vắng bạn trong lúc cuối cùng. Vào 9 giờ sáng chủ nhật, hôm sau, là ngày dời quan Nghiêu Đề. Anh mất hôm thứ hai, 9.11.98. Cùng với Nghiêu Đề, Cù Nguyễn, Nguyễn Khai, Đinh Cường, Mai Chững, Nguyễn Phước, Nguyễn Trung đã sáng lập và là Chủ tịch đầu tiên Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, từ năm 1960. Xa nhau nửa vòng trái đất không nói làm gì, cách nhau một giờ bay tốt hơn là rặng đến.

Từ tòa báo, cuộc điện đàm tay ba diễn ra. Trần Dạ Từ nói một lý do, tôi cũng có lý do khác, là thế nào thì Nguyễn Trung cũng nên bay xuống. Câu trả lời đến vào hôm sau: Trung xuống, nhưng chỉ có 48 tiếng đồng hồ rồi phải bay lên. Từ và tôi định sáng hôm sau cả hai sẽ ra phi trường đón bạn.

Từ Nhà có gặp Trung từ 10 năm trước, tôi chưa gặp Trung từ 1975. Năm 1960, Trung và tôi đã thuê chung căn nhà sàn sau chùa Phú Thạnh, "để đặt studio". Ngôi nhà này sau Từ có ở. Với tôi, ba tiếng "chùa Phú Thạnh" là nơi vĩnh biệt những tiếc thương, linh ảo đối hồn đời, chôn vùi vài kỷ niệm, trong thơ và trong tranh.

Chính trong căn nhà này, tôi còn nhớ, tấm tranh vẽ Oanh của Trung tựa đề "Chân Dung" để trên sàn gỗ,

không cả được treo lên. Đó là tấm tranh sơn dầu đầu tiên của một họa sĩ 20 tuổi đoạt huy chương quốc gia, huy chương bạc Triển Lãm Mùa Xuân 60- và mở đường cho một thế hệ nghệ thuật mới mẻ của Miền Nam Việt Nam đi lên. Sau Trung một năm, tới phiên Cù Nguyễn và Nghiêu Đề dành luôn cả huy chương vàng lẫn huy chương bạc trong Triển Lãm Mùa Xuân năm 1961.

II.
Ngoài Từ Nhà, còn có Nguyễn Khai và Đỗ Đình Tuấn chờ ở phòng khách phi trường. Nguyễn Trung hiện ra nơi cửa, vai đeo túi hành lý. Không có gì thay đổi, hoàn toàn không, ngoài hàm râu nhạt. Đường như chúng tôi chưa từng không gặp 23 năm qua.

Trong tình bằng hữu, ở một quá khứ xa xăm, hình như không phải chỉ có một con người, một khuôn mặt. Cùng lớn lên một lứa, trải những thăng trầm, chúng tôi không vào sinh ra tử gì, song biết rằng nếu gặp nhau ở Hoa Dung tiểu lộ, cũng cười cười mà tha Tào. Thế thì có chia ngọt sẻ bùi chăng? Có thể lắm, mặc dù trong nhóm bạn hữu cầm bút và đất cò đi về, chúng tôi không một ai có mộng công hầu khanh tướng, nhưng nếu có một Tổng Giang, cũng dư nhân số lực đạo để họp thành Lương Sơn Bạc. Có kẻ chơi dao, người tay xích. Có gã ngang tàng, có anh dõm lược. Thời 60 vào đời, màu xanh blue là của Nguyễn Trung, nét khổ độc là của Cù Nguyễn. Bay lên trời có Nguyễn Khai, bỏ với đất có Mai Chững. Có những cái tên nghe linh kinh như Nguyễn Nghiệp Nhưng viết văn, như Nghiêu Đề làm thơ và vẽ. Đã có Tú Kếu, còn có Tú Đội. Đã có

Dương Nghiễm Mậu lại còn có Sao Trên Rừng. Loan Mất Nhung hỏi Nguyễn Thụy Long, Chuông Thiên Mỹ Nhà Ca còn nhớ. Từ chùa Phú Thạnh, vô y đại đức tu luyện phép màu, nơi hẻm Chi Lăng, công tử Thừa Thiên thoát bào nương vị. Lâm báo có Nguyễn Khắc Nhân, Trần Dạ Từ. Luyện chương có Nguyễn Hữu Đông, và đôi chàng tử xứ... Cho nên gặp nhau thưa thớt hồi chuyển nhà, mà rộn ràng thăm bạn hữu. Và thế sự lặng vắn.

III.
Trung ít nói, mà nói rất chắc. Họp bạn trai mà có phụ nữ đến gần, Anh bảo: "Bọn đàn bà không hiểu được lòng người Quân tử." Phê bình Hội họa, anh tra cứu, gạch xóa câu văn, sửa đi sửa lại. Sinh ở Miền Nam, tình vật trong tranh Nguyễn Trung là trái vú sữa vườn nhà, không phải trái lê trái táo của tây phương. Tôi đã ở trong ngôi vườn ấy, xóm Nguyễn Huỳnh Đức, nơi ở của mẹ Trung. Bà cụ Miền Nam dạy học, giỏi tiếng Pháp. Tôi nhớ có lần đọc một câu tiếng Pháp gì đó gặp trực trặc, Trung ghi vào giấy, nói: "Để tao về hỏi bà già." Cây cò Miền Nam bắt ngất trong tâm hồn Trung. Còn nhớ cảm xúc sững sờ của tôi khi bước vào Phòng Triển Lãm Pháp Văn Đồng Minh Hội, đội lại trước tấm tranh thiếu nữ đội mĩa. Những đóng mĩa vàng xanh mờ mông. Nét thiếu nữ đầy tươi. Một sức sống ào ạt của Lục tỉnh, của Hậu giang. Cúi đọc phía dưới danh thiếp của người mua tranh, đã bán, với giá cực kỳ mắc: Quốc vụ khanh Mai Thọ Truyền.

Tao không có tiền để mua bức tranh này, tôi nói. Trung để tay lên miệng, cười sục sục. Cái bức tranh lớn như thế này, tao vẽ là để bán cho những người ở lâu dài, biệt thự.

Dại khải như thế. Bức tranh lớn như cái chiếu, và dài hơn, cao hơn nữa.

Tranh sơn dầu Nguyễn Trung trong như pha lê, nhìn óng như ngọc thạch. Không thấy cái xù xì, cái chổng chắt của đường nét, lượng sơn, không thấy cái Au châu cái ngoại quốc ở đó, mặc dù sơn dầu là bộ môn đặc ngoại lai. Ở Nguyễn Trung, một nhà phê bình Ba Lê phải ngó nhìn phân tích, một khách sưu tập nước ngoài phải thấy tâm thức đồng phương. Mặt dao của Nguyễn Trung, nếu có, êm như một tàu lá.

IV.
Hơn hai giờ chiều, sau bữa ăn trưa ở Viên Đông, đột nhiên có ý kiến đưa ra: đi San Diego nhìn bạn Nghiêu Đề lần chót, trước khi áo quan đóng lại. Năm giờ nhà quán đóng cửa, chúng tôi không kịp mang đồ lớn, cà vạt, cứ thế lên đường. Tất cả ngồi một xe, trên chiếc Ford chở báo của Trần Dạ Từ. Bâng trên bên tài xế có Nhà Ca, Kiều Chinh. Bâng dưới có Nguyễn Trung, Nguyễn Khai và tôi. Chúng tôi đã kịp nhìn thấy bạn, nằm bình yên trong khối hương, ánh nến, khoảng nửa tiếng trước khi nhà quán đóng cửa. Đọc đường, Nguyễn Khai kể toàn chuyện vui về Nghiêu Đề, từ cái xe máy không xăng đến chiếc cổ áo cài kín cúc. Trước linh cửu, chị Nghiêu Đề cũng kể toàn chuyện vui về chồng, về chuyện Nghiêu Đề dạy Nhung, dạy Khải Thư, dạy... về ý nghĩa một danh từ, thí dụ một thành ngữ.

Lần lượt, mỗi người thấp một nén hương, vãi bạn lần đầu, hiện hình trong tấm chân dung do Đỗ Quang Em vẽ. Tôi nhủ thầm trong khi vãi: "Tôi vẫn phục bạn lắm, bây giờ mới chứng tỏ đây, lần chót đó." Nói vậy, tôi cũng thầm chúc bạn bình an bên kia thế giới.

Nhìn Nguyễn Trung vãi bạn, tôi thấy Từ nói đúng: "Nghiêu Đề sang quá, có bạn từ Sài Gòn qua kịp để đi đưa."

Ngay từ tuổi đôi mươi Nghiêu Đề đã không ngừng hết lòng với bạn hữu. Lúc từ biệt, làm sao bạn hữu không nghe thấy tiếng gọi họp mặt ngày xa vắng của chàng. ■
20 tháng 11.98

Bài VIÊN LINH
Hình NHÀ CA

Viên Linh, Nguyễn Trung, bà Nghiêu Đề, Kiều Chinh. Phía sau là Nguyễn Khai và Trần Dạ Từ.



NGÀY CUỐI CÙNG TRONG ĐỜI QUÂN NGŨ

TRẦN NAM CA

Tôi ra đi, xa bạn bè vào một ngày buồn ảm đạm, trời không mây nhưng ánh nắng không chiếu sáng nổi bầu trời thê lương. Sáng 29-4-1975 khung trời quen thuộc Tân Sơn Nhất bao phủ một màu tang, từng tiếng nổ chất chứa, từng cột khói ngất trời, đạn pháo kích của kẻ thù đã cày nát đất mẹ mến yêu, từng loạt nổ tiếp tàn phá như chỗ không người! Nhưng không, tiếng pháo của bọn vô thần đã nín bật khi chiếc AC 119 bay lượn chung quanh vòng đai, bắn từng loạt đại bác khóa mồm loài quỷ dữ.

Cánh chim sắt vẫn tung hoành ngang dọc đó đây. Nhưng than ôi! Con đại bàng thọ nạn, chiếc AC 119 trúng SA7 khói bốc mịt mù. Con tàu quay đầu hướng vào phi đạo 25, rồi nổ tung. Bốn chấm đen bay ra, một cây dù bọc gió nhưng thân dù đã bị cháy, đời thăng phi công rơi nhanh trong lửa đỏ. Ba chấm đen còn lại vẫn rơi mau, bao cặp mắt bạn bè đổ dồn chờ đợi, nhưng hy vọng tàn nhanh khi các chấm đen cũng rơi nhanh theo định mệnh.

Mọi người đang ngỡ ngàng, thì những tiếng pháo lại nổ dồn dập, chất chứa.

Ngồi trong hầm trú ẩn phi đoàn, tôi miên man suy nghĩ đứa nào đã thi hành phi vụ sáng nay, dường như Hiền, Thuận hay đứa nào? Hồi chỉ để hồi mà thôi, vì đứa nào thì mình cũng đau lòng cả!

Tôi cứ nghĩ đây là hình ảnh đau thương nhất, giờ thứ hai mươi lăm của đời bay bổng, ngờ đâu khoảng mười một giờ, khi hàng ngũ bị tan rã, mạnh ai nấy tìm lối thoát tôi còn chứng kiến một chiếc C 47 vừa cất cánh chưa lấy được cao độ đã chống chọi và rớt nằm bên phi đạo. Con tàu phát hỏa, cảnh tượng hãi hùng, người bỗng bết nhau tìm lối thoát, cảnh mẹ già bế con thơ chui ra khỏi thân tàu, ngỡ ngàng tìm một hướng đi dưới bầu trời bom đạn.

Tôi cất cánh thành công rời vòm trời Bình Thủy, lấy hướng U Ta Pao chờ theo vài con chim rã đàn đang ngỡ ngàng nhìn lại sau lưng với bao nhiêu nỗi nhớ! Tàu vẫn lộng gió, tay tôi vẫn nắm chặt cần lái, mắt hướng về phía trời xa nhưng tâm hồn lạc lõng, những hình ảnh thân yêu hiện về, ánh mắt cay cay, cổ họng uất nghẹn thốt chẳng nên lời. Tôi đang miên man thả hồn theo mây trôi giữa khung trời sương phủ thì có bàn tay ai lay mạnh ở vai, cái headset trên đầu cũng bị một bàn tay khác kéo tuột ra và có tiếng quát vào tai tôi:

- Nhà tao đấy, nhà tao ngay khu phố đó, giờ này ba má tao, vợ con tao đang chờ đợi tao, lo âu cho tao. Chúng mày hãy quay tàu trở lại để tao về với gia đình. Tao không đi đâu cả, mau quay tàu trở lại.

Tội nghiệp cho Xuân, vừa gào thét vừa van xin, mặt mày méo xệch trông thật thảm thương, nhưng nó có biết đâu những thằng đi trên chuyến tàu này gần như cùng có một tâm trạng nào nề.

Tất cả đang bùi ngùi xúc động vì người thân và rất đông bạn hữu giờ đây bỏ lại sau lưng và nó đâu hiểu rằng chính tôi cũng đang cố nén trong tim một điều gì.



Tàu xa dần đất mẹ, nhìn xa xa thấy trời nước mênh mông, những đám mây lơ lửng trôi giạt đó đây như kiếp người trong tan tác. Khi mà mênh mông bề rộng trời cao, vẫn vương bao nỗi biết đâu là nhà, gió vẫn lộng ào ào, tàu vẫn bay vun vút, tôi đang miên man lướt tiếc những cái quý giá nhất của mình đã bỏ lại nơi quê hương, hồn buồn rười rượi, đang lơ lửng như những áng mây trôi không định hướng.

Những tiếng hò hét phía sau, đưa tôi về với thực tại. Rời phòng lái bước vội ra sau, một cảnh tượng vừa bị đất lần hải hùng, khi tôi nhìn thấy Xuân mặt mũi máu me bết, đang bị Tâm khóa chặt đôi tay ra phía sau không cửa quay. Long thì đi khẩu P-38 vào ngực Xuân, cắn răng thốt từng tiếng một:

- Thà tao bắn mảy, bắn chết mảy bằng khẩu súng của tao, bắn chết mảy trên con tàu mà ngày ngày chúng mình cùng thi hành một phi vụ. Tao không thể để cho mảy liều mạng ôm dù nhảy xuống để cộng sản ăn thịt mảy. Mảy có biết bọn ác ôn gọi bọn mình là "giặc lái" không? Mảy có biết bọn mình là kẻ thù số một của nó không? Nhất phi nhì pháo mảy quên rồi sao?

Thì ra vì phút yếu lòng và nặng gánh gia đình, Xuân định liều ôm dù nhảy xuống, thà chết thì chết trên quê hương, nếu may còn sống sót thì gặp lại gia đình và người thân. Tội cho Xuân vì bạn bè cản trở không cho nhảy dù, lại còn bị trận đòn dần dập, buồn thân phận và mũi lòng ngối khóc như con nít đòi mẹ bế.

Nhìn ra phía sau tàu, tôi thấy một bà cụ đang lấy khăn lau giòng lệ, cu khóc bên một em gái độ 7, 8 tuổi nét mặt buồn thiu, đôi mắt đỏ ngầu dường như cũng đang khóc. Tôi đi dần ra sau định mời bà ta lên phía trước tàu ngồi cho đỡ chóng mặt thì có giọng meo meo:

- Ông ơi, giờ thì đi đâu hở các ông?

- Thưa bác, tàu đang hướng về đất Thái, có lẽ độ 2 giờ nữa sẽ đáp xuống Thái Lan.

Có tiếng òa khóc:

- Thế là hết rồi, con tôi, cháu tôi ở lại tất cả, tôi đi để làm gì? Trời ơi có thấu, khổ ơi là khổ!

- Thế là bác đi có một mình. Sao gia đình bác không cùng đi?

- Đêm qua con tôi nó đưa tôi, em nó, vợ và con nó vào căn cứ để cùng đi chung, tôi có biết gì đâu. Hễ con cháu ở đâu thì tôi ở đó. Ngờ đâu đêm qua Việt Cộng pháo kích, sáng sớm nó chở vợ con đi ra ngoài, để tôi và em nó ở lại. Mọi người chạy, mẹ con tôi cũng chạy theo, người ta đâu mình ở đó biết làm sao, ngờ đâu leo lên máy bay bây giờ ông bảo đi Thái Lan thì coi như hết rồi, sao mà tôi khổ thế này!

- Bác yên tâm. Anh ấy sẽ sang sau, có gì đâu mà lo.

- Trời ơi là trời! Giờ này con cháu tôi ra sao? Tôi có ngờ đâu giờ phút này tôi phải xa con, xa cái, xa cả quê hương mồ mả ông bà. Đánh nhau giết nhau mấy chục năm rồi mà giờ này vẫn còn thù hận chém giết nhau nữa!

Tình cảnh người nghe đứt ruột, riêng mình thì cũng xé gan cổ khác chi đâu. Phải chăng đây là chuyến bay định mệnh, phi vụ cuối cùng của đời bay bổng?

Xế trưa máy bay đáp xuống đất Thái. Thằng bạn Mỹ của năm nào cùng chung trường bay gặp lại, tay bắt, mặt mừng. Mừng mừng, tủi tủi thốt chẳng nên lời.

- Sao bọn mày đến trễ thế? Bọn tao được lệnh đón bọn mày hơn tháng nay!

Một câu hỏi và cũng là câu trả lời phủ phàng cho một sự thật nào nề, phải chăng người ta đã xấp xếp mọi việc từ lâu? Còn gì chưa chất hơn khi hiển được sự thật, một sự thật đau lòng.

Điều làm cho đau lòng hơn cả là khi con tàu vừa đáp xuống sân bay đã thấy anh chàng thợ sơn khốn nạn cầm bình sơn xịt ngay hình lá quốc kỳ trên thân cánh máy bay bằng màu sơn xám xịt, màu xám thê lương như màu tang đất mẹ của ngày tàn cuộc chiến. Vài thằng quá uất ức, định nhào ra lấy lại máy bay để trở về cố hương. Nhưng đã trễ, M.P. Mỹ đã chặn lối, dúi cui và P-38 đã cản đường. Ôi! Thời bay bổng nay còn đâu?

Trời đã xé chiều nhưng ánh nắng trên đất Thái vẫn chói chan, gay gắt như sự uất nghẹn trong lòng người lìa xứ, từng con tàu mang màu cờ vàng ba sọc đỏ đáp xuống, đem theo từng nhóm người, đáng đi thất thểu, ngỡ ngàng. Phía sau lưng họ, bọn thợ sơn đã xuất hiện, xịt sơn xóa ngay hình những màu cờ. Những con tàu thân yêu ấy bỗng trở nên xa lạ, thành những con tàu vô danh, vô tổ quốc.

Rồi một chiếc F-5 đáp xuống, hai chàng trai Việt mặc áo may-ô, không áo bay, không helmet thế mà họ là hai phi công vừa hoàn tất một phi vụ vượt biên. Rồi những tin tức kế tiếp, những tin không may cho những con chim sắt nửa đường mỗi cánh, nằm dài trên xa lộ xứ người, hay những con chim lạc đàn nằm rũ cánh nơi núi rừng đất khách ngàn thu. ■

LÀM SỐNG LẠI MARCEL PROUST

TUỆ PHÁP

Với các độc giả Việt Nam ở khoảng tuổi 40 trở lên, ít người không biết đến tác phẩm nổi danh của Marcel Proust, À LA RECHERCHE DU TEMPS PERDU, KIẾM TÌM THỜI GIAN ĐÃ MẤT. Người Pháp, và thế giới nữa, hầu như coi ông là một văn hào, song mấy ai còn đọc ông trong những tháng ngày này, khi mà người ta đọc với tốc độ nhanh trong khi ông viết thật tỉ mỉ; câu chuyện trôi chậm chạp trên trang giấy? Họa sĩ, và cũng là nhà minh họa Stéphane Heuet, vừa làm Marcel Proust sống lại trong lòng độc giả Pháp, hay những người yêu văn chương Pháp, bằng cách vẽ tác phẩm bán tự truyện của Proust thành tranh, và in thành sách.

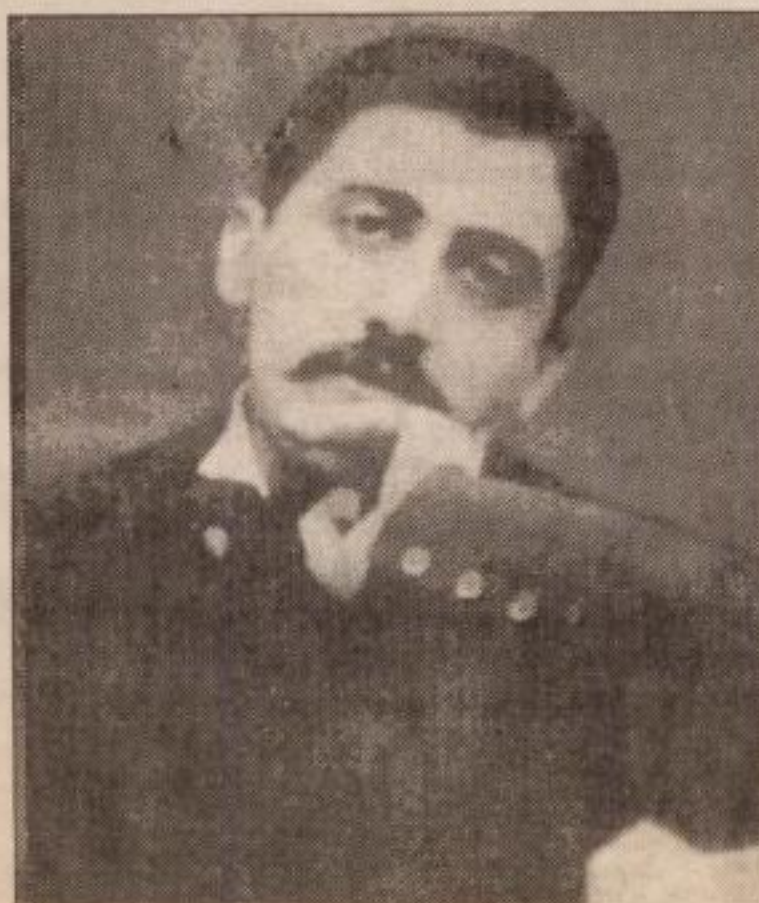
Cuốn sách tranh, là cuốn đầu trong dự trù 10 cuốn, có nhan đề là COMBRAY, dày 70 trang hình vẽ, bán hết 12.000 cuốn trong vòng ba tuần lễ qua ở Pháp. Nếu một trang của cuốn Kiếm Tìm Thời Gian Đã Mất đầy đặc những chữ, thì một trang của Stéphane Heuet chỉ có hai câu, câu trên: "Il est clair que la vérité que je cherche n'est pas en lui, mais en moi. Il l'y a éveillée..." (xuống hàng, tám tranh, rồi mới in tiếp) Dix fois il me faut recommencer..." (Điều rõ ràng là sự thật mà tôi tìm không ở nơi hắn, mà ở nơi tôi. Hắn đã làm thức dậy điều đó... Mười lần tôi phải bắt đầu lại...)

Stéphane Heuet nói với ký giả Alan Riding của tờ New York Times: "Ngày nay, khi bạn nói madeleine, người ta sẽ nói Proust và hãnh diện về điều đó." madeleine là một thứ bánh nhỏ, cái bánh đã khiến ký ức, trí nhớ Marcel Proust sống dậy, kéo dài tràn lan qua 13 cuốn sách- "nhưng chỉ có thể thôi. Đó là tất cả những gì người ngày nay biết về Marcel Proust. Ông ta bị giữ trong một hang động như vàng hay kim cương vậy. Theo tôi, mọi cố gắng để phổ thông hóa Proust đều rất có giá trị."

Nghĩ như thế từ lâu, ông Stéphane Heuet, nguyên làm nghề quảng cáo, đã sưu tầm và sửa soạn nhiều năm để cho xuất bản cuốn đầu, khổ lớn, qua nhà xuất bản Delcourt, 12.000 ấn bản COMBRAY qua nét vẽ của ông. Với giá 15 mỹ kim, tất cả đã bán hết trong vòng 3 tuần lễ. Đợt tái bản, 8000 cuốn, hiện đang in.

Dư luận giới văn học Pháp sôi nổi. Dĩ nhiên là cả thuận lẫn chống. Marcel Proust trong hí họa? Mềng ơi.

Tờ nhật báo thủ cựu Le Figaro chạy tit lớn: Đúng là Marcel Bị Ám Sát. Tác giả bài báo, Hervé de Saint-Hilaire mô tả cuốn hí họa bằng những tính từ như 'thô bạo', 'miệt



Marcel Proust.

thị', 'kinh khủng' 'diên hùng. Ông than phiền từ nét vẽ người đầy tớ đã thành một huyền thoại Françoise tới vẻ thanh nhã kín đáo của Bà de Guermantes và tác giả (Proust) khi còn là một đứa trẻ cho tới những tiếng đối thoại phóng tác (Cầm đi. Một cái bánh madeleine?), vốn Proust không bao giờ viết ra. Còn tiếng chuông nhà thờ trong cuốn minh họa- khi thì kêu ding ding, khi thì kêu dong dong, trong khi trong nguyên bản, chỉ có một tiếng kêu thôi. Tờ Le Monde còn im lặng trong khi tờ Libération, thiên tả, cho rằng cuốn hí họa "có thể chấp nhận được."

Phía bên nói rằng cuốn COMBRAY của Stéphane ra đời nhằm thúc đẩy người ta đọc Proust, một tác giả khó đọc. Nó cũng giúp các sinh viên học sinh khi nhỏ học văn trích trong À LA RECHERCHE DU TEMPS PERDU nay có dịp đọc lại văn chương cũ. Còn nhà họa sĩ rất hài lòng: "Tôi nghĩ người ta đọc Proust từ tôi, chứ không phải từ Proust. Thế là quá điều tôi mong đợi rồi."

Tái tạo ảnh hưởng một tác phẩm cổ điển không phải là chuyện dễ. Đường thời, tác phẩm Proust cũng phải chật vật mới tìm được độc giả. Sinh tại Auteuil năm 1871, lớn lên trong một gia đình giàu có ở Ba Lê, bố dạy Đại học Y khoa, anh là bác sĩ, Proust theo học Luật và Khoa học Chính trị, sống một tuổi trẻ sung túc và bận rộn. Tuy nhiên ông mắc bệnh suyễn, sống trong một căn phòng kín bưng âm thanh, trải qua 15 năm gần như biệt lập trước khi từ trần vào năm 1922, do đó Proust xa cách với xã hội. Năm 1913, nhờ giàu có, ông bỏ tiền túi để nhà xuất bản Editions Grasset in cuốn sách đầu tay cho ông, DU CÔTÉ DE CHEZ SWANN.

Đây là cuốn đầu trong bộ À la Recherche du Temps Perdu, bán được tám cuốn. Thế chiến thứ nhất bùng nổ làm gián đoạn văn nghiệp ông, tuy nhiên sáu năm sau, bộ hai cuốn A L'OMBRE DES JEUNES FILLES EN FLEURS được trao giải Goncourt, nhưng vinh quang quá ngắn ngủi, Proust từ trần vào tháng 11.1922, ở tuổi 51. Toàn bộ tác phẩm ông, 11 cuốn chót, chỉ được xuất bản khi ông đã nằm sâu trong lòng đất.

Sinh thời, ông không được hưởng danh vọng một nhà văn. Sách ông chỉ tới năm 1954 mới bán chạy, nhờ nhà Gallimard in toàn bộ trong loại sách quý Pléiade. Cả triệu cuốn được tiêu thụ, và mĩa mai thay, cuốn DU CÔTÉ DE CHEZ SWANN đứng đầu số sách bán chạy nhất của ông. Tuy gọi là bán chạy, hiện nay tại Pháp, cuốn này chỉ bán khoảng 15.000 ấn bản một năm. Nhà minh họa Stéphane Heuet với cuốn COMBRAY, đã thực sự khiến độc giả tới với Proust nhanh hơn là Proust có thể làm.

Truyện bằng tranh là một hiện tượng ở Pháp. Trung bình mỗi người Pháp đọc 14 cuốn truyện bằng tranh một năm, trong đó một phần ba là người lớn. Đây là kết quả thăm dò năm 1997 của Bộ Văn Hóa Pháp. Thương vụ truyện bằng tranh ở Pháp là 50 triệu mỹ kim cho năm ngoái. Chúng ta có thể không biết, nhưng không có gì để ngạc nhiên nếu biết rằng những BA TƯỚC MONTE CRISTO của Dumas hay LES MISÉRABLES của Hugo đều đã xuất hiện dưới dạng truyện tranh.

Họa sĩ Heuet lần đầu đọc À la Recherche đã nhận ra ngay một điều: truyện của Proust nhiều hình ảnh. Ông gọi Proust là một họa sĩ phác thảo. "Proust suy nghĩ bằng hình ảnh, viết bằng hình ảnh". Ông nói quá thêm: "Không cần tới tiền bạc của Hollywood, tôi dựng lại hình ảnh Thời Belle Epoque của Pháp một cách dễ dàng."

Stéphane Heuet cho biết đã đọc bộ sách của Proust 14 lần, từ đầu đến cuối. Ông nghiên cứu, sưu tầm hình ảnh và đã tới tận nơi Proust sống thời thơ ấu, trong căn nhà ở Illiers ngoại ô Ba Lê (tức là Combray trong cuốn sách). Hội Những Người Bạn của Marcel Proust tán thành việc ông làm, không những thế, người thừa hưởng bản quyền của nhà văn, một cô chít của ông tên Nathalie Mauriac, cũng đã ủng hộ. Cuộc tái tạo thời gian đã mất xem ra đã thành công. ■

Oct.6.98

CHỈ CÒN MỘT NƠI TRỞ LẠI

LÂM CHƯƠNG

Kỳ 1

Buổi chiều. Sau một ngày lao động, trở về. Vừa bước vô cổng trại, tôi thấy nó đứng lấp ló sau bức tường, bên nhà Văn Hoá, nhìn tôi, cười. Tôi phớt lờ, ngoảnh mặt đi luôn. Nó phóng theo, giật giạt cái bị tôi mang bên hông.

"Chú."

"Coi chừng tụi cán bộ. Quan hệ với mày, chắc có ngày tao bị kiểm điểm."

"Chả sợ!"

"Mày là thứ heo rừng lăn chai có sợ chi. Tao sợ."

"Bước khuất vào đội của chú, rồi nói chuyện."

Nó lót tót theo. Tôi đứng lại bên hiên nhà, trong bốn bức tường vây quanh, ngăn chia các đội.

"Mày làm phiền tao quá."

"Cháu hết đường xoay trở. Xin chú thông cảm."

Nó xin thuốc lã, như người theo đòi nợ. Tôi móc trong bị ra một gói thuốc nhỏ, ngắt một chút, đưa nó.

Nó vờ tròn bì thuốc giữa hai đầu ngón tay: "Bé bằng hạt tiêu thế này, cho vào nỏ lọt mắt. Thêm cho cháu vài sợi. Chú!"

"Tao có cảm tưởng mắc nợ mày từ thời tiền kiếp. Sao mày không hỏi xin mấy chú kia?" Tôi ngắt thêm chút nữa, cho nó.

"Chú để dài, thông cảm với cháu."

"Thấy tao để dài rồi lờn mặt hả mày?"

Nó cười, cầm bì thuốc phóng về đội hình sự của nó. Thằng quỷ, không biết nói một tiếng cảm ơn.

Sáng chủ nhật, nghỉ lao động. Một ngày sung sướng nhất trong tuần của tù cải tạo. Nhiều người đã lên lửa, nấu các thứ rau củ hái được ngoài rừng. Những cái bếp con ngún cháy. Khói. Thổi. Quạt. Lắng xắng. Hoạt cảnh vui. Tôi đi lòng vòng qua các bếp. Nhìn... Đang nghĩ trong đầu, tìm món gì chế biến thức ăn... Nó xuất hiện.

"Chú!"

"Lại mày nữa. Muốn gì đây?"

Nó cười. Gặp tôi, nó luôn luôn cười cầu tài.

"Cháu có món này, đem chia sẻ với chú."

"Gi?"

"Sắn."

Nó vén áo lên. Một củ sắn giắt ngang lưng quần. Nó nhìn tôi kiêu hãnh.

Củ sắn dài hơn gang tay. Chất lượng.

"Mày chôm ở đâu?"

Nó nói nhỏ, ra điều quan trọng: "Hôm qua. Cháu được phân công quét dọn nhà kho. Thừa lúc thằng cán bộ thủ kho lơ đãng, cháu chộp ngay, cho vào quần."

"Mày nhanh như sóc."

"Chú nhanh như chồn."

"Tại sao mày nói tao nhanh như chồn?"

"Cóc, nhái, ếch, cào cào, châu chấu gặp chú. Con nào cũng toi mạng, trở thành món ăn."

Tôi cười: "Bỏ chuyện cóc nhái đi. Củ sắn này, không đủ để mày tráng bao tử."

"Cháu có cách để hai chú cháu mình được no. Mài thành bột, cho nước vào, nấu được một nồi súp sắn."

"Mày có lý."

Tôi đi mượn cái bàn mài sắn, và đem gói thuốc lã ra hút với nó.

"Mày có thể hút thoải mái ở đây, nhưng đừng giấu bột đem về, nghe con. Tao gần khánh kiệt thuốc lã rồi."

"Chú nói thể làm mất mặt đại trượng phu. Cháu chẳng hút."

"Không hút, đỡ hao. Tao cảm ơn đại trượng phu."

Tôi cầm gói thuốc cho vào túi.

Nó nín lại: "Đùa thôi. Ngu sao không hút."

Nó ngắt một bì thuốc, cẩn thận cho vào nỏ. Châm lửa dóm. Kê miệng vô ống điều cày. Má nó hóp lại. Bập, bập, bập cho lửa ngún đều bì thuốc. Rút một hơi dài. Ôm khói. Buông điếu. Đầu hơi ngả ra sau. Thở bung khói lên trời. Cái mặt ồm ồm lâu ngày, giãn ra. Cặp mắt lơ đãng, thoáng khoái.

Tôi nói:

"Xong rồi. Bắt tay vào việc."

"Cháu mài sắn."

"Không được. Tay của mày ..."

"Bẩn hả?"

Nó xoè hai bàn tay, lật qua, lật lại. Mười ngón xương xẩu. Móng cấu bẩn.

"Móng của mày dài hơn móng mèo."

"Chẳng có cái gì để cắt."

"Dùng răng cắn, hoặc mài trên đá."

"Chả cần phải làm thế."

"Ồ dơ. Mày nhóm lửa. Tao mài sắn."

Tôi đặt nồi bột sắn lên bếp, quậy đều. Nó chống khu, phì phò thổi lửa. Cái áo của nó tốc lên, bày một mảng lưng.

"Mày sắp thành rồng rồi."

Nó ngóc lên nhìn tôi: "Sao lại thành rồng?"

"Mày gầy quá. Những đốt xương sống nhô cao giống như cái kỳ trên lưng con rồng."

Nó cười hắc hắc: "Nếu thành rồng thật, cháu sẽ giết cả giòng họ nhà nó. Rồng vô địch. Rồng là chúa tể."

"Nó là ai?"

"Thằng xã uỷ."

"Sao lại giết cả giòng họ thằng xã uỷ?"

"Nó bắt cháu đi tù."

"Mày kể đầu đuôi tao nghe coi."

"Cháu đánh thằng con của nó sưng mồm."

"Tại sao?"

"Con nó ném cứt vào sân nhà cháu."

"Con nó mấy tuổi mà chơi trò quái đản vậy?"

"Mười hai."

"Trời đất! Nó còn nhỏ. Mày đánh chi nặng vậy?"

"Lúc đó cháu cũng mười hai."

"À... à..., chuyện năm năm về trước. Bây giờ mày mười bảy. Kể tiếp đi."

"Nó chạy về mách với bố nó. Bố nó dẫn nó lại nhà cháu, mách với bố cháu. Buộc bố cháu, phải đánh cháu, trước sự chứng kiến của bố con nó. Bố cháu sợ, muốn làm vừa lòng thằng xã uỷ. Bố cháu quát cháu tui bụi bằng sợi thừng đan bằng lạt tre. Đau quá. Cháu quần người như một con giun. Cháu rên, nhưng không khóc. Bu cháu sợ hãi, nép bên cửa. Khóc, xót cho cháu."

"Tàn bạo!"

"Chú nói ai tàn bạo? Bố cháu hay thằng xã uỷ?"

"Loài người."

Nó cắt ngang câu chuyện, nhìn nồi súp sắn, nhắc nhở:

"Chú quậy đều tay. Để khê mất ngon."

"Mày yên trí. Tao là đầu bếp ưu hạng quốc tế."

"Cháu đề nghị thêm nước cho súp được nhiều."

"Một củ sắn với hơn một lít nước,



đủ rồi. Nước nhiều, loãng mất ngon."

"Nếu có muối thêm vào thì tuyệt. Chú nhỉ?"

"Tao có thứ này còn tuyệt hơn muối."

Tôi đi vào chỗ nằm, lục ba lô lấy hai thẻ đường, một thùng bột cho bữa trước. Đi ra, ngồi sát bên nó. Đưa đường lên mũi, ngửi. Cố ý dành cho nó một ngạc nhiên, thêm thưởng.

"Ồi chào! Chú đào dân ra được thứ đại bổ này?"

"Đừng hỏi lời thôi. Hãy canh lửa, đừng lớn quá, cũng đừng nhỏ quá. Đó là nghệ thuật nấu ăn. Nồi súp có ngon hay không, là do mày đấy."

Tôi cho hai thẻ đường vào nồi, quậy.

Nó chống khu, thổi.

Lúc nhắc nồi súp ra khỏi bếp, chia đều hai phần, nó nói: "Mặn gọi là súp, ngọt gọi là chè. Chè sẵn."

"Muốn gọi là gì cũng được. Trong khi chờ cho chè bột nóng, tao với mày, mỗi người làm thêm một bi thuốc lào. Mày tiếp tục kể tao nghe chuyện thằng xã uỷ bắt mày đi tù."

Sau khi rít thuốc lào, nó ngồi im, nghĩ ngợi.

Tôi giục: "Kể đi."

"Sau trận đòn bầm dập đó, cháu nằm liệt luôn mấy ngày. Cầm cha con thằng xã uỷ. Cháu tìm cách trả thù. Một đêm, cháu vác cuốc ra rẫy sắn của nó, tính đào bật gốc hết. Nhưng sắn con, dễ nhổ. Không dùng tới cuốc. Cháu nhổ gốc, ném bữa ra đấy. Xong, cháu về ngủ. Bố và bu cháu không hay biết. Hôm sau, thằng xã uỷ lôi cháu lên xã. Khép tội phá hoại tài sản tư."

"Không có bằng chứng, làm sao

khép tội mày được?"

"Có. Trong đêm vội quá, cháu bỏ quên cái cuốc tại rẫy. Nó bắt gặp cái cuốc. Lấy đó làm bằng chứng."

"Mày xui tận mạng."

"Vâng. Xui tận mạng. Cháu còn nhỏ nên nhà nước chỉ phạt tập trung cải tạo. Cháu được chuyển qua nhiều trại, trước khi tới trại này."

"Tập trung cải tạo, còn khổ nạn hơn ấn định rõ thời gian bản án. Thương, nó cho mày về sớm. Ghét, nó nhốt mày suốt đời. Bố và bu mày có thương thăm nuôi không?"

"Năm năm rồi, bu cháu chỉ thăm một lần, hỏi ở trại cũ. Cháu có nhờ người ta viết thư giùm, để gửi về nhà. Nhưng không thấy trả lời."

"Sao mày không viết, mà lại nhờ?"

"Cháu đâu biết chữ."

"Đời mày thật đen. Nếu con thằng xã uỷ không ném cứt vào sân nhà mày, thì đâu xảy ra cơ sự."

Chè đã bột nóng. Nó húp sùm sụp. Mồ hôi trán tươm ra, thở hổn hển. Tô chè ngon ngọt, loãng loãng, cạn hết. Nó thè lưỡi liếm cái tô thật sạch. Nó còn thò ngón tay vô nồi, vét. Đưa lên miệng, mút. Ra vẻ còn thèm thưởng. Một bữa ăn ngon, chưa thỏa, đã chấm dứt đột ngột.

"Tao còn một ít thuốc lào. Chia mày phân nửa. Để dành hút tiện tiện. Đừng chơi xã láng. Đời không ai thương mày đâu."

"Chú có thương cháu không?"

"Không! Tao thương tao còn chưa đủ. Có đâu thương tới mày. Thằng quý!"

Một ngày khác. Buổi trưa. Nó chạy xổng xộc vào lán, tìm tôi.

"Chú ơi. Cháu được tha rồi. Mai cháu rời khỏi trại."

Tôi nhìn sững. Hụt hẫng. Chối với. Ngờ ngẩn.

"Thật à?"

"Thật. Mười bốn thằng hình sự được tha, trong đó có tên cháu."

"Tao mừng cho mày. Chúc mày về gia đình vui vẻ."

"Chú ở lại giữ gìn sức khỏe. Cháu về, chẳng có gì để lại cho chú."

Sau phút giây dồn dập ban đầu. Nó ngồi im, xa vắng. Hình như nó không vui. Hình như tôi cũng buồn buồn, như vừa mất mát một thứ tình cảm âm thầm, từ lâu không hay biết.

Bốn tháng sau. Vào một ngày Giáng Sinh buồn thảm. Lán trại đìu hiu. Anh em tù cải tạo đã bị lừa đi lao động ngoài đồng, trên núi. Mùa Đông ở đây, mưa phùn nhẹ như sương, thấm ướt áo quần, lạnh cóng. Gió bắc hiu hiu, thổi qua những đồi cỏ miền trung du Bắc Việt, tê da. Tôi bệnh. Trên đường lên bệnh xá của trại để xin thuốc, bất ngờ, tôi gặp nó. Mừng rỡ. (Khốn nạn! Nó trở lại tù, sao tôi lại mừng?)

"Thằng quý! Tao có nằm mơ không?"

"Mơ gì? Thật đấy!"

"Sao mày vào đây nữa?"

Nó kéo tôi qua bên chái hiên bệnh xá, khuất sau bức tường.

"Đứng đây. Tránh con mắt của tụi "bò vàng" dòm ngó."

"Bò vàng là ai vậy?"

"Bên ngoài, nhân dân gọi "bò vàng" là ám chỉ tụi công an áo vàng. Cháu bắt chước gọi theo."

"Mày cần thận cái mồm. Tụi công an nghe được là đời khổ nạn, con ơi! Nói chuyện lâu, bất tiện. Mày tóm tắt lý do vào đây lần thứ hai."

"Cháu về quê. Bố và bu cháu đã vào Nam kiếm sống. Không liên lạc được. Cháu tìm đến những người quen cũ của gia đình cháu. Tất cả đều xa lạ, tránh né. Cháu vất vưởng, lang thang. Không nơi nương tựa. Ở ngoài đời khổ sống lắm. Cháu tìm cách trở lại nhà tù, để sống hơn."

"Thằng điên! Mày xin vô tù hả?"

"Xin cũng chả được. Cháu tạo cơ hội."

"Tạo cơ hội để vô tù?"

"Vâng. Có một thằng cán bộ dựng cái xe đạp ở hợp tác xã. Cháu chộp lấy, phóng đi trước mắt mọi người. Cố ý để chúng tri hô lên, bắt lại."

Tôi lắc đầu, chưa xót: "Trời ơi. Đời hại mày chưa đủ, mày tự hại mày thêm!" Nhìn tấm thân nó, gầy hơn hình Chúa trên thập tự giá, tôi hỏi: "Mày biết hôm nay là ngày gì không?"

"Nghe người ta nói ngày Giáng Sinh. Giáng Sinh là ngày gì vậy chú?"

"Ngày Chúa ra đời để chuộc tội, cứu rỗi cho loài người."

"Cháu có được cứu không?"

"Mày cũng được."

"Sao cháu vẫn khổ khổ? Cháu không tin đâu!"

Nói xong, nó quay lưng bỏ đi.

Tôi nhìn theo cái dáng gầy còm, thất thế của nó, nghĩ thầm, không biết bây giờ Chúa đang ở đâu? ■

'NGƯỜI YÊU CỦA CHÚA'

MẶC THU

1957 Một đoạn trong hồi ký Một Hạt Đồi

Sau khi nhật báo Người Việt Tự Do bị đóng cửa, tôi lui về nghỉ ở hẻm 74, đường Lý Trần Quán (Barbier cũ) Tân Định.

Dịp này rảnh rỗi, Đình Hùng ở gần nhà tôi, (đường Trần Văn Thạch, Tân Định) thường buổi chiều đi bộ qua, rủ tôi đi chơi, la cà uống rượu ở Câu Lạc Bộ Văn Hóa (đường Catinat) do anh chị Phạm Xuân Thái chủ trương. Hoặc cũng có khi chúng tôi đi ăn thịt chó ở một quán đặc biệt đường Trương Minh Giảng gần Lăng Cha Cả.

Mỗi lần đi chơi với họ Đình, tôi thường thấy một cô gái rất trẻ, xinh đẹp, người miền Nam cùng đi. Chúng tôi đi chơi, ăn uống ở đâu cô cũng đi theo, và chúng tôi ăn gì, cô cũng ăn nấy, không nề hà.

Đình Hùng giới thiệu: Diệu Hiền, đã đậu Tú Tài Pháp, con nhà quý tộc lâu đời của miền Nam. Cô chỉ chừng 16, 17 tuổi, rất yêu thơ và đã làm thơ, cả thơ tiếng Pháp lẫn thơ tiếng Việt.

Diệu Hiền ngưỡng mộ thơ Đình Hùng, cũng đọc cho tôi nghe một số bài thơ của cô làm. Tôi thấy thơ cô không dở, nội dung thường thiên về Chúa, thơ cô tình tự với Chúa như một con người thật. Những tình tự được dệt bằng những sợi tơ trong suốt như thủy tinh. Tôi với Đình Hùng thường phải giữ bộ mặt thật nghiêm trang, tin tưởng khi nghe cô đọc thơ.

Diệu Hiền có một vẻ đẹp thánh thiện, thoát tục, khiến ai gần cô cũng thấy mến, muốn chiều chuộng cô như một em gái, mà không vẩn một ý dụng tục nào.

Gia đình Diệu Hiền theo Đạo Thiên Chúa đã nhiều đời. Hiền rất tin và rất yêu Chúa. Qua thơ của cô, tôi thấy cô thường tự nhận là "Người Yêu Của Chúa", và bộc lộ cái ý tha thiết tự nguyện dâng hiến tất cả đời cô cho Chúa. Thơ tình cô làm cũng thường chỉ để tặng người yêu của cô là... Chúa. Chúa đối với cô là tất cả hạnh phúc đời người của cô.

Diệu Hiền làm thơ tiếng Pháp dễ dàng, thoải mái hơn làm thơ tiếng Việt. Hiền luôn luôn đòi đi theo chúng tôi, thậm chí cả đi hát cô đầu, đi hút thuốc phiện, tất nhiên Hiền chỉ ngồi xem, đi ăn thịt chó v.v... cô cũng nâng nặc đòi đi theo, nói là "để cho biết việc đời, sau này sẽ không có dịp được biết nữa".

Thấy chúng tôi ngần ngại đưa cô tới những chỗ ăn chơi đó, cô nói:

- Những cái mà các anh mê thích đó, không có gì là xấu cả! Bởi vì các anh không phải là những người xấu. Các anh chính là những sứ giả của Chúa. Chúa cho các anh "xuống thế" là để các anh làm thơ, viết văn đăng báo phát những nguồn suối yêu thương cho những con người khốn khổ trong cõi trần gian đầy đau khổ này...

Diệu Hiền nói với vẻ hoàn toàn tin tưởng của một trẻ thơ tuyệt đối tin vào niềm tin tưởng của mình, khiến chúng tôi chỉ biết nhìn cô mà cười. Cười thương hại cho niềm tin quá ngây thơ của cô. Điều cô nói đó, chính chúng tôi vẫn còn ngờ vực.

Có những lần Diệu Hiền theo chúng tôi đi chơi quá khuya (sau 12 giờ đêm). Chúng tôi tỏ vẻ lo ngại cho cô, sợ cha mẹ cô rầy la cô thần nhiên nói:

- Các anh đừng bận tâm! Gia đình em tin ở em! Rất tin ở em!

Mỗi lần đi chơi về khuya như thế, Đình Hùng và tôi thường đưa Diệu Hiền về tới tận cổng nhà Hiền. Nhà cô là một biệt thự khá lớn ở đường Trần Hưng Đạo, giữa con đường Sài Gòn - Chợ Lớn gần rạp hát Trần Hưng Đạo. Quả nhiên, khi má cô hoặc chị cô ra mở cổng, đều chỉ thấy họ tươi cười, rất triu mến với cô, mà không hề có một lời trách mắng hay một cử chỉ giận dữ nào.

Một lần, một buổi đi chơi đêm Diệu Hiền có vẻ khó khăn mãi mới nói được với chúng tôi:

- Em chỉ còn đi chơi với hai anh đúng một tháng nữa thôi!

- Sao, Diệu Hiền đi Pháp à? Tôi hỏi.

Cô lắc đầu cười. Nụ cười đượm nét buồn rất nhẹ.

- Không! Em không đi Pháp! Đi Pháp mà làm gì. Em vào nhà tu kín dâng dâng mình cho Chúa. Đã tới hạn! Em đã nguyện như thế rồi mà. Nay thì em đã hết hạn ở với đời rồi! Chúa đã gọi! Hai anh cho em đi chơi nhiều hơn thường lệ nhé!

Thấy Diệu Hiền nói vậy mà không có vẻ gì là buồn lắm, nên Đình Hùng và tôi coi đó chỉ là một cách làm nũng của một cô em gái với các anh mà thôi.

Không ngờ đúng một tháng sau, vào một tối đã la cà nhiều quán nhậu, phòng trà, phòng nhạc... Diệu Hiền nắm lấy hai tay chúng tôi, giọng cảm động:

- Đêm nay là lần cuối em gặp các anh! Em rất cảm ơn hai anh đã cho em đi theo chơi nhiều nơi mà không hề khó chịu, hay buồn bực. Vâng em, các anh đừng bận tâm tìm hỏi em ở đâu. Vì em ở một nơi mà ngay cả ba má em, các chị của em cũng không được gặp em nữa. Nhưng các anh đừng buồn! Chúng ta sẽ gặp nhau bên Chúa vào một ngày nào đó. Em sẽ luôn luôn cầu nguyện cho hai anh.

Buổi tối hôm đó, Đình Hùng uống hơi say hơn thường lệ, có vẻ mệt, ghé tai tôi nói nhỏ:

- Mặc Thu đưa Diệu Hiền về đi! Moa hơi mệt!

Chúng tôi cũng đã nhiều lần phải chia phiên nhau đưa cô gái về nhà. Lúc đứng dậy, Diệu Hiền nắm tay Đình Hùng hơi lâu, vẻ lưu luyến ngậm ngùi.

Tôi gọi tắc xi đưa nàng về. Khi xe ngừng trước cổng sắt ngôi biệt thự, Diệu Hiền quay mặt sang tôi, nói như ra lệnh:

- Anh hôn em đi (tay cô chỉ vào trán) ở chỗ này nè.

Hai tay tôi ôm nhẹ khuôn mặt thanh tú, thánh thiện, trắng muốt như được nặn bằng sáp, đặt một chiếc hôn phớt trên vầng trán tinh khiết của người con gái ấy.

Đột nhiên tôi có cảm giác sẽ mất đi một cái gì quý báu, vĩnh viễn mất... Nước mắt tôi như muốn ứa ra. Bấy giờ, phải cho đến bây giờ, tôi mới tin rằng Diệu Hiền nói thật.

Tôi nhìn theo bóng dáng thon thả của nàng khuất dần sau khung cổng sắt. Trước khi cánh cổng đóng lại, Diệu Hiền còn quay lại, hướng về tôi, gơ bàn tay vẫy vẫy. Đường như, khuôn mặt thanh tú ấy còn in dấu một nụ cười buồn.

Với tôi, lúc ấy, một dáng thơ đã mất. Một áng thơ đã tắt. Sau đấy, ba ngày liền, không thấy Diệu Hiền tìm gặp chúng tôi như thường lệ, Đình Hùng và tôi rủ nhau tới nhà cô để thăm hỏi.

Tôi bấm chuông. Một cô gái mảnh mai, vẻ mặt quý phái, hao hao giống Diệu Hiền ra mở cổng. Khi thấy tôi hỏi Diệu Hiền, cô có vẻ ngập ngừng khó nghĩ. Tôi vội cho cô biết chúng tôi là ai, quen biết Diệu Hiền như thế nào, thì có "a" lên một tiếng, rồi nhanh nhẩu cho chúng tôi hay:

- Em nó đã vào Nhà Tu Kín được ba ngày nay rồi! Không ai còn có thể được gặp em nữa, kể cả gia đình tôi. (Cô nhoeo cười, ôi nụ cười sao mà giống nụ cười buồn của Diệu Hiền đến thế rồi tiếp) Diệu Hiền có cho chúng tôi biết các ông là ai, là bạn thế nào với nó. Nó cũng đoán biết thế nào các ông cũng đến tìm nó! Nhưng nay thì...

Đình Hùng và tôi đều ngẩn ngơ trên đường về. Không ai nói với ai một lời nào nữa.

Nàng Thơ, "Người Yêu Của Chúa" không biết nay còn hay đã mất, còn thì ở phương trời nào, hay đã về yên nghỉ dưới chân Chúa với niềm tin son sắt của nàng. Nếu còn, năm nay nàng đã gần sáu mươi tuổi? Không biết nàng có biết thi sĩ Đình Hùng đã mất từ lâu? Và không biết có trường hợp nào, những dòng chữ này được trôi dạt đến dưới ánh mắt của nàng? Tôi cũng không biết: có nên mong như thế không?

* Viết thêm: Vào những ngày cuối cùng của biến cố tháng 4-1975, tôi có nghe tin: người Pháp đã kịp thời di chuyển bằng đường hàng không, tất cả những nữ tu thuộc Nhà Tu Kín ở Thủ Đức về Pháp, trước khi vùng này bị những dép râu dẫm lên. ■

THƯ GỬI CHÚA PHÍ ÍCH BÀN

chuyện dân gian mẽ tây cơ



Ngoài đồng, ngôi nhà đó là ngôi nhà duy nhất của thung lũng, nằm lọt thỏm bên cạnh một ngọn đồi nhỏ tách biệt mà hình dáng gần giống một kim tự tháp đang xây dựng dở dang thì bộ lạc Anca bỏ đi, từ nhiều thế kỷ trước. Ngoài đồng, quanh ngôi nhà, những nhánh lúa tươi tốt mơn mớn, còn những cây đậu trổ hoa màu tím đầy hứa hẹn một mùa thu hoạch trũng thấy rõ. Những thửa đất nay chỉ cần mưa nữa thôi, mưa cho đủ thấm dầm những luống cây, và đọng lại chút ít giữa các luống. Không ai trong gia đình của ngôi nhà đó mà không nghĩ rằng mưa sắp tới. Không thể thì chẳng khác nào không tin những nhà nông khôn ngoan vẫn theo cổ tục gieo cấy đúng ngày thuận lợi.

Lencho là một trại chủ có học chỉ đủ để tin vào những tập quán truyền thống và trông cậy vào đấng Thượng Đế quan phòng đầy quyền năng. Cho nên, Lencho an tâm đưa mắt nhìn lung lay đầy đó, rồi hướng về góc trời đông bắc. Anh nói với vợ trong nhà cho vợ nghe :

-- Chắc chắn trời mưa đến nơi rồi.

--Hẳn là ý trời, chị đáp ngay, và vẫn tiếp tục lo bữa ăn dặm giữa buổi.

Ngoài đồng, những đứa con lớn đang nhổ cỏ. Những đứa bé còn ham đùa, nghịch chạy quanh nhà. Sau cùng, khi bếp núc đã xong, chị vợ lớn tiếng, đủ cho mấy cha con cùng nghe thấy :

-- Nào, vào cả đi, đến giờ ăn rồi.

Trong lúc ăn, khi Lencho vững lòng tiên đoán một trận mưa thuận lợi, những giọt mưa lớn bắt đầu rơi xuống. Từ hướng đông bắc, mây kéo đến như những quả núi lớn, lừ lừ tiến vào thung lũng, ngày càng nhiều. Không khí như có mùi đất sét ướt mới được lật lên. Lencho lấy cốc ra nhặt vào mấy món dụng cụ còn bỏ quên ven giậu, bỏ đĩa, chạy ra ngắm mưa, tươi cười. Anh thích chí để cho bị ướt nước mưa, rồi hô lớn với các con :

-- Này các con, những giọt mưa này là tiền đó. Mỗi giọt lớn đáng 10 (xu) centavo, mỗi giọt nhỏ cũng đáng 5 centavo.

Anh đưa đôi mắt hân hoan liếc những bụi lúa xum xuê, những cây đậu đã rụng hết lá, sẵn sàng nhảy trái. Nhưng, trong phút chốc, mưa trở thành một bức màn trong suốt, gió nổi lên mạnh hơn, những giọt mưa biến thành những cục nước đá lớn gần bằng bông lúa. Những cục mưa đá thật

ĐẠM THẠCH

GỌI MẸ LA VANG

Dặm đời đã mỗi chân bon
Chuông nhà thờ đổ gọi con từng hồi
Chúa ơi con đã một thời
Làm người mà tưởng bộ giời xứ con

Vào rừng, xuống biển, lên non
Đọa đầy thế xác, tâm hồn đảo chao
Ai tin lúa gạo dồi dào
Rau rừng cỏ dại dồn vào để no
Đêm về lốt ổ như bò
Nhiều năm nằm ngựa chưa hề
thấy trăng

Cổng chuông, cổng trại, cổng rừng
Nhốt con như thú để đùng xông ra
Giờ con lưu lạc miền xa
Khi người Do Thái đã tha phương về
Bụng con yên ngủ no nề
Mà hồn đói khát nhớ quê hương mình

Sài Gòn xưa đó niềm tin
Chiến tranh còn biết Giáng sinh ra đời
Bây giờ chuông đổ muôn nơi
Tiếng trong tiếng đục
nghe hơi giáo đường
Tiếng ngân dài nỗi đoạn trường
Tiếng lạnh lách lách nín,
tiếng dưng khua vang
Tiếng kêu gọi Mẹ La Vang
Hụt hơi Nam hải,
bằng hoàng Trường sơn
Núi tây rồi có lún mòn
Biển đông rút cạn mối hờn nào tan
Nghìn năm Chúa đã cứu mang
Đóng đinh lần nữa Việt Nam lần này
Cho người Cộng sản đổi thay
Để người Việt bớt dọa dày Chúa ơi!

NGUYỄN ĐỨC HÒA

NGẬP NGỪNG

Vung tay qua trán lừng khừng,
Cầu sượng lượm cánh lá rừng
những thu.
Thần thờ từ bước sa cơ,
Tháng năm đã gửi cho mùa gió bay.
Cúi đầu đón nhận đắng cay
Nghe men tui hận những ngày
lênh dênh.
Nước non vẫn nước non mình
Nhìn xanh nhớ núi, u huyền nhớ sông.
Hăm ba năm những ngập ngừng,
Tắc lòng gửi áng mây trông thôn Đoài.
Nhận về nhẩn hoi hơi may
Nghe thu những tưởng...
chân mây cuối trời.
Tháng ngày nhỏ xuống ngang vai
Tâm tư gánh đổ cho vơi, lại đầy.
Bạn bè nước chảy mây bay
Đêm nghe sách vở nhòa đầy gối chần.
1998

giống những đồng tiền bằng bạc còn mới.
Những đứa con khoai trá tranh nhau nhặt
những cục nước đá to nhất.

Lencho hoảng hồn :
-- Thế này thì hỏng. Lay trời cho mưa
đá qua mau.
Nhưng, trận mưa đá không ra đi ngay.
Trong một tiếng đồng hồ, nó gõ liên hồi
xuống mái nhà, tuôn đổ xuống núi đồi,
nông trại. Mưa đá trút xuống khắp thung
lũng. Cánh đồng của gia đình Lencho đã
biến thành một màu trắng, chẳng khác một
bãi ruộng muối. Cây cối chung quanh bị
tước hết lá, những đám lúa mì bị băm
thành nhiều mảnh, còn những luống đậu thì
không còn một bông. Lencho chết lặng.

Khi trận mưa đá đã đi khỏi, anh đắm
chìm trong buồn lo. Nhìn cánh đồng tới tả,
anh trầm giọng nói với các con :
-- Một đàn châu chấu đi qua cũng còn
để lại chút ít. Còn trận mưa đá này thì
chẳng một bụi lúa nào còn bông, không
một cây đậu nào còn bông.



Cả nhà lặng buồn :
-- Mọi công lao thế là tiêu tan cả.
-- Nào có ai giúp chúng ta đây.
-- Năm nay, cả nhà ta đến đói to thôi.
Nhưng, trong tận cùng tâm tư, cả gia
đình giữa chốn thung lũng quanh què này
vẫn tin chắc rằng Thượng Đế sẽ ra tay cứu
vớt họ. Lencho bảo vợ con :
-- Chúng ta thiệt hại nặng thật đấy,
nhưng không được thất chí. Hãy yên tâm
rằng không ai phải chết vì đói.
Vợ con anh cũng lặp lại y như thế :
Không ai phải chết vì đói.

Khi bình minh ló dạng, Lencho nhớ lại
ảnh tượng Chúa, giữa một khuôn trang trí ở
nhà thờ mà anh nhìn thấy mỗi Chủ Nhật
hàng tuần. Ở giữa có một đôi mắt lớn mà
anh được bảo cho biết là nhìn thấu mọi sự
trên cõi đời, thấu cả tư tưởng và lương tâm
của mỗi người. Mặc dù ít học, và chỉ đủ
sức viết thư, dưới ánh sáng ban mai của
một ngày mới, Lencho suy nghĩ một hồi, và
quả quyết rằng hẳn có mộtấng Tối Cao

trông ngó đến mọi người. Anh quyết định
viết một bức thư, và đích thân mang ra bưu
điện, gửi đi. Gửi Thượng Đế. Lencho sắp
xếp ý nghĩ, cân nhắc, rồi trịnh trọng viết
xuống giấy :

*"Bẩm Chúa, nếu Cha không khờng
giúp, con và gia đình chắc chắn bị đói năm
nay. Con cần một trăm đồng peso, đủ để
gieo trồng lại, và sống cho đến vụ mùa sau.
Như Cha thấy đó, chỉ vì trận mưa đá ấy ..."*

Ngoài phong bì, chỗ người nhận, anh
viết: *Kính gửi Thiên Chúa.* Rồi xếp tờ thư
cho vừa bỏ lọt vào bì. Ngay sau đó, anh lên
đường, đến bưu trạm của làng. Mua tem,
dán vào đúng vị trí, anh bỏ thư vào thùng.

Một nhân viên lựa thư vừa cười rí
rượi, vừa đưa cho ông trưởng bưu trạm lá
thư gửi Thượng Đế. Suốt cuộc đời, chưa
bao giờ anh ta thấy vị trí người nhận ghi
như thế. Ông trưởng trạm, vóc dáng to lớn,
và cũng là một người khoan hòa, hưởng
ứng trận cười với cấp dưới. Nhưng, ông
cũng mau chóng ngưng lại, trầm ngâm, lấy
bức thư, mở ra, trong lúc suy nghĩ miên
man :

--Thật là một Đức Tin mạnh mẽ. Ước
gì ta cũng có được niềm tin mạnh như
người này. Hi vọng và trông đợi đến mức
gửi một lá thư như thế này ...

Không muốn làm giảm niềm tin chứa
đựng trong bức thư không thể giao đến nơi
nhận ấy, ông trưởng trạm bưu điện quyết
định : chính mình phải phúc đáp bức thư.
Nhưng, mở thư ra đọc, ông mới hay thư hỏi
âm không chỉ đơn giản đòi hỏi thiện ý,
bằng giấy và mực. Bức thư xin tiền. Tuy
vậy, ông không bỏ cuộc. Ông bỏ ra một số
tiền, và kêu gọi những người chung quanh
góp thêm, với lời thuyết phục rằng đây là
một việc làm vì sự bao dung của Chúa.

Không may, số tiền một trăm peso mà
Lencho xin Chúa lại không thể quyên góp
đủ. Chỉ hơn phân nửa thôi. Ông đành bỏ cả
vào phong bì, kẹp vào tờ giấy hỏi âm, viết
vòn vẹn một chữ : *Thượng Đế.*

Củ Nhật tuần lễ kế tiếp, Lencho trở
lại bưu trạm của làng, sớm hơn bình
thường. Anh hỏi có thư từ gì gửi cho anh
không. Bấy giờ, ông trưởng trạm đang nóng
lòng muốn biết kết quả việc làm hảo ý của
mình, đến núp sau cánh cửa kính mờ của
văn phòng, chờ xem diễn biến.

Quả là Lencho có một niềm tin mạnh
mẽ : anh ta không ngạc nhiên thấy có tiền
trong phong thư hồi đáp. Nhưng, sau khi
đếm, anh tỏ rõ vẻ giận dữ. Anh nghĩ, theo
đầu óc chân chất của người nông dân
ngoan đạo, rằng hẳn là Chúa lầm đấy, nên
không gửi đủ số mà anh đã xin. Anh liền
quay lại hỏi mượn giấy bút, nhu mày một
lát, cúi đầu viết :

*"... Số tiền ấy con cần lắm, Cha hãy
cho con đủ số còn lại, nhưng, đừng gửi qua
đường bưu điện nữa. Bọn người làm việc ở
đó toàn là quân trộm cắp cả. Ký tên :
Lencho."*

ĐI THĂM GIÁO ĐƯỜNG của ÔNG GIÀ NOEL

NGUYỄN PHƯƠNG TUẤN

Ta có thể đặt cho thành phố Demre nằm trên bờ Địa Trung Hải rực nắng vàng thuộc nước Thổ Nhĩ Kỳ cái danh hiệu là "Thành phố của các giáo phái và tôn giáo lớn trong hơn 2000 năm nay". Demre là trung tâm của Kytô Giáo xưa cổ và Chính thống giáo Đông Phương hiện đại. Ngày nay nó thu hút rất đông khách hành hương từ khắp nơi trên thế giới.

Du khách tới Demre sẽ được nghe kể những chuyện lạ lùng siêu nhiên từ xa xưa về những tên đạo mô trộm mã, những hiện tượng ma quái, và họ thấy mình như lạc bước vào một nơi vừa thơ mộng vừa đầy bí ẩn.

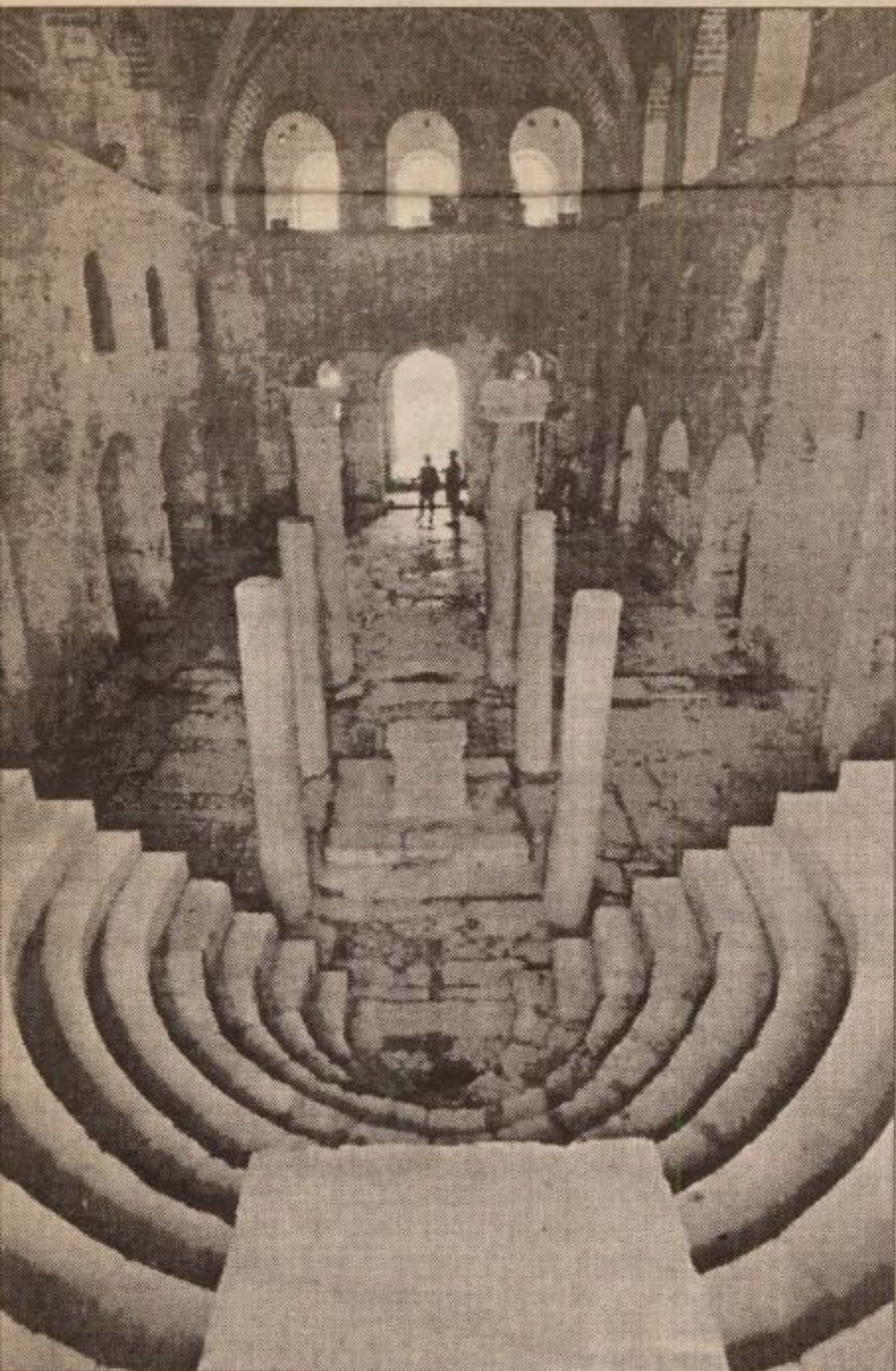
Trong thời tiền Kytô Giáo, những bộ tộc Hellenic sống rải rác quanh vùng núi. Họ lập đền thờ hai vị thần Artemis và

Apollo. Thế kỷ thứ hai trước công nguyên ngôi đền bị phá hủy trong một trận động đất và người Kytô Giáo địa phương coi tai họa này như một hình phạt của Chúa nhằm vào những kẻ không chịu nhận biết Chúa là Đấng duy nhất tạo lập nên trời đất vũ trụ này.

Trên phần đất của ngôi đền đổ nát, người Kytô Giáo dựng lên một thánh đường, và vào thế kỷ thứ tư một tu sĩ tên là Nicholas được phong làm Giám mục cai quản giáo phận này. Giám mục nổi tiếng là người làm nhiều việc thiện. Có lần Ngài liệng một cái túi đầy tiền vàng qua cửa sổ một ngôi nhà gồm ba chị em nghèo hèn sống với nhau. Ngài ẩn danh trợ giúp ba chị em kia do một hôm đi ngang qua cửa sổ nhà họ, Ngài nghe được hai cô chị đang bàn với nhau trong nỗi tuyệt vọng là họ phải bán cô em út đi làm nô lệ để lấy tiền làm của hồi môn cho hai cô về nhà chồng, rồi liệng cách cứu gỡ cô em sau.

Người ta còn kể thêm chuyện Giám Mục Nicholas cứ hàng năm trong đêm áp Lễ Giáng Sinh mang một cái túi lớn đựng đầy quà tặng đi phân phát cho trẻ em qua các đường phố Demre. Do đó Ngài là hình ảnh đầu tiên của nhân vật mà ngày nay những người sử dụng Anh ngữ gọi là *Santa Claus*. Tiếng Việt ta tuy vẫn có chữ gọi Lễ Giáng Sinh, nhưng không gọi Ông Già Giáng Sinh, mà gọi là Ông Già Nô En bởi danh xưng *Père Noel* trong Pháp Ngữ, đã thành hết sức quen thuộc. Ông Già Nô En đã trở thành một nhân vật của thế giới. Người Ý gọi là *La Befana*; ở Thụy Sĩ, *Christkindli*; ở Trung Hoa *Thánh Lão Nhân*; ở Đức *Sinter Klaas*... và ngày nay trên nhiều loại thiệp Giáng Sinh, các họa sĩ vẽ ra những hình ảnh ngoạn mục về Ông Già Nô En, chứ cách đây khoảng 16 thế kỷ Giám Mục Nicholas chưa bao giờ mặc bộ đồ đỏ, đội nón đỏ chưa bao giờ ngồi trên cỗ xe do một bảy nai kéo bay ngang bầu trời lấp lánh sao, đem đồ chơi đến cho trẻ nhỏ trên địa cầu.

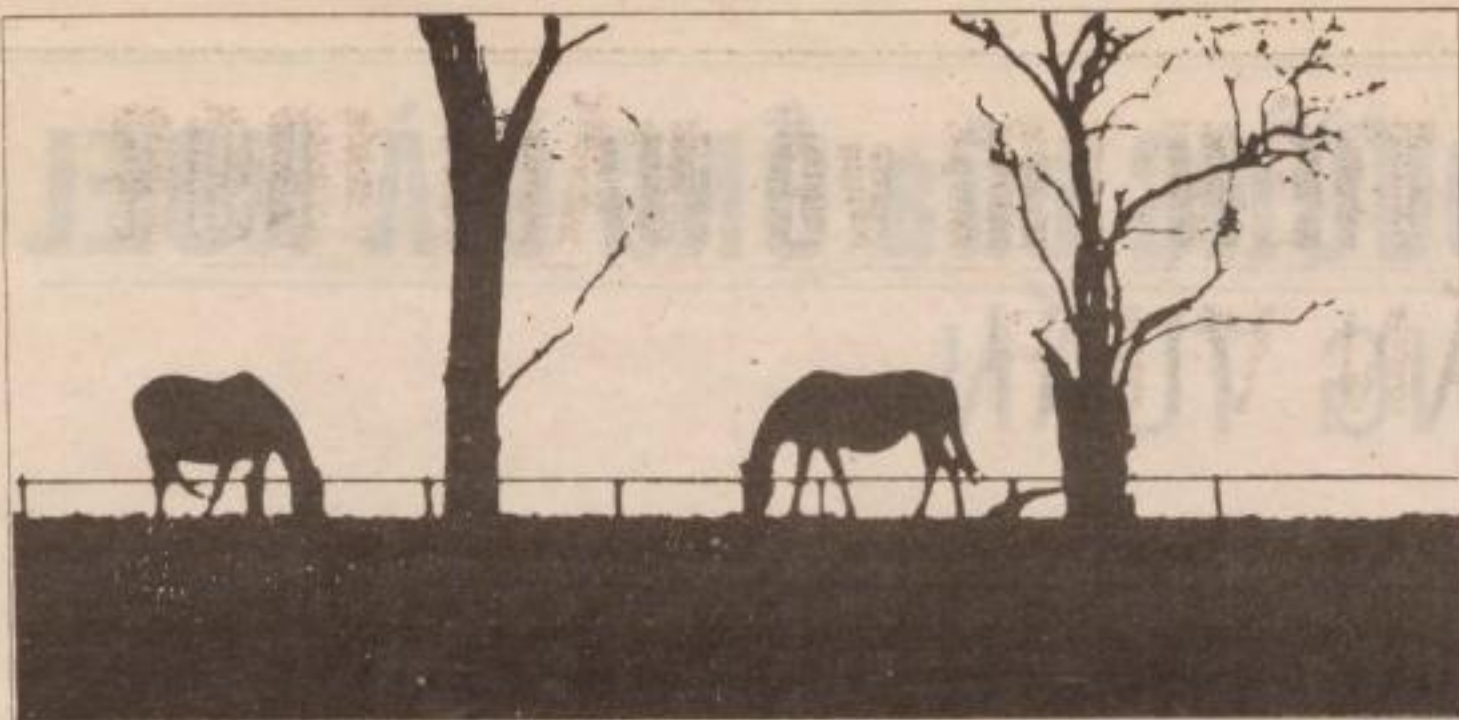
Giám Mục Nicholas mất năm 323, về sau được Giáo Hội La Mã phong thánh. Khi Ngài mất, các linh mục thời đó đặt Ngài vào một cỗ quan tài bằng cẩm thạch



Tượng Thánh Nicolas, tức Ông già Noel, gốc người Thổ Nhĩ Kỳ.

Nền Thánh đường của Ông già Noel được Nga Hoàng khai quật tại thành phố Demre, Thổ.

Tài Liệu của
Khởi Hành



VĂN QUANG

TIẾNG BUỒN

Tặng Anh chị Phan Diên

Ta về tìm kỷ niệm xưa
Chân Trời Tím cũ hoang sơ giấc chiều
Biển vờn cho đá mình rêu
Sóng hôn bờ cát cho nhiều nhớ thương
Bóng em mờ mịt đại dương
Mình ta trở lại ôm buồn nặng vai
Nghe chẳng em gió thổi dài
Nắng vàng mờ nhạt, đất trời lặng câm
Mưa đêm gọi giấc âm thầm
Một cung phách lạc nguyệt cầm
cũng đau
Nửa ta chìm đáy vực sâu
Nửa hồn chết với biển dâu cuối trời
Lang thang hết cả kiếp người
Đêm hoang thức giấc lạc loài cơn mơ
Tìm hình bóng cũ gương xưa
Đầu tê gối lạnh mình ta với mình
Vòng tay ôm huyệt chôn chênh
Tìm trong hơi thở chút tình nhạt phai
Vẳng nghe gió thoảng lưng trời
Tiếng buồn anh gọi thầm người tình xưa

* Chân Trời Tím là nhan đề một tác phẩm của Văn Quang đã quay thành phim.

VƯƠNG TÂN

GÃ CUÔNG

Gửi Mặc Thu

Bài thơ tặng anh đã tuyệt bản
Lũ chúng mình thật quá long đong
Từng chia ngày tháng nơi đất "chích"
Còn lại gì đâu mà chờ trông
Đứa nào cũng sắp đi tầu xuôi
Nhưng lòng thì vẫn cứ vẩn vương
Nợ đời còn nặng hơn cái chết
Hồn vẫn u hoài một mùi hương
Thế sự nghìn năm mây trắng bay
Còn sống ta còn say đắng cay
Rượu đời cứ cạn từng chai lớn
Rồi hát rồi ca với tháng ngày
Đã từng chia nhau những ngục tù
Đã từng lưu luyến ngày tự do
Đã từng im lặng nhìn song sắt
Nhớ mãi trời xanh nhớ vẩn vơ

Sống được như mình vui đấy chứ
Nhớ đêm chuyển trại nhìn phố phường
Thì ra mình cũng tù "quốc sự"
Hát ngao như ở cội vãn chương

Nhìn vợ nhìn con những sót thương
Đời người ngấm cái thân trôi lạc
Còn lại gì đâu những chán chường
Còn lại gì đâu đầu tóc bạc
Nhớ nhau uống rượu ngấm trắng sương
Thấy tháng ngày qua chông chất buồn
Ôi thơ tuyệt bản làm sao kiếm
Chỉ có tấm lòng gửi cố nhân

Cố nhân lưu lạc có buồn không
Ta ở quê hương uống rượu luôn
Rượu vào nhớ bạn rồi ta ngủ
Mơ toàn những mộng thuở chưa khùng
Ngấm lại lời to vẫn là ta
Rượu thơ vung vít cười nghiêng ngả
Nhìn con nhìn vợ nhìn trăng sáng
Lại muốn giang hồ vỗ ngực ca
"Ta nhớ người hay ta nhớ ta"

Nghìn năm câu hỏi không lời đáp
Thơ vẫn điên khùng vẫn véo von
Như ngọn gió non mùa tháng chạp
Như kiếp lưu đầy trên quê hương
Như cánh diều bay trời chập choạng
Ta vẫn là ta vẫn gã cuông.
10.98

NGÔ CANG

HOA SÚNG NGÀY XƯA

Hoa súng nở
Một ngày ta về lại
Mùi chua phèn người mãi đã thành quen
Hoa vẫn nở
Ôi hoa màu tím nhạt
Đã bao mùa mưa nắng ngóng chờ em...

Con để hát tình đất thơm bờ dậu
Rộng cánh bèo
Hoa súng tím mưa quê
Em có nhớ
Thời mười lăm mười sáu
Hoa với người quần quít bến sông Mê

Hoa vẫn nở
Ta mất nhau ngày ấy
Láng giềng ối sắc tím buổi qua sông
Gió nổi nam
Tre cong vòng nỗi nhớ
Ướt liềm trăng ngô giềng có ai trông?
Dù xuôi ngược
Bộn bề lo kiếm sống
Trong tim mình hoa súng
vẫn đơm bông!

Huế 98

để cho mọi người chiêm bái. Thánh tượng các linh mục đổ thêm dầu thơm vào quan tài. Dầu thơm rỉ xuống qua những lỗ nhỏ dưới đáy áo quan và các linh mục kiếm được bọn tiên bằng cách bán những ve dầu thơm này cho khách hành hương. Các vị này mua vì họ tin rằng đó là loại dầu thánh đầy quyền phép.

Gần 700 năm sau ngày Giám Mục Nicholas tạ thế, hài cốt của Ngài bị bọn thương nhân người Ý lấy trộm. Ngôi thánh đường càng lúc càng hư hại đổ nát chìm dần trong quên lãng.

Đến thế kỷ XIX Nga Hoàng Nicholas Đệ Nhất thấy mình trùng tên với vị thánh ngày xưa ở Demre nên nảy ra cái ý làm sống lại những kỷ niệm về vị thánh này. Nhà vua truyền thực hiện một chuyến đi tìm kiếm các di tích liên quan tới thánh Nicholas. Và đoàn chuyên viên thành công phát hiện lại được vị trí của ngôi thánh đường cũ, khai quật lên những gì còn sót lại: cái nền thánh đường khảm đá màu, một số tranh tường (fresco) đã mờ phai, và cỗ quan tài thánh. Tin tức loan truyền đã thu hút khách hành hương trở về Demre.

Thời đại hưng thịnh đập đi một lần nữa trôi qua. Sau Đệ nhất thế chiến (1914 - 1918), đế quốc Ottoman Thổ Nhĩ Kỳ sụp đổ, người Kytô Giáo tản ra khỏi vùng này, ngôi thánh đường không còn dịp được trùng tu và đô thị Demre lại chìm vào cảnh tiêu điều hoang vắng.

Trong thập niên 1950, các doanh gia địa phương phát kiến ra rằng sự tích về Ông Già Nô En may ra có thể khôi phục nền thịnh vượng ngày xưa cho Demre. Chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ bèn tuyên bố Thánh Nicholas tức Ông Già Nô En là gốc Thổ Nhĩ Kỳ. Chính phủ Thổ còn cho tổ chức nhiều buổi hội thảo nghiên cứu về công nghiệp và cuộc đời của vị Thánh này. Năm 1981, một bức tượng Thánh Nicholas được dựng lên ở Demre. Bức tượng trông na ná như hình vẽ Ông Già Nô En trên các thiếp Giáng Sinh, chỉ bớt đi cái bụng quá lớn.

Năm ngoái, ông Muammer Karabulut, chủ tịch Hiệp Hội Thánh Nicholas ở thành phố Antalya cũng nằm ven bờ Địa Trung Hải cách Demre khoảng 60 dặm về hướng Đông, bỗng rêu rao lên rằng Thánh Nicholas vốn là một tu sĩ đạo Hồi (Islam). Ông Karabulut chỉ nhằm mục đích thu hút du khách về Demre hưởng vào cao điểm năm 2000 mà nói phóng lên vậy, chứ sử sách ghi lại rằng mấy thế kỷ sau khi Giám Mục Nicholas từ trần mới thấy đạo Hồi xuất hiện. Đạo Hồi do giáo chủ Muhammad thành lập, mà Giáo chủ Muhammad mãi đến năm 570 Tây lịch mới ra chào đời!

Ông Karabulut cùng các cộng sự viên hiện đang nỗ lực tìm nhiều cách tạo thành phố Demre thành một trung tâm du lịch năm 2000. "Mùa du lịch của Lòng Tin", với tiêu đề này họ mong lôi cuốn được đông đảo du khách tìm thăm viếng những cảnh trí từ thời xa xưa của Kytô Giáo. Nhưng công việc này lại làm một số người Hy Lạp bức mình vì thấy những tín đồ Thổ Nhĩ Kỳ theo Hồi giáo mà lại đi lợi dụng cái gia sản tinh thần của một vị Giám mục Kytô Giáo để làm tiền. Và một cuốn sách được bày bán tại quầy hàng kỷ niệm ở Demre đã tả Thánh Nicholas thuở sinh thời là một tu sĩ đầy lòng nhân ái, làm việc thiện, đọc kinh cầu nguyện ngày đêm, không phô trương, không thích đám đông. ■

NOSTRADAMUS TIÊN TRI về NĂM 1999

hạ long LƯU VĂN VỊNH

Trong mấy số báo qua, nhà thơ Hạ Long LƯU VĂN VỊNH đã trình bày những nghiên cứu của ông về các nhà tiên tri lừng danh hoàn vũ: Cheiro, Shipton; số này về Nostradamus. Đây chỉ là phần phụ trong cuốn sách ông viết trong 10 năm: VIỆT SỬ SIÊU LINH, do Hạ Long Thư Các đang ấn hành, và Khởi Hành tổng phát hành vào mùa xuân năm 1999. Phần chính của sách sẽ nói về Phong Thủy Địa Lý Việt Nam và Sấm Vỹ, Sấm Ký, Cơ Bút của Thiền sư Vạn Hạnh, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Liễu Hạnh Công Chúa... Sách dày hơn 200 trang, với nhiều tài liệu hình ảnh, nằm trong Chương Trình Sách Phổ Biến do Khởi Hành thực hiện, sẽ chỉ bán với giá rẻ: từ trên 5 mỹ kim tới trên 9 mỹ kim một cuốn. Các nhà xuất bản hiện nay có tiêu chuẩn bán sách trên 100 trang với giá 8 mỹ kim, sách trên 200 trang với giá 12 mỹ kim; Khởi Hành có tiêu chuẩn khác. Các tác giả và bạn đọc muốn tham dự Chương Trình Sách Phổ Biến, vui lòng liên lạc với Khởi Hành, để nhận được tin tức cần thiết. Tham dự Chương Trình Sách Phổ Biến, sách sẽ được gửi tới địa chỉ của bạn. Để có VIỆT SỬ SIÊU LINH trong tháng 1.1999, vui lòng xem phần quảng cáo trong số báo này.

Bác sĩ Nostradamus tên thật là Michel de Notredame, tên chữ La tinh là Nostradamus, sinh ngày 13-12-1503 tại St. Remy nước Pháp. Nhà tiên tri nổi danh nhất Tây Phương này sống cùng thời với Trạng Trình nước ta vào thế kỷ 16, cách đây non 500 năm. Ông đặc biệt nổi tiếng về tài đoán trước những chuyện xảy ra rất chính xác về thời gian và tên tuổi những người sinh ra sau này như Pasteur, Napoleon, Hitler, Franco...

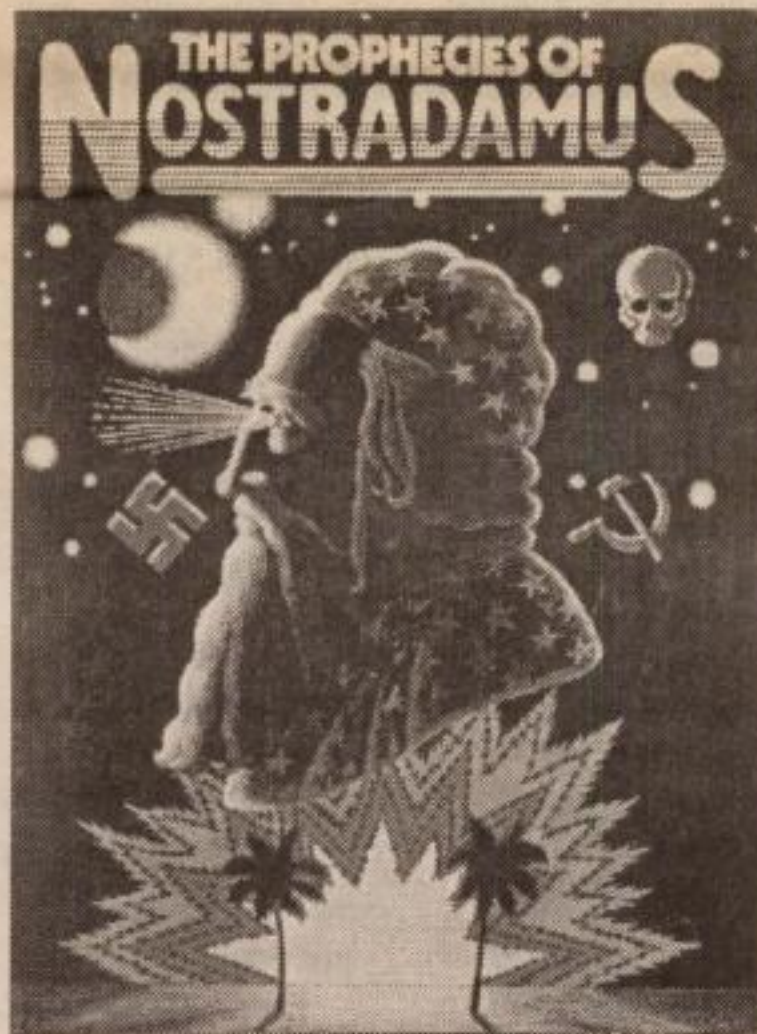
Ông sinh trưởng trong một gia đình Do Thái khá giả, cha ông làm nghề buôn ngũ cốc, một người anh làm thẩm phán, ông nội biết khoa chiêm tinh Do Thái và truyền dạy cho cháu. Thời ấy người Do Thái bị kỳ thị nặng nề ở khắp Âu Châu nên để sinh tồn tùy cơ, gia đình ông phải cải sang đạo Thiên Chúa La Mã vào năm 1501, nếu không sẽ phải rời khỏi Provence trong vòng 3 tháng.

Có học giả cho rằng tổ tiên ông thuộc bộ tộc Do Thái Issachar là một bộ tộc chuyên về chiêm tinh. Ngay từ thuở nhỏ học ở Avignon cậu bé Nostradamus đã nổi danh là "le petit astrologue". Năm 21 tuổi ông vào Đại học Y Khoa Montpellier, được 2 năm ông tạm rời ghế nhà trường để đi cứu trợ nạn dịch hạch đang đe dọa cả miền Nam nước Pháp, ông chặn được nạn dịch và có tiếng trên toàn quốc từ đó. Ông trở lại trường Y khoa học tiếp và sau khi tốt nghiệp ông mở phòng mạch hành nghề vào năm 1529 tại Agen.

Vì vợ (ông có hai đời vợ) và hai con thơ bị chết bất ngờ vì bệnh dịch, ông thất vọng chán nản, lại thêm bị kỳ thị về gốc tích Do Thái, ông bỏ nghề đi lang thang khắp nơi gần 10 năm trời. Chính trong hoàn cảnh này ông phát triển khả năng tiên tri thiên phú. Một lần ở Ý ông gặp một tu sĩ trẻ tuổi dòng Franciscan tên là Felice Peretti, ông vội quỳ xuống và nói: "Con xin quỳ bái đức Thánh Cha". 19 năm sau khi Nostradamus chết, năm 1585, vị tu sĩ trẻ tuổi đó trở thành Giáo Hoàng Pope Sixtus đệ V!

Năm 1538 ông mắc vạ miệng vì phê bình một nhà điêu khắc tượng Mẹ Đồng Trinh là "nặng quỳ", ra tòa Giáo Tra (Inquisition) ở Toulouse ông bào chữa là

"tôi chỉ nói pho tượng nặng xấu như quỳ mà thôi!" Có lẽ thời gian ông rời Pháp đi lang thang cũng có mục đích tránh áp lực tôn giáo, mãi gần 40 tuổi ông mới trở về sống trong vùng Orval, tiếp tục tiên tri và sau đó đi Marseilles cứu trợ nạn dịch hạch. Năm 1544, ông tới Salon vừa hành nghề Y Khoa vừa xem chiêm tinh. Năm 1547, ông lấy vợ lần thứ hai với một góa phụ trẻ và giàu có, Anne Gemelle. Giai đoạn này ông đã được



khắp Âu Châu biết tiếng, ngay cả văn hào kiêm y sĩ Rabelais (1494 - 1553) cũng tới học hỏi ông. Hàng đêm ông ngồi trước một thau đồng dựng đầy nước đặt trên giá ba chân, chăm chú cả giờ tập trung tư tưởng và nhìn thấy và nghe tương lai hậu vận từ thau nước.

Năm 1550 ông in tập ALMANACHS một tập niên giám tiên đoán về thời tiết khí hậu mùa màng, tập này bán rất chạy mặc dù nhiều tiên đoán sai về thời tiết! Đồng thời khoảng thời gian này ông viết tập Sấm ký TIÊN TRI (PROPHÉTIES) gồm những bài thơ 4 câu ngắn như kệ, nhiều khi dùng ẩn ngữ để che bớt ý nghĩa vì sợ làm thương tổn người khác và nhất là sợ va chạm tới tôn giáo.

Phần đầu từ Tập I tới Tập VII được in vào năm 1555 mang tên LES PROPHECIES DE M.NOSTRADAMUS.

Mỗi Tập gồm 100 bài bốn câu, mười Tập gồm 1000 bài, riêng Tập VII chỉ có 42 bài không hiểu vì sao, có thể Nostradamus chỉ viết tới đây là hết thần hứng, hoặc đau ốm, hoặc Toàn tập Sấm ngưng ở đây với 642 bài, còn 300 bài sau (ba Tập in nối sau) là do Chavigny và bà vợ lục lọi bản thảo cũ và xếp đặt vào chăng? Điều chắc chắn là trên toàn Âu Châu xuất hiện nhiều câu sấm mạo danh Nostradamus, có bài sáu câu do cháu ông viết cũng có thời được truyền ra! Tuy vậy tình trạng giả mạo không đến nỗi trầm trọng như Sấm Trạng Trình bên ta, vì có bản in ngay lúc Nostradamus còn sống.

Tập Sấm TIÊN TRI theo ông viết, tiên đoán biến cố cho tới năm 3797 nghĩa là hơn 2000 năm lịch sử tính từ thế kỷ XVI. Hầu hết những sự việc Nostradamus tiên tri đến xảy ra sau khi ông tạ thế, tuy vậy một lời tiên tri về cái chết của vua Henry đương thời năm 1559 làm danh tiếng ông nổi dậy như sóng cồn: ông đoán nhà vua sẽ chết oan nghiệt vì hai vết thương từ một vũ khí trong lúc tập dượt trên sân đấu võ. Việc xảy ra đúng hệt với thần nhân của Nostradamus: nhà vua trong lúc thí võ dượt đấu với bá tước Montgomery không may bị ngọn giáo đâm qua mắt vào tới tận cổ họng:

...par fingulier duelle
dans caige d'or les yeux luy creuera
deux claffes, un, puis mourir, mort
cruelle...

Centuries XXXV

(claffes= fracture, vết thương - lời tiên tri này đã được một nhà tiên tri khác, Luc Gauric của Giáo Hoàng Paul III đoán tương tự vào năm 1556).

Hoàng Hậu Catherine vốn tin lý số rất khâm phục với ông lên Paris xem bói, cố vấn và sau đó hai người trở thành đôi bạn khăng khít. Khi lên Paris ông được thi hào Ronsard làm một bài thơ chào đón xưng tụng. Được vài năm, trước áp lực của triều đình, lại thêm bị phong thấp, Nostradamus

phải trở lại Salon.

Đêm hôm 1-7-1556, đệ tử ông là Chavigny vào chúc ông ngủ ngon, ông trả lời: "Sáng mai khi mặt trời mọc, thấy sẽ không còn ở đây!" Sáng hôm sau ông chết ngồi lạnh cứng trên ghế. Theo lời dặn, ông được chôn theo thể đứng thẳng trong nghĩa địa nhà thờ St Martha ở Salon vì không muốn "thường nhân dẫm trên xương cốt mình". Vợ ông dựng một tấm bia bên mộ xin "hậu thế đừng phá giấc ngàn thu". Ông căn dặn mộ ông đặt vào khoảng giữa cổng lớn nhà thờ và bàn thờ trong khuôn viên tu viện Franciscan.

Có giai thoại nói rằng năm 1700 khi cải táng người ta thấy trên cổ hài cốt có một tấm đồng ghi rõ: 1700! Điều chắc chắn là năm 1792 vào thời Cách Mạng Pháp hỗn loạn hỗn quân, một bọn lính say rượu đập phá mộ ông và vứt tung xương cốt, ông Thị trưởng Salon cho nhặt lại được một số xương và cải táng với tấm bia xu thời "... mộ cũ được mở ra vì những lời tiên tri rất đúng về Tự Do". Sau này tấm bia cũ của vợ ông lại được hoàn về bên mộ mới khi cao trào cách mạng đã lắng xuống.

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ TRẠNG NOSTRADAMUS

1.- Trong thời gian ở Paris, Nostradamus bị phong thấp phải nằm dưỡng bệnh hơn 10 ngày. Một hôm ông đang nằm ngủ bỗng bị một gia nhân hàng xóm gõ cửa om sòm. Ông thức dậy bức tức, tên gia nhân chưa kịp ngỏ lời ông đã nói ngay "Mất có con chó mà cũng làm rộn lên, đi về hướng Orleans mà tìm sẽ thấy". Quả nhiên tên gia nhân gõ cửa định hỏi về chuyện mất chó, chưa kịp hỏi thì ông Trang đã biết trước và đoán ngay con chó đang ở đâu!

2.- Một buổi chiều tối ngồi ở cửa nhà tỉnh Salon, một cô bé đi ngang qua chào ông: "Chào ông Nostradamus" (Bonjour, Monsieur de Nostradame). Ông chào lại: "Chào cô bé" (Bonjour fillette). Khi trở về cô bé lại chào hỏi và lần này ông đáp lại hơi khác: "Chào bà trẻ" (Bonjour petite femme). Thì ra ông đã biết cô bé đi vào rừng cây ăn yếm bạn trai và không còn là con gái nữa!

3.- Hồi ở Paris vào Triều ông thấy một cậu bé 10 tuổi đang chơi ở gần cung vua, ông tới xem quý tướng nhưng cậu bé sợ chạy mất. Sáng hôm sau người hầu cố tình không cho cậu bé mặc áo để Nostradamus xem tướng. Ông thấy nốt ruồi quý trên mình cậu bé và bảo mấy người hầu: "Sau này chủ nhân các ông sẽ làm vua nước Pháp". Cậu bé ấy là anh em chú bác với vua Henri III, sau này trở thành vua Henri IV thống nhất Pháp với vùng Navarre. Câu chuyện này được chính vua Henri IV kể lại với lời dí dỏm: "Lúc họ không mặc áo cho tôi, tôi lại tướng là sắp bị ăn đòn!"

4.- Trong giai đoạn bỏ nhà đi lang thang vì vợ và hai con bị chết, ông gặp gia đình Florinville và gia chủ một hôm muốn thử tài Nostradamus đã dẫn ông xuống chuồng heo và chỉ hai con heo, một con trắng, một con đen, rồi hỏi "số phận hai con heo này ra sao?", ông trả lời là "con heo trắng sẽ bị chó sói ăn thịt, con heo đen thì bị làm thịt cho chúng ta ăn!" Gia chủ bí mật dặn nhà bếp làm ngược lại: giết thịt con heo trắng làm cơm tối khoản đãi! Đầu bếp theo lời, giết con heo trắng làm món đãi khách. Nhưng khi thịt để trên đĩa một con chó sói đã lén vào nhá hết thịt trong lúc người bếp đi ra ngoài! Khi trở vào bếp, anh bếp đành mang con heo đen ra làm thịt thay thế. Lúc dọn lên, gia chủ không hay biết đã bảo Nostradamus "đây là thịt con heo trắng đấy!" ông nhất định nói không phải con heo trắng và gia chủ phải gọi đầu bếp lên để xác định. Khi đầu bếp lên kể lại tự sự, cả nhà đều phải chịu tài thần đoán của Trang!

NHỮNG LỜI TIÊN TRI ĐÃ ĐÚNG TRONG QUÁ KHỨ

1.- Tên Napoleon được Nostradamus viết lối ẩn dụ là "Pau.nay. laron" nói lái ra là Napaulon Roy (C.VIII - 1). Ông viết rõ là một hoàng đế sinh ở Ý, tóc chòm ngắn, sẽ làm thương tổn kiệt quệ nước Pháp. Ông còn tiên đoán ngôi sao Napoleon bắt đầu lên ở một tỉnh duyên hải (tức Toulon, nơi Napoleon đánh bại quân Anh năm 1793), sẽ cầm quyền độc tài 14 năm (11-1779 tới 4-1814), làm rung động Tây Ban Nha, Ý, Anh. Nostradamus còn đoán chính xác chiến bại Waterloo, Napoleon bị đi đày, trốn thoát rồi chết cô đơn trên một hòn đảo đá vôi, dân cư thưa thớt 5000 người (tức St Helena).

2.- Bác học "Pasteur sẽ được tôn sùng như thánh sống" (The lost thing is discovered, hidden for long centuries. Pasteur will be celebrated almost as a god/Perdu trouvé caché de si long fiele, sera Pasteur demy Dieu honoré I-25).

3.- Thế kỷ sau Nostradamus, Luân Đôn sẽ bị cháy "ba lần 20 và 6", tức đám cháy năm 1666, "tượng Đức Mẹ bị đổ xập và nhiều người chết".

4.- Tên Hitler được ông viết trước là "Hister", sinh ra ở miền núi non nước Áo, trong gia đình bình dân, mà rồi số phận không rõ ra sao! Trùm Đức Quốc Xã này được mô tả là người ác độc "antichrist" thứ nhì sau Napoleon, sẽ bị bại trận mà cái chết không được rõ ràng (thiếu năm 1945 hoặc trốn đi Nam Mỹ?). (Plus part du champ rencontre Hister sera... II - 23)

5.- Đoán đúng tên nhà độc tài Franco, Tây Ban Nha (De Castille Franco fortira l'affemblem... IX-15).

6.- Mối tình của thế kỷ: Vua Edwards VIII nước Anh thoái vị để lấy người yêu

năm 1936 cũng được ghi trong sấm ký (for being unwilling to consent to divorce... the King of Isles shall be expelled...).

7.- Thấy trước việc nước Mỹ lập quốc và thoát khỏi mẫu quốc là nước Anh (free from British Isles).

8.- Tiên đoán sáng chế tàu ngầm (the fleet can swim under water) và chiến đấu cơ (wars for control of the clouds).

NHỮNG LỜI TIÊN TRI VỀ CUỐI THẾ KỶ 20

1.- Rồi một người từ Chính phủ Mỹ sẽ cầm đầu nước Anh. Nước Anh và nước Mỹ sẽ hợp nhất vào thời vua Reb (?) khi lãnh tụ đứng mãnh chống đạo xuất hiện:

The London premier through American power will burden the island of Scotland with a cold thing

Reb the King will have so dreadful an anti Christ

who will bring them all into trouble.

(Le chef de London par regne l'Americh,

L'isle Efcoffe tempiera par gellee:

Roy Reb auron un fi faux antechrist

Que les mettra treslous dans la meflee)

X-66

2.- Cuối năm 1999 trận Đại chiến cuối cùng Armageddon sẽ xảy ra giữa Tây Phương và Á Rập Hồi Giáo với một lãnh tụ đứng mãnh (a strong master of Mahammedan law) một Antichrist thứ ba trong lịch sử, lãnh tụ ghê gớm này mang tên Mabus hoặc Alus. Chiến tranh tạo nên bệnh dịch, chết đói, tàn phá nhiều nước. Điểm báo trước là hạn hán, nóng cháy, động đất, mưa lụt khắp nơi:

Mabus will soon die and come

destruction of people an animals...II-62

His hand by bloody Alus behind

(Sa main derniere par Alus

fanguinaire...) VI-33

So great a famine with a plague thought a long rain shall come along the arctic pole VI-5

Earthquake shall be so great in May Saturn, Caper, Jupiter, Mercury, in Taurus X-67

The Arab prince, Mars, Sol, Venus, Leo the kingdom of the Church shall be overcome by sea

toward Persia, very near one million Turkey, Egypt, Ver, Serp. shall invade. V-25

(Caper là Caprion, Ver là Verseau, Serp là Serpent chòm sao độc).

3.- Nhưng rồi Thiên thắng Ác, một lãnh tụ tài ba, một thánh vương sẽ đưa Nhân Loại vào thiên kỷ mới trong an bình 750 năm:

Mars and the Scepter will be in conjunction a calamitous war under Cancer

Shortly after, a new King shall be appointed who for a long time, shall pacify the earth VI-24

Theo chiêm tinh, sao Mars và Jupiter (Scepter) chỉ hội chiếu vào ngày 21-6-2002, sau đó bậc Đế Vương mới xuất hiện:

There shall be peace for 7 and 50 years

Joy to mankind...

X-89 ■

(Trích Việt Sử Siêu Linh, Khởi Hành sẽ tổng phát hành vào đầu năm 1999).

Khởi Hành tổng phát hành trong tháng 1.1999
Một Tác Phẩm Biên Soạn Trong Gần 10 Năm của

Hạ Long LƯU VĂN VINH

VIỆT SỬ SIÊU LINH

Sấm VI của Quốc sư Vạn Hạnh, Sấm ký của Trang Trình Nguyễn
Bình Khiêm, Cơ Bút của Liễu Hạnh Công Chúa... Và Sử Truyền về
Địa Lý Phong Thủy Việt Nam ■ Hơn 200 trang, đặt trước giá chỉ có
12 mỹ kim, sách gửi tới tận nhà.

ĐI, VỀ, VỚI TÔ THÙY YÊN

VỖ PHIẾN

- **R**ảnh. Nói chuyện thơ chơi. Nhá.

- Thơ Lý Bạch hả? Được quá chứ lại. Đáng nói lắm. Ủa! Không phải Lý à? Thế thơ Đỗ Phủ, thi sĩ của dân đen chẳng? (1).

- Không. Thơ Tô Thùy Yên.

- Nữa!

- Vâng. Lại Tô Thùy Yên nữa. Quả nhân hữu tật. Tật yêu thơ ông Tô Tử.

- Ông Tô? Thi sĩ của...

- Của loài người.

- Bạn liệu cái mồm của bạn. Họat tòng khẩu xuất. Ba hoa cho lắm vào.

- Vào để ngay nhá.

Khuya rồi, nước đã đầy trăng,
Đi về suốt bãi sông Hằng, gặp ai?
Lạnh trời, đầu lửa hơ tay?
Đêm còn, cứ bãi sông này lại đi,
Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì,
Nước rào, trắng rạt, ta thì mỗi mê...
Chảy khuya, nước ử trắng ề,
Uống công, bãi ấy đi về một ta...
Mãi rồi trời cũng sáng ra,
Phấn trắng trắng lặn, phấn ta ta về.
Vẫn sông, vẫn bãi bốn bề,
Sang đêm, ai nữa đi về, gặp ai?"(2).

- Bài nào vậy?

- "Đi về".

- Đi về đâu vậy cà?

- Đã rõ: đi về suốt bãi sông Hằng, cứ bãi sông này lại đi, đi mỗi mê, đi về uống công...

- Đi đâu về đâu? Không thấy nói đến.

- Như thế vấn đề càng rõ.

- Nhưng con sông Hằng?

- Hầy. Đây không phải là một chuyến đi du lịch, không phải Tây du thỉnh kinh. Bởi nếu thế gặp Hằng hà ở Ấn Độ Phật quốc tất có màn nhảy xuống tắm một cái tức thì; có đâu lại cứ qua qua lại lại đi đi về về mãi đến mỗi mê rồi kêu uống công? Vậy đừng có nghĩ tới tắm tức. Cũng đừng suy ra ý nghĩa xa vời nọ kia, rồi "sụp lạy cúi đầu": nhọc nhằn đấy, nghe chưa?

Vả lại, sông gì, nước nào, không phải cái chính. Có phải đi mần ăn, đi tị nạn chính trị đâu mà định rõ phương hướng cùng địa điểm?

- À há!... Sông Hằng...

- Không chừng là hằng hữu, là vĩnh hằng v.v... Không chừng thế. Nhưng cái thần của bài thơ, những con mắt của nó mở ra ở những chỗ "thấy gì chẳng, chẳng thấy gì, nước rào sông rạt, nước rử trắng ề, vẫn sông vẫn bãi bốn bề..".

- À há!

- Ở cái mỗi mê, cô đơn, cái mịt mờ, cái vô vọng, vĩnh viễn bất tuyệt của sự đi về.

- Vấn đề không phải của riêng một tầng lớp nào nhỉ?

- Không phải của dân đen dân đỏ nào cả. Của loài người. Của mọi loài.

- À. Bạn ba hoa không phải không lý do. Bây giờ chúng ta đi vào cái hay của bài thơ chứ?

- Bây giờ là xong, còn đi vào đi ra gì nữa?

- Kia. Thơ ấy hay ở chỗ nào? Tại sao hay? Chúng ta đã mổ xẻ đâu?



- Bạn quá đáng. Một người mai mối đầy hảo tâm mang đến giới thiệu với bạn một kiều nữ. Bà mai tình quay lưng để đôi bên tự do trao đổi, bạn túm lại, la toáng lên, đòi bà ta giải thích cho ra lẽ: cô gái đẹp ở chỗ nào? Vì sao cho là đẹp? Giải cách nào cho ra lẽ với bạn? Ai đi giải nghĩa được người xinh?

- Ủa kỳ vậy?

- Thôi được. Cho rằng bà mai nọ cố gồng mình trở tài: Cậu xem giùm cái nước da của cô đi: Trứng gà bóc ra là y hệt vậy chứ gì nữa? Cậu coi cặp nhũ hoa của cô đi. Tôi mến cậu, tôi tiết lộ cái này, cậu giữ kín cho: Kết quả đo đạc cực kỳ chính xác cho thấy: lấy con số chu vi vành tròn ở sát ngực chia cho con số chiều cao từ chân đến đỉnh nhũ hoa thành ra con số đúng tỉ lệ giữa chu vi và chiều cao Kim tự tháp Cheops! Đúng y chang cậu a. Tỉ lệ vàng, cậu a. Chính vì thế nó đẹp ngắm không bao giờ chán mắt. Thì Kim tự tháp Ai Cập người đời ngắm mãi mấy nghìn năm, càng ngắm càng thấy đẹp, thấy không? Cậu xem giùm... Cậu xem... Cậu xem...

Bà ta nói đến đâu, bạn gục gặc đến đấy. Nhưng rồi cuộc bạn vẫn ngắn tờ te thôi. Có ai nghe giảng mà nhận ra gái đẹp? Có ai

chờ giảng mới cảm được gái đẹp? Trong khi ấy, nếu có chàng trai nào - một chàng trai đích thực là trai- nó đi ngang qua, liếc ngang, bắt được cái đẹp của cô gái. Thế là bạn mất toi cơ hội lấy vợ xinh.

- Đáng tiếc nhỉ?

- Tiếc cái gì mà tiếc? Bạn chẳng nhận ra cô ấy đẹp, bạn chẳng phân biệt đẹp xấu thì việc gì mà tiếc? Cô nào cũng như cô ấy. Bạn cười nàng Lọ Lem có phải đơn giản chuyện đời không?

- Này. Không được nói thế nhé.

- Dối vợ Lọ Lem dạo quanh ao rau muống mà ngắm cảnh. Hợp lắm.

- Đã bảo không được nói thế. Cấm.

- Đồng ý nói thế là nhầm. Làm thế càng nhầm. Cũng như nghe tán huyên thuyên về ý nghĩa, rồi cứ ôm thơ dở mà đọc. Nhầm lắm.

Tôi không nói nhầm nữa. Bạn cũng đừng đòi giải nghĩa gái đẹp, giải nghĩa cảnh đẹp nữa, nhé!

- Hừm. Du ngoạn phải có hướng dẫn, có thuyết trình...

- Là thuyết trình về lai lịch, về các đặc điểm của cổ tích, của thắng cảnh cơ. Còn bạn bắt các cô hướng dẫn viên giải về cái đẹp của nắng sáng ở Hàng Châu, mây chiều ở Giang Nam v.v... các cô lần lượt mất "rộp" hết trơn. Bạn thấy đẹp thì bạn ở chơi; bạn không cảm thấy gì, bạn được phép ngáp lên ngáp xuống một hồi, rồi lên xe về khách sạn ngủ.

Các cô hướng dẫn viên không giải thích, các ông thi sĩ cũng không hề giải thích cho bạn đâu:

Hoàng Hà viễn thưởng bạch vân gian
Nhất phiến cô thành vạn nhận san" (3).

Vương Chi Hoàn bày ra trước mắt bạn bốn món: sông vàng, mây trắng, thành lẻ, núi cao. Thế thôi. Bạn thấy cảnh ấy là đẹp? Tối! - Bạn chẳng thấy gì? Mặc xác bạn. Không có ông bà thi sĩ nào chịu khó lải nhải nói thêm cho rõ tại sao cô thành hợp hơn liền thành, tại sao ở đây núi phải trùng trùng muôn trượng v.v... Cảnh đẹp, để yên cho nó tự đẹp. Giải thích giải thích là trò rối của kẻ lảm mồm. Ích gì? Nếu quả có ích lợi, ở đời đã có nghề dành cho hạng chuyên viên đi dạy cách xem gái đẹp và cảnh đẹp. Cũng là tăng thêm ý vị cho cuộc nhân sinh nhiều chứ, không sao?

- Lắm mồm là bạn. Nói cho lắm vào, bạn làm rối vấn đề. Thơ văn, sao có thể ví

với cảnh với người? Cảnh nọ người kia, là những cái tự nhiên. Do trời. Cảnh với người hình dạng thế nào, không do sự xếp đặt tính toán của ai cả. Đã không có bố trí thì không thể đem các nguyên tắc bố trí ra mà cắt nghĩa. Đã tự dựng thành, hình kia đáng nọ không có chủ ý dàn dựng, thì không thể suy tìm một chủ ý, một nguyên tắc, một dụng tâm thẩm mỹ nào trong đó cả.

Còn thơ văn do con người làm ra. Tại sao chọn chữ này mà không chọn chữ kia? Tại sao dùng thể này mà không dùng thể khác? Tại sao rút ngắn chỗ này, kéo dài chỗ nọ v.v... Phải luận cho ra lẽ chứ? ra phải trái chứ?

- Hầy. Ông Cao Thắng bắt được cây súng tây, tháo từng bộ phận ra xem, hiểu biết hết máy móc; hiểu rồi, ông làm ra được súng, bắn đoàn quân, Tây mất mạng lẫn kèn. Phân tích thơ, tháo gỡ từng câu từng chữ ra xem xét tường tận, "hiểu" hết lý do cái hay của thơ, kết quả có được như hiểu súng chẳng?

Cụ Nguyễn Du viết xong cuốn Kiều, cụ vất nó ra cho thiên hạ mua vui. Kiều nằm tên hên giữa cõi đời tạp nhạp này ngót hai trăm năm; biết bao nhiêu kẻ tấy máy đã sục sạo mọi móc khắp cùng, tha hồ phanh phui mọi chỗ hiểm hóc không ai che giấu. Kiều dài dẫu đến thế. Kể sĩ trong thiên hạ lại không thiếu hạng có tài thưởng của người làm của mình. Vậy mà bạn đã gặp người Cao-Thắng-văn-nghe nào sản xuất được súng Kiều tân chế chưa? Bạn không có ý định kể tên Đoàn trường vô thanh đây chứ?(4).

- Thế bạn bảo làm thơ là do phép thần thông, vô phương thấu hiểu, bảo thơ văn không phép không tắc gì cả à?

- Bạn là kẻ giỏi giang, ham mê lý luận, tôi chưa có cái may đọc thơ văn của bạn. Người nhà quê, cô đi cấy cậu đi cày, từng làm ra vô vàn thơ ca hò hát, tình tứ hay ho muốn chết; họ không rành một phép tắc nào.

- Thế bạn nhất định thơ văn không phép tắc? Có, hay không? Bạn đừng ốm ơ. Thơ là công trình của người hay của Trời? Bạn trả lời dứt khoát tôi xem.

- Có Trời mà cũng có ta. Phần của Trời, không xía vào được. Phần của ta, dành để tán dóc cho vui.

Này, trước khi phóng tay làm một bài thơ phải có một cái tứ thơ, phải không? Đó hoặc là một ý tưởng, hoặc một cảm xúc, hoặc một tình cảm v.v... Cái này lấy từ đâu ra? tra cứu cách nào cho ra cái tứ thật cao giá, thật xuất sắc? Không được. Cái tứ thường tự nó "nảy ra". Thoắt cái, từ đâu đó nó nảy ra bất ngờ vậy thôi. Để diễn tả tính cách đột ngột ấy, người ta dùng những chữ cảm hứng, chữ inspiration. Vu vơ, bất định.

Thi tứ, nó như ông Từ Hải. Tung tích ở đâu không rõ, bỗng nhiên "khách biên đình" xuất hiện. Và làm chủ bài thơ. Nó không phải chỉ là một cái đầu dê: Đi về, Thu diều, Đây thôn Vĩ Dạ, Tống biệt hành v.v... (5) Nó xuất hiện và khống chế toàn bài thơ: ý thơ, không khí bài thơ, lời lẽ nhịp điệu thơ v.v... Nó chỉ đạo tất cả. Và nó ở ngoài mọi tính toán của tác giả.

- Á à. Bạn muốn nói đó là phần của Trời? Được rồi. Sau đó đến công việc thực hiện ra bài thơ. Tác giả trở tài, vận dụng kỹ thuật, ứng dụng các phép tắc... Đây là phần của ta chứ gì?

- Mừng lắm. Phần nọ phần kia, bạn phân tích như thế là đúng. Đúng chút chút.

Thật ra khó có phép tắc nào đưa tới những câu: "Gió theo lối gió mây đường mây. Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay... Lạnh trời đầu lửa hơi tay... Nước rào trắng rạt ta thì mỗi mê. Chảy khuya nước ử trắng ơ. Uống công bãi ấy đi về một ta" v.v... Kể thông thạo luật tắc tính toán cách nào cho ra câu cán như thế? Vẫn bắt được của Trời thôi, bạn à.

Chủ trì toàn bài là một cái tứ lớn. Mà mỗi câu cũng do một tứ, mỗi chữ cũng một tứ, nhỏ nhỏ. Mỗi thành công cục bộ đều do một cái tứ hay ho.

Chủ trì toàn Truyện Kiều là một cái tứ lớn. Nhưng nếu không có những câu tài tình "Lơ thơ tơ liễu buông mành. Vầng trăng ai xẻ làm đôi. Nửa in gối chiếc..." v.v... nếu không có 3254 câu thơ tuyệt vời thì còn ra cái gì. Mỗi câu như thế đều là một sáng tạo cả. Bộ bạn tưởng cụ Tiên Điền chỉ cần bắt được ý lớn, xong giao việc "thực hiện" cho một thợ thơ, sau khi dặn dò chỉ vẽ phép tắc ngôn ngữ cho căn kẽ là được sao? Tứ của Nguyễn Du mà giao cho Nguyễn Diệc "thực hiện" thì cuốn Kiều bị vất vào sọt rác từ khuya. "Thực hiện" chính thị là công việc sáng tạo, là nghệ thuật đấy. Chưa hề có phép tính nghệ thuật. Lại Trời nữa, bạn ơi!

Tứ lớn bắt được, tứ nhỏ cũng do bắt được. Bạn nói nhảm vừa thôi chứ. Văn thơ rồi cuộc chỉ là trò may rủi hên xui thôi sao?

- Đâu có. Làm gì có cơ hội đồng đều cho mọi người! Lộc Trời không hề rải xuống lung tung. Không phải hôm nay ông này bắt được một tứ thơ lạ, ngày mai cô kia có thể chớp trúng ý hay. Không có chuyện lung tung xoe như thế. Một mình ông Lý Bạch ngày nào cũng vớ được cái xuất sắc; còn các ông Lý Hắc, Lý Hồng, Lý Lục, và cả ông Lý Tía nữa, hề chơi với quơ tay ra toàn tóm phải cái nhảm. Trời không tổ chức xổ số. Phàm ý hay tứ đẹp cảm xúc tinh vi tế nhị thường chỉ đến với những ai có phần có phước. Tức những kẻ nào có xu hướng tâm hồn, có tính tình, có sở kiến sở văn sở học thích hợp, có thân thể, truyền thống thích hợp, có kiến trúc sinh lý, có tạng phủ thích hợp v.v... Người hăm hở lạc quan như ông Reagan bắt nhảm tứ thơ nước ử trắng ơ. Người hơi bạo tính như cô nàng Madonna chắc chắn không mấy khi nảy ra cái ý đem đem đi về suốt bãi sông Hằng tới mỗi mê...

- Tộp! Cứ lan man như thế biết bao giờ xong chuyện! Thế tứ lớn tứ con đều do Trời gieo xuống bất thần, vậy đâu là phần ta đóng góp?

- Khi câu cơ, thì thần tiên giáng bút từng bài thơ làm sẵn, hoàn tất. Thỉnh thoảng cũng có trường hợp một vài thi sĩ bảo có lúc nằm mơ chính tại mình nghe nguyên vẹn những câu thơ tuyệt diệu, thức dậy, quơ bút chép lại. Đó là chuyện lạ.

Chúng ta nói chuyện thường. Thường thì khi thi sĩ chú tâm vào đề tài gì sẽ có nhiều ý, nhiều chữ, nhiều tiếng, nhiều cách diễn tả khác nhau nảy ra, kéo xô đến trình diện. Nhà thơ điểm mặt, chọn lựa, xếp đặt dạng thứ trình bày thích hợp.

- Có phải ý bạn muốn nói ở giai đoạn này nhà thơ giữ vai chủ động, tự do sử dụng các yếu tố được cung cấp...

- "Dieu propose, l'auteur dispose."

Trời chỉ gợi ý, tác giả toàn quyền quyết định. Khởi sự tại thiên, thành sự tại nhân.

- Ban phách lối, phạm thượng.

- Tuy nhiên Trời vẫn không xổ số. Lời hay ý lạ kéo nhau đông đảo, chen lấn nhau

trình diện ông Nguyễn Du. Trước bàn giấy ông Nguyễn Diệc, khách khứa lơ thơ. Thẩm thức ông ta lại yếu, ông chọn lựa sai lầm, xếp đặt vụng về v.v...

Thành thử cái tự do của ta cũng chút chút thôi. Bất quá để làm nên sự phân biệt khéo vụng thôi. Cái đẹp không được quyết định ở đây.

- Quá trình sáng tác qua các giai đoạn, bạn nói cứ vanh vách như nắm giữ cả thiên cơ! Như thế là thế nào? Ai có thể tin được một lối leo leo vô trách nhiệm như vậy?

- Đừng tin cả. Tôi... tôi chẳng qua chỉ suy diễn, ước đoán. Nên tin chút chút. Trái lại, nếu bạn tuyệt đối không chịu tin tí nào, thì tôi nghĩ chơi. Vì bạn thuộc phần tử cực đoan, bạn cực đoan như ông Buchanan. Không tốt.

- Nói chuyện với bạn mất cả thì giờ. Nói mãi một lúc vẫn không biết bài thơ đẹp ở đâu.

- Bất cứ nói chuyện với ai, bao lâu, cũng không biết được cái ấy. Thơ đẹp như gái đẹp. Thấy hay không thấy tự mình. Không giải được. Tùy tạng người; Kể thích gây người thích béo, kẻ hợp với vẻ sảo muộn người ham tươi tắn...

- Tất một lời. Bỗng dưng có dịp gặp bài thơ hay, làm thế nào?

- Chỉ đọc, không nên làm gì khác.

Thơ đẹp như gái đẹp. Hoặc nhất kiến bị cú sét đánh: bắt ngay, mê ngay. Hoặc như lửa gần rơm, chung đụng chấy ngay, cứ dần dần ngộ ra, đắm mê mãi. Ngoài ra, đừng làm gì cả.

- Thế... thế ngộ lỡ gần gũi chung đụng mãi mà lửa nó không chịu bén rơm...

- Ơ hay! Sà gì cái thơ cái thần mà cứ đeo đẳng mãi, ai chịu thấu? Vứt bỏ nó đi, xa lánh hẳn nó đi. Tìm những cái khác: Truyện ông Đắc-ta-nhăng, truyện ông Lệnh Hồ Xung, truyện điệp viên 007 v.v... mà đọc. Tìm sách thiếu lâm, sách bí mật phòng the mà nghiên cứu. Ngộ cấp kỳ, lo gì?■

3-1996

(1) ĐỖ PHỦ, NHÀ THƠ DÂN ĐEN, một tác phẩm của Phan Ngọc, nhà xuất bản Đà Nẵng, Việt Nam, ấn hành năm 1990.

(2) ĐI VỀ, nhan đề một bài thơ Tô Thùy Yên, trang 141, THƠ TUYẾN TÔ THUY YÊN, tác giả xuất bản, Minnesota, 1995.

(3) VƯƠNG CHI HOÁN (742-), thi sĩ đời Đường, tác giả bài Xuất Tái.

Nhà văn Võ Phiến trích hai câu trên có lẽ từ cuốn THƠ ĐƯỜNG, quyển I, do Trần Trọng San in lần đầu năm 1957, tái bản năm 1966, Sài Gòn, nơi trang 75. Bởi vì năm 1993, học giả Trần Trọng San tái bản cuốn đó tại Gia Nã Đại, đã sửa lại chữ nhận thành nhần, và chú thích: "nhần, đơn vị chiều dài của nhà Chu, 1 nhần bằng 7 hoặc 8 xích (thước)" (THƠ ĐƯỜNG, tái bản lần thứ 5, Bắc Đẩu, 1993, trang 113). Chú thích này không có ở mấy lần in đầu, và bản dịch theo thể 7 chữ đã bỏ đi, thay bằng bản dịch mới, theo thể lục bát. Vậy ta nên đọc là nhần như bản mới.

(4) ĐOÀN TRƯỞNG VÔ THANH, một tập thơ của Phạm Thiên Thư in ở Sài Gòn trước 1975.

(5) Nhan đề các bài thơ của Nguyễn Khuyến, Hàn Mặc Tử, Thâm Tâm.

Tất cả các chú thích trên là của Khởi Hành.

TÔ THÙY YÊN

BA BÀI THƠ MỚI



ĐẠI BÌNH NGUYÊN

Đất xa đuối, trời sâu vô vọng.
Đất trời còn chịu đựng bao lâu?
Ngàn, ngàn dặm không bóng người,
dạng mộ...
Hú, không nghe động tĩnh
cả hồn thiêng.
Chỉ những cuộn cỏ gai lăn giỡn.
Chim bay thoát ra chăng?

Qua đây, gió kiệt tàn.
Chung thân, thiên cổ bị cầm giữ,
Mỗi nản cùng mặt nhật im trơ.
Đá cũng làm thình, không có chuyện.
Chiều nay, ai qua đại bình nguyên,
Xa ngoài tầm rêu về của mệnh lụy,
Nhớ, như cỏ, xô tràn,
Mơ, như mây, tản mạn...

Mùa thu, gió bạc phơ
Kéo phết mặt người dài ngầy ngất.
Ôi mây vĩnh hằng, ôi cỏ trường tại,
Ta từng thấy, từng quên, từng thấy lại
Từ vô nguyên tịch mịch thần linh buồn,
Qua đặng đặng đi về một bóng mộng
Tận xoáy cùng bất biến của thời gian.

Đến đâu hết đất?
Cõi nào hết trời?

Đêm nay, người ngủ đậu nhà ai,
Liệu có giấc mơ nào khác trước?
Việc đời, cũ ê chề...

Thánh hiền e cũng hối,
Lời ra, nói thiếu, hẳn thành dư.
Có tuổi, không còn sống mới nữa,
Đành như trời đất, kiên trì thôi,
Giảm hãm tuần hoàn, sống lại cận.

Tích sử bằng quên,
Tâm tình giải bỏ,
Về tới chưa, người qua ải Tây?
Chiều xa cừ trôi trôi nắng tàn,
Lan chạy sóng cỏ,
Vèo ràn cánh chim,
Bạt tủa rách tiếng mê đơn thoại,
Vương vất nổi muộn màng.
Chợt trời đất rừng mình đổi cách sáng...

Nhẹ thênh huyền ảnh người
Cõi biếc sống trắng sao.

Đất xa đuối, trời sâu vô vọng...
Chiều nay, ai qua đại bình nguyên...
7-1998

CHIM KÊU BÃI QUẠNH

Dưới lũng, trên triền, nắng xếp nhỏ.
Nước ròng sâu, sông lằng lằng xa.
Khắc khoải chim kêu ngày tận tuyệt.
Ai trầm luân đó có về qua?

Mông quạnh bãi trơ vũng vương mắc.
Con cò lặng ngẩng lẳng hơi thu.
Xác cây gục hồn mang cành rế.
Rừng thưa loáng thoáng gió mơ hồ.

Khắc khoải chim kêu hồn khuấy giạt.
Cảnh nổi trôi giờ đã lặng chưa?
Ngấn nước đục khoen lem cỏ sậy,
Lưu mà chỉ dấu phù hư?

Xương máu còn là xương máu cũ,
Đành rêm nhức mãi trở trời xưa.
Khắc khoải chim kêu đời khổ nạn.
Vẫn ai ngồi rặng cội cây già.

Chim vút lên như hòn đá ném,
Rồi thôi, cái có chỉ là qua.
Chiều đi trên bãi sông đi tạm,
Nhớ một dòng sông tên Mịch La.

Khắc khoải chim kêu mùa xóa giải.
Hành nhân về quanh giếng quê nhà.
Ngõ trúc chiều ngát cơm gạo mới.
Ngọn đèn thấp đợi đã rền hoa.

Chiêm bao, âu cũng chiêm bao cả.
Mưa lớn, chừng mưa rợp hải hà.
8-1998



THẤP TẠ

Một mai nàng lên núi chan chứa,
Hỏi tìm cho gặp đá tiên tri...
Về sau, đời có ra sao nữa,
Cũng đã dành tâm sẵn một bề.

Đá, chẳng đá nào lên tiếng với...
Nàng đi thôi đã nát chân hồng,
Nghe con vượn ẩn thân khóc hối
Một lần bỏ lỡ chuyến lìa non.

Một mai nàng vô rừng u ẩn,
Nhặt trái nửa về nhuộm dạ sầu,
Thấy trăm họ cỏ cây chen quẩn,
Nướng nấu nhau mà tội nợ nhau.

Con loan, con phượng bay đầu lạc,
Đến nổi nào, sao chẳng gọi bầy?
Nếu như hoa biết chiều nay rụng,
Âu cũng vui mà nở sáng nay.

Một mai nàng qua cầu cam mặc,
Mưa nắng gì thôi cũng một thì...
Rau hạnh, rau vi từ lúc có
Chưa từng người biếc bãi Kinh Thi.

Cửa đẩy lằm, vô lường cuộc diện...
Ba ngàn thế giới đã nhà chưa?
Lâu ngày, thân thể rách như gió,
Thấy lại mình như kẻ đáng ngờ.

Một mai nàng đến thành hoa gấm,
Hát một chiều, tiền thưởng ngập chân,
Vui nổi náo trời, thốc tháo biến...
Một lần, thử đổi bỏ chân thân.

Gà nửa khuya gáy xộ trắng muộn.
Ai hồ nghi lộn kiếp bên này?
Con chó khóc tru ngoài địa giới
Ngờ ngờ người góc biển chân mây.

Một mai nàng ra bãi vô định.
Nhìn sông đối lòng,
nhìn núi chuyển chân.
Mây bay bay như những vẩy biếc...
Nàng đứng cho tàn như một nén nhang.

Thấp tạ cần khôn một vô ích.
Thấp tạ nhân quần một luyện thương.
Biển Đông đã một ngày xe cát...
Khuất giạt, mơ lai kiếp đã tràng.
7-1998

GIẤC MƠ KHÔNG DỨT ĐÓ của THẦN LINH

NGUYỄN TÀ CÚC

Thơ Tô Thùy Yên nói tuyển về một nỗi khắc khoải của cuộc nhân sinh, niềm vô vọng trước sự bí nhiệm không cùng của vũ trụ. Ông được nhiều người đọc. Người đọc ông ở đủ lứa tuổi, thuộc nhiều thành phần khác nhau. Được thể vì ngôn ngữ thơ ông tuy tân kỳ nhưng lại vô cùng cũ, vô cùng dân gian: Đôi bàn tay vỗ nháng âm thanh...(Mòn Gót Chân Sương Nắng Tháng Năm), Nỗi đời bi thiết xé lụa tưa. Hòn ngói lia bay bay mặt nước (Tưởng Tượng Ta Về Nơi Bùn Trạch), Đời im lìm đóng vắng xanh xao (Ta Về)... Nhưng người thơ trước sự bí nhiệm ấy không chỉ cúi rạp xuống, và dù có khò khè vì gánh nặng nhân sinh vẫn không ngừng hồi han bản thể mình. Cái linh của người gặp cái thần của chữ để bày tỏ giấc mơ không dứt mong rời bỏ thân phận con người vô ích sáng choang (như món trang hoàng đeo lên Hư Vô đen ngời bóng lộn) mà tới nơi vĩnh cửu, vô biên... ■ Nhà thơ Tô Thùy Yên hiện sống tại Saint Paul, Minnesota. Bài này được thực hiện qua nhiều cuộc nói chuyện, hoặc bằng điện thoại, hoặc bằng thư từ, trong thời gian khoảng hơn một tháng, xong trước tháng 11.98. NTC.

— **S**ang bên này anh mới cho xuất bản tập thơ đầu. Qua thơ anh, người đọc có thể đoán rằng anh ngả theo chủ thuyết hư vô, phải thế không? Nên việc có để lại thơ hay không, không quan trọng. Nếu thế sao bây giờ đủ quan trọng để in thơ?

— Tập thơ xuất bản năm 1996 của tôi ở Mỹ không hẳn là tập thơ đầu mà chỉ là một gom chọn phần lớn những bài thơ đã xuất hiện từ lâu của tôi, như cái tên đặt cho nó, THƠ TUYỂN (1). Hiểu đó là những bài thơ rải rác của tôi lần đầu in thành tập có lẽ đúng hơn. Tại sao không in thành tập trước năm 1975, bây giờ mới in? Câu hỏi này, nhiều người đã đặt ra cho tôi. Thật tình, tôi không muốn giải thích làm ra quan trọng sự việc đó. Nhưng đã được hỏi thì tôi cũng xin nói qua.

Trước năm 1975, sở dĩ tôi đã không gom thơ in thành tập, chủ yếu là vì tôi không bận tâm lắm về duyên phận những bài thơ đã đăng báo của mình. Tôi thiết nghĩ nếu những bài thơ đó hay thì người đọc nhớ, không hay thì bị quên, hà tất phải in thành tập. Mặt khác, tôi vẫn cảm thấy còn có nhiều bất ổn đáng tiếc trong những bài thơ đó nên có ý lần nữa tự hện lúc nào rảnh rang sẽ làm siêng gom góp sửa sang. Và điều đó cứ gay gắt với tôi như là mình đã không làm trọn vẹn trách vụ.

Sau này, ngay khi còn đang ở trong tù và nhất là khi đã sang Mỹ, tôi được một số anh em nhắc hỏi về những bài thơ đó, những bài thơ mà tôi hầu như chẳng còn nhớ mấy may nào. Và tôi chợt nhận ra cái lỗi trước kia của mình là đã công bố những bài thơ đó. Cuối cùng, được sự khuyến khích thúc giục của một số anh em xa gần, đã quen hoặc chưa, nhất là những anh em đã lưu giữ thơ tôi và gửi lại cho tôi, kể cả những bài thơ được làm trong những hoàn cảnh đặc biệt sau năm 1975, tôi đã tuyển chọn in ra thành tập. Thâm tâm, tôi cũng muốn những bài thơ đó đã lỡ được biết đến, thôi thì cũng một lần được mở yên mà đẹp, siêu tán phiêu diêu, để tôi còn được nhẹ nhàng tiến tới những bài thơ mới khác, tôi hy vọng như vậy.

Thêm nữa, tôi cũng còn muốn, qua việc xuất bản đó, gián tiếp nói lên với nhà

cầm quyền hiện nay ở Việt Nam rằng tôi, giữa đồng đảo những người cầm bút khác của miền Nam trước đây, đã chẳng hề chối bỏ những tác phẩm đã được hình thành trong quá khứ của mình, rằng qua bao nhiêu dập vùi dày dạn, những thi sĩ vẫn còn sống, thơ vẫn còn sống.

NÓI CHUYỆN VỚI NHÀ THƠ TÔ THÙY YÊN

— Còn về chủ nghĩa hư vô?

— Xin lỗi vậy. Câu hỏi đó thuộc vào loại câu hỏi khó chịu đấy. Yêu cầu một tác giả tự nhận định, ước lượng về mình quả là một sự ép cung hay mớm cung. Soi sáng một tác giả là một việc làm rất cần thiết. Tuy nhiên, rất tiếc đó không phải là công việc của chính tác giả đó. Một tác giả muốn nói gì, nói tới đâu, nói được bao nhiêu là chỉ nói qua sáng tác văn chương của mình, chứ không thể nói gì thêm bên ngoài sáng tác đó. Điều này mặc nhiên thuộc về phần tu sĩ của tác giả, phần đức lý của nghệ thuật. Như Alfred de Vigny, đọc sách, ít khi tôi chịu đọc những bài tựa bạt của chính tác giả.

— Chỉ có những người yếu bóng vía mới bị ép cung hay mớm cung thôi chứ! Nếu “soi sáng tác giả là một việc làm rất cần thiết” thì độc giả rất cần biết ý kiến của tác giả vì tác giả cũng chính là độc giả đầu tiên của mình. Trong tinh thần đó, mọi câu hỏi chỉ có nghĩa rất giản dị là chờ đợi một sự chia sẻ giữa tác giả và độc giả, không có nghĩa là một sự hỏi cung. Nếu hỏi cung đã có những câu hỏi khác không dính gì đến cuộc đời làm thơ của anh đâu!

Đây sẽ lại là một câu hỏi còn “khó chịu” hơn nữa nhưng vẫn hỏi! Cho đến nay, ở ngoại quốc nghĩa là ở ngoài Việt Nam- đã không có một thế hệ mới nào khả dĩ có thể kế tục những thế hệ trước về mặt sáng tạo và tài năng. Về tuổi tác, kể thế hệ Nhung Tống, Phan Khôi, Nhất Linh, Khái Hưng, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử... người đọc nghĩ đến thế hệ Vũ Khắc Khoan, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Mặc Đỗ, Trần Trọng San, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Mai Thảo, Sơn Nam, Bùi Giáng, Nguyên Sa... Rồi tới thế hệ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn, Dương Nghiễm Mậu, Lê Tất Điều, Nguyễn Đình Toàn...

Xét về thơ, thế hệ anh còn vượt trội hơn cả. Bài “Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay” của Thanh Tâm Tuyền, “Cuộc Phó Hội U Minh” của Viên Linh và mới đây, bài của anh là ba bài viết về thơ tiêu biểu ở ba thời điểm, ba hoàn cảnh khác nhau của thế hệ này. Cứ theo tình hình này mà ngẫm thì sau thế hệ các anh, độc giả sẽ phải đối diện với một khoảng cách đặc (chữ của anh). Không khéo, “Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay” sẽ còn đúng cho ít nhất là mười mười năm nữa sao?

— Câu hỏi này chẳng những khó trả lời mà là không nên trả lời. Văn nghệ không phải là thời tiết, nên tiên đoán thế này, thế kia về tương lai văn nghệ là một việc làm hoàn toàn vô ích, bởi mọi tiên đoán thường chẳng lấy gì làm đúng, và nếu như có may mắn đúng đi nữa thì cũng chẳng để làm gì cả.

Hiện tình văn nghệ có tới đâu rồi thì nhìn thấy tới đó thôi. Nhiều khi có những tài năng lớn đã từng từng xuất hiện rồi mà còn chưa được nhìn thấy ngay nữa, hướng hồ... Tuy nhiên, ai lại chẳng mong mỏi là văn nghệ mỗi ngày một mới mẻ, một khởi sắc cho phù hợp với nhu cầu tinh thần của cuộc sống đã không ngừng biến đổi. Là nỗi buồn trong thơ hôm nay phải cho ra nỗi buồn trong cuộc sống hôm nay. Khởi hồi qua, tôi cũng chắc Thanh Tâm Tuyền hoàn toàn đồng ý như vậy. Tôi sung sướng được đọc những tác phẩm hay, và còn sung sướng hơn gấp bội nếu những tác phẩm hay đó lại là của những tác giả mới trẻ. Có



Ta nhớ lắm ba hình ảnh cũ, Lỡ mờ như nhớ lại tiền thân (Tàu Đêm).

Hình của Hoài Nam

người cùng chạy với mình vẫn vui thích hơn là chạy thui thủi một mình. Tiền đã bắt kiến cổ nhân, hậu lại bắt kiến lai giả, cái cảnh quanh hiu đó quả là đáng sợ.

— Đây chúng ta không nói đến chỉ một tác giả. Và nhận xét trên dựa trên những thế hệ tác giả đã xuất hiện từng từng rồi. Quả như anh nói, người ta không nên bắt mạch văn nghệ để xem tương lai phần chần hay ẻo uột ra sao. Mượn lời - chứ không phải mượn ý - Văn Cao thì văn nghệ không phải là một con bệnh, lâu lâu lại phải đi khám, hay chữa ngita những bệnh hay lây. Nhưng vẫn có những vấn đề văn nghệ đáng chú ý tới.

Thí dụ như đã có rất nhiều nỗ lực để giải nghĩa một hiện tượng được loay hoay bàn thảo từ nhiều năm nay, là tại sao chúng ta không có tác phẩm lớn ghi lại sự khốc liệt của thời kỳ qua. Chưa nói đến tác phẩm lớn vội, nhiều người còn mày mò đi tìm lý do của sự hao kiệt, cùn mòn của một số tác giả có tên tuổi trước 1975. Một bài "Ta Về" của Tô Thùy Yên không đủ lớn sao? Biển cổ 1975 có lẽ giúp chúng ta được một điều là chúng ta sớm có hoàn cảnh để thẩm định lại giá trị văn chương của nhiều tác giả. Có lẽ khỏi cần đi tìm nguyên nhân đâu cho xa xôi, một số tác giả chỉ có thể viết tới đó mà thôi. Bởi thế, kỳ vọng vào những tác giả này vô ích. Anh định nghĩa một tác phẩm quan trọng như thế nào?

— Tôi đồng ý phần lớn với cô. Quả biển cổ 1975 đã đẩy ra nhanh chóng hơn cái khoảng cách thời gian thông thường cần thiết để nhận định giá trị thật sự của những tác phẩm văn chương. Mặt khác, sự đàn áp có hệ thống bằng cách cấm đoán và cố tình im lặng của một chế độ chính trị cũng góp phần rất lớn vào tiến trình khắc nghiệt đó. Lý do chính yếu rất dễ nhìn thấy là lịch sử

và ngay kế sau là đời sống đã biến đổi toàn diện, triệt để, cho nên nghệ thuật cũng đã phải nhanh chóng biến đổi theo.

Sinh hoạt văn học nghệ thuật thời nào cũng có cái phần giả hình tạm bợ của nó. Và đương nhiên cái phần này dễ dàng tan tác thậm hai theo ngay cái thời đại đã cho nó mượn hồn. Người ta gọi một cách đơn giản đó là sự dãi lọc của thời gian. Lịch sử loài người mang một đặc tính, đặc tính gia tốc liên tục. Do đó, so qua với những thời đại trước đây, nghệ thuật càng ngày càng thay đổi nhanh chóng hơn.

Dành rằng không thể gạt bỏ yếu tố thời đại trong sinh hoạt văn học nghệ thuật, nhưng cuối cùng rồi, văn học nghệ thuật chỉ trọn vẹn là vấn đề tài năng mà thôi. Một trường võ bị không đào tạo anh hùng. Cũng y như vậy, một thời đại không đào tạo thiên tài văn học nghệ thuật. Đó là những sự kiện hoàn toàn có tính cách cá nhân. Và có thể một cá nhân thích hợp với một thời đại, nhưng rồi lại chẳng còn thích hợp với thời đại kế tiếp. Cứ bóc đại một thí dụ nào cũng chắc đúng. Chẳng hạn thi tài lỗi lạc Xuân Diệu trước 1945, và cái ông làm thơ tồi Xuân Diệu sau 1945. Rất đáng tiếc cho Xuân Diệu đã chẳng có nổi cái bản lãnh cần thiết của Boris Pasternak, tác giả đã thành danh trước Cách Mạng Nga 1917.

Còn thế nào là một tác phẩm quan trọng?

Theo thiên ý của tôi, một tác phẩm quan trọng là một tác phẩm gây được chấn động lớn nơi tâm não người đọc khiến cho sau đó, người đọc, dù là đồng ý hoặc không, vẫn phải tự mình điều chỉnh, thay đổi bằng một cách nào đó chính nhận thức

của mình về đời sống. Một tác phẩm quan trọng có ma lực ám ảnh lâu dài người đọc, khiến người đọc còn muốn trở lại như bị bắt rứt là mình chưa hiểu được nó thấu đáo. Một tác phẩm quan trọng bao giờ cũng còn khư khư chứa giấu một cách hấp dẫn những điều gì đó, không chịu thổ lộ hết một lần một. Tính u hiên là tính phải có của nghệ thuật vốn cả thên nên sẵn sàng dị ứng sinh tử với mọi phô bày phạm tục. Chắc chắn không phải là tác giả cố tình mập mờ huyền hoặc một cách giả tạo, mà chỉ vì nghệ thuật hoàn toàn không có khả năng nói rõ, nói trắng những điều gì đó thật khó nói. Do đó, thông thường một tác phẩm quan trọng có cái phần lực nội tại chối đẩy đối với lần xâm nhập đầu tiên của người đọc. André Gide kể lại là sau khi đọc chừng vài chục trang, ông đã tức ném cuốn LA CONDITION HUMAINE xuống Địa Trung Hải (2).

— Bài "Ta Về" được chuyển ra ngoại quốc khi anh còn ở Việt Nam. Thay vì tên tác giả là hai chữ Ấn Danh. Bài thơ này gây xúc động sâu xa. Có bao giờ làm thơ, anh nghĩ đến phản ứng của độc giả, nhất là trong tình cảnh mà anh làm bài "Ta Về"?

— Có đôi khi, tôi cũng thử viễn kiến phản ứng của một vài độc giả mà tôi quen biết, đối với một bài thơ nào đó của tôi. Nhưng thường thì không, nhất là khi đang còn làm bài thơ đó. Bởi lẽ tôi làm thơ trước hết là vì tôi, cho tôi, đơn giản là như vậy. Sau khi làm xong, nếu không vụt vào sọt rác, để một thời gian có khi lâu vài năm, cảm thấy thích cho đăng thì liệu báo nào chịu đăng thì gửi đăng, vậy thôi. Chờ tôi chẳng bao giờ tự đặt trước cho mình một trách nhiệm, một sứ mạng văn học nghệ thuật nào cả.



VIÊN LINH

NGHĨ VỀ THƠ

1.

Thơ tôi ở giữa dòng này
Ở đầu đêm trước, cuối ngày hôm sau.
Em xa, thơ sẽ theo tàu
Ngã chia, thơ sẽ bắc cầu tới bên.

Thơ tôi ở sẵn trong em
Không tìm sẽ thấy dấu quên còn chờ.
Hai câu dù ở hai bờ
Chữ qua Nghĩ lại như dò qua sông.

Bờ Nam em có theo chồng
Thì trên bến Bắc cánh hồng nhỏ neo.
Thơ tôi đi có một lèo
Vần bơi. Điệu lặn. Ý chèo. Câu sang.

Tôi rất sợ những nhận định, cương lĩnh, tuyên ngôn văn học nghệ thuật này nọ. Những thứ đó quả là quá to tát với tạng người của tôi. Tất nhiên, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những bài thơ đã cho đăng của tôi, một trách nhiệm, xét cho cùng, cũng chỉ là một trách nhiệm hữu hạn. Hơn nữa, như đã nói, tôi cũng không quan tâm mấy đến duyên phận của những bài thơ tôi. Dù rằng mỗi bài thơ, như mỗi cuộc đời, đều có số phận riêng biệt của nó, hoàn toàn ở ngoài tầm kiểm soát và sự lường đoán của chính tác giả.

Riêng bài "Ta Về", khi làm xong, tôi chỉ có chép ra một hai bản cho một hai người bạn của tôi, và trong hoàn cảnh của chúng tôi lúc bấy giờ, dưới những bài viết chuyển cho nhau xem chơi, không ai để tên tác giả cả. Và tự tôi đã chẳng hề gửi nó ra ngoài. Cho đến bây giờ, tôi cũng chưa biết nó đã lọt ra ngoài qua ai và bằng cách nào nữa.

— Khi nào thì anh cảm thấy "thích cho đăng"?

— Lúc tôi quyết định cho đăng những bài thơ đã làm chính là lúc tôi tưởng nghĩ đến những tâm hồn bạn đã quen hoặc không trong trời đất hẳn nhiên cũng có những trôi nổi ở trong lòng cần tìm thấy một chút ấm áp vỗ về của tình liên đới nhân sinh, với niềm hy vọng rằng thơ trở thành miền đất hứa của những tâm hồn thất lạc xót thương nhau.

— Bài thơ "Chiều Trên Phá Tam Giang", một trong những bài thơ điển hình nhất của anh, đã không thể đăng trên báo Văn năm 1972 vì qua lời nhà văn Mai Thảo nói lại với nhà thơ Viên Linh thì chủ nhiệm Nguyễn Đình Vương sợ báo Văn bị lôi thôi với cơ quan kiểm duyệt và có thể bị đóng cửa. Lúc đó, Viên Linh, chủ nhiệm và chủ bút tạp chí Thời Tập, mới liên lạc với anh và do đó bài này đăng trên tờ Thời Tập. Hẳn

Thơ tôi coi vậy, lỡ làng
Lẻ vào lúc chấn hoang đường lúc nghiêm.
Trước gương dung mạo cũng hiền
Đằng sau mặt thủy cơn điên mặt mờ.

Nói về thơ, nghĩ về thơ
Vái bà Liễu Hạnh cầu cơ thấy liền.

IX

Câu hỏi Thơ là gì?
Cỏ hoa nào muốn trả lời
Giáo điều đành không thể.
Thơ đắm chìm kẻ sĩ lưu vong
Thơ yêu đương ngược đường tuổi trẻ.
Thơ triều các phế hưng biến dân quá khứ
Thơ tro tàn hưng phục ngày mai
Thơ của tôi tịch mịch đến dài
Bát ngát tuyết đông sang
Mặt mù thu phong hỏa
U huyền em cặp mắt đêm sâu
Lòng nhiệt đời lời ngọt ngào thổ ngữ.

29.

Thơ anh vẫn trác ý anh bằng
Sáu chữ nguyên âm chục chữ cam
Cất một lời điên hồ quá vắng
Hồn ma vô tự đội mồ lên.
(Trích Thiếu Thất, đang in).

nhiên, sự lo ngại của chủ nhiệm Nguyễn Đình Vương là có căn cứ. Tình trạng chính trị lúc bấy giờ chắc chắn không dung thứ những câu:

*Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc...*

Hay ghê gớm hơn nữa:

*Ta thương ta yếu hèn,
Ta thương người khờ khạo,
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử,
Cùng mê sa một con đĩ thập thành...*

Thơ anh, trước năm 1975, có những điều có thể làm nhức lòng bà nà dòng kiểm duyệt. Sau năm 1975, con đĩ thập thành nhất anh vào tù cũng vì thơ. Thế kiếp sau anh còn muốn làm thi sĩ nữa không? Đừng nói kiếp sau, tại sao anh vẫn làm thơ ở kiếp này?

— Có lẽ tôi là người làm thơ đã vô phước mắc phải nhiều lần dận điều đứng với văn chương vô mệnh. Nói như trẻ con miền Nam: Thần khẩu hại xác phàm. Những lúc đó, tôi nghĩ đến Khuất Nguyên, Tư Mã Thiên, Cao Bá Quát,... để thấy mình còn được may mắn chán. Còn việc có tiếp tục làm thơ nữa hay không quả không thể là quyết định của mình, nhiều khi tôi cũng muốn bỏ quách việc văn chương đi và thực tế đã bỏ nhiều lần lắm rồi, có lần đến mấy năm trời, chờ chẳng phải là không, cũng như bỏ thuốc lá. Và như đã nói, tôi làm thơ là vì tôi, cho tôi, nên nếu thơ còn là nguồn hạnh phúc tối hậu của tôi, nếu tôi còn thấy cần làm thơ thì làm, kiếp này đã vậy, chắc hẳn qua những kiếp sau cũng như vậy nữa mà thôi. Bởi tôi đã quan niệm ngay từ đầu rằng thi sĩ là một trạng thái sống, chờ chẳng phải là một danh phận xã hội gì cho cam,

nên việc còn làm thơ nữa hay không chẳng phải là chuyện phải nói ra cho mọi người cùng biết với.

Tôi nhớ một bài thơ của Basho:

Con ve sầu

Liệu có còn ca hát chẳng

Nếu như nó biết được thêm một thứ gì khác nữa? (3).

— Là người của nhóm Sáng Tạo, anh thấy cái không khí trong nhóm thế nào? Khi tờ Sáng Tạo đình bản lần đầu, anh có cộng tác với tờ Văn Nghệ. Không khí của tờ Văn Nghệ ra sao? Nói chung, sinh hoạt văn nghệ của anh như thế nào?

— Mặc dù gồm nhiều lứa tuổi chênh lệch nhau, nhiều nghề nghiệp khác biệt nhau, những người trong nhóm Sáng Tạo, người thân ít, người thân nhiều, nhưng đều là thân với nhau cả, không có ai là đầu đàn, ai là cuối đàn. Gọi là nhóm chứ thực tế, tất cả chúng tôi đều hoàn toàn biệt lập nhau, chúng tôi chỉ cùng chia sẻ với nhau một số quan điểm đơn giản về văn nghệ, thể thơ. Bài vở chọn đăng, gần như một mình Mai Thảo làm lấy, không hỏi ý kiến ai. Về thường ngoạn nghệ thuật, Mai Thảo tinh tế thính nhạy, hình như anh chưa từng nhìn sai, bỏ sót một tài năng mới nào. Hơn nữa, Mai Thảo rất xứng đáng trong vai trò chủ báo, ảnh hưởng một cách thần kỳ mỗi khi có dịp phát hiện một bài viết hay, hoặc một tác giả hứa hẹn sẽ viết hay ở những bài viết sắp tới. Sau này, ở đâu, anh có làm xã trưởng văn nghệ thì cũng phải thôi. Nói chung, thời gian Sáng Tạo ngừng ngửi là thời gian văn nghệ hào hứng nhất trong đời tôi. Sau này, có thêm tuổi trải qua nhiều cảnh đời, tôi không còn tìm thấy một hào hứng nào tương tự. Một thời thế đã đi qua, một lứa tuổi của mình đã không còn nữa. Còn lại chẳng chỉ là tình bạn một đời giữa những người trong nhóm.

Tôi đến với tờ Văn Nghệ vì chơi thân với chủ nhiệm Lý Hoàng Phong, anh ruột của Quách Thoại. Lý Hoàng Phong là một người bạn rất tốt, tận tâm, dung dị và rất dễ gần gũi. Thế theo lời yêu cầu của Lý Hoàng Phong, tôi đảm nhận chức vụ Tổng Thư Ký Tòa Soạn cho đến cuối năm 1963 khi nhận được lệnh nhập ngũ Khóa 17 Thủ Đức. Tờ Văn Nghệ tiếp tục củng cố tên tuổi cho nhiều cây bút trẻ mới. Ở đó, tôi thân với vài người bạn, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Trung, Nguyễn Nghiệp Nhượng... Nhìn chung, tất cả những cây bút cộng tác đều đã thể hiện những nỗ lực tuyệt vời, chỉ tạm kể vài cái tên: Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn... Tuy nhiên, cái không khí văn nghệ chung của miền Nam lúc bấy giờ không còn được như trước đó nữa. Chiến tranh lan lớn. Các tác giả không còn mấy ai rảnh rang.

Nhìn lại, tôi tự thấy mình là một tác giả gần như không có cái gọi là sinh hoạt văn nghệ, hoặc giả nếu có thì cũng chỉ là năm thì mười họa, mon men loáng thoáng bên lề thế giới văn nghệ mà thôi, dù rằng tôi rất yêu thích, trân trọng những buổi họp mặt thân hữu trò chuyện thực sự thú vị và bổ ích.

Phải, tôi có rất ít bạn đáng gọi là bạn. Thì giờ rảnh, chắc chắn tôi thích, hoặc một mình hoặc với đôi ba người bạn, thả rong ra đồng, lên rừng xuống biển hơn là ngồi làm mẫu ở những quán cà phê, phòng trà. Hơn nữa, tôi cũng ngấm hãnh diện là chưa từng

gia nhập bất kỳ một hội đoàn văn hóa văn nghệ, hay một đảng phái chính trị nào. Mặc dù, sau này, khi bị nhà cầm quyền Cộng Sản bắt tới bắt lui vì thơ phú chữ nghĩa, nhận được rất nhiều sự giúp đỡ tinh thần và vật chất của nhiều hội đoàn ngoài nước, bắt ngờ làm hội viên danh dự của một số Trung Tâm Văn Bút ngoại quốc, tôi vẫn chưa là hội viên thông thường của Văn Bút, chẳng hạn. Cũng như có rất nhiều tác giả nổi tiếng cùng thời, lớn tuổi hoặc trẻ tuổi hơn, mãi đến bây giờ, tôi vẫn chưa được hân hạnh làm quen hay biết mặt. Mấy năm nay, sang Mỹ, tôi ở Minnesota, đất này xa xôi lạnh lẽo, thưa người và tôi cũng ít giao du.

— Anh nói rất đúng: đã không phải cái tạng hay cái ý chí của mình thì không nên. Không phải ai cũng là một nhà thơ được như anh, nên không phải nhà văn nào cũng vừa cầm bút vừa là đảng viên mà tuy phân cách rõ ràng hai phần, phần nào cũng xuất sắc, cũng cống hiến được toàn vẹn như Nguyễn Tống, như Nhất Linh... Hay có cái hiểm hoi bội phần là cùng lý tưởng, tài văn cùng nghiêng ngửa để thành Tự Lực Văn Đoàn, hay Hàn Thuyên... Cộng thêm sự may mắn nữa. Ở trường hợp Sáng Tạo mà anh đã nhắc, cái may mắn ấy không tới hai lần dù xã trường văn nghệ Mai Thảo vẫn có dịp làm chủ nhiệm, chủ bút, vẫn tiền hô hậu ủng như thường lệ. Còn Văn Bút thì như anh đã biết, sau 1975, nếu Văn Bút Quốc Tế không có Ủy Ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù thì hẳn có nhiều anh em cũng chẳng muốn gia nhập làm gì để tốn tiền liêm mỗi năm!

Anh vốn không có tạng viết cương lĩnh, tuyên ngôn văn học, tham gia đảng phái. Thế bài thơ đầu tiên của anh, anh còn nhớ không? Viết... cương lĩnh về tình yêu, thuần là một bài thơ tình hay mượn có thơ tình để nói về Như bào thai, Chân Lý lớn cư an... ("Chim Bay Biển Bắc")?

— Tôi hoàn toàn không nhớ bài thơ đầu tiên tôi làm trong đời là bài nào, và nó như thế nào, nhưng tôi chắc chắn đó không phải là một bài thơ tình. Nếu tôi thích làm một bài thơ tình thuần túy như cô nói, thì tôi sẽ làm thôi, chờ việc gì phải quanh co mượn cớ tình yêu để treo móc nhập nhằng những thứ chẳng phải là tình yêu. Nếu như chuyện đó có xảy ra, chẳng qua là vì trong tâm tưởng tôi, nhận thức về tình yêu không thể biệt lập với những nhận thức căn bản khác về đời sống. Thơ, nói chung, tự nó, là những trôi nổi ở trong lòng. Tôi làm thơ chỉ vì vậy, và về việc này, tôi chỉ có thể nói được đến như vậy thôi, chờ chẳng biết nói gì hơn.

Vả lại, tôi cũng có cảm tưởng là người làm thơ được là người không có trước cái tham vọng làm được thơ. Dường như hoạt động thơ không hề giống với những hoạt động khác của con người. Nói như thế, tôi cũng không hàm ý huyền hoặc hóa làm gì chuyện làm thơ, một chuyện tự nhiên thôi. Thơ, nói chung, tự nó, là một cái gì hồn nhiên trôi chảy, như gió như nước, không chấp nhận bị gò ép, đặt để. Tôi làm thơ chỉ vì những bất rút, thôi thúc ở trong lòng.

— Thơ anh khiến người ta phải đọc đi đọc lại. Không phải vì khó đọc hay khó hiểu mà vì ngấm từ từ như rượu. Độc giả Võ Phiến có nói: Tại hạ hữu bệnh, bệnh mê thơ Tô Thùy Yên. Ông cụ còn nói thêm: Đọc thơ Tô Thùy Yên, tâm gan bắn loạn.



ĐÊM THƠ TÔ THUY YÊN TẠI QUẬN CAM, 1994

Trong lần đầu tiên tới Little Saigon, quận Cam, California để thăm lại bạn hữu sau 13 năm trong các nhà tù Cộng sản Việt nam, nhà thơ Tô Thùy Yên đã được đón tiếp tại nhà hàng Anh Thy bằng một đêm thơ. Đêm Thơ Tô Thùy Yên. Đó là đêm thứ hai 24.1.1994, qui tụ khoảng 80 người, trong có nhiều nghệ sĩ. Bài thơ Ta Về của Tô Thùy Yên đã được ba người cùng đọc, mỗi người một đoạn: Mai Thảo, Viên Linh, và ca sĩ Quỳnh Giao. Hình trên: Mai Thảo đang phát biểu và Tô Thùy Yên đang lắng nghe. Hình do Trương Tuấn.

Phản anh, anh có đọc lại thơ anh không? Cảm tưởng của anh thế nào? Có còn muốn sửa chữa thay đổi gì nữa không?

— Được đọc đi đọc lại, quả là một cái may lớn cho thơ tôi. Bản thân tôi, tôi khinh miệt sự lộ liễu tỏ tường trong nghệ thuật. Trong thực chất, nghệ thuật vốn là một nỗ lực gần như vô vọng nói lên cái không thể nói được, cái có nói cũng không cùng. Hiểu nghệ thuật là một quyền rũ tìm kiếm phát hiện cũng đúng. Phần tôi, đối với thơ mình, sau này nhờ có in sẵn thành tập, tiện tay nên tôi có nhiều dịp đọc lại. Cảm tưởng lắm lúc cũng hay hay, có bài lâu lắm mới trở lại, thấy như là của ai đó khác chứ chẳng phải là của chính mình. Những lúc đó, không tránh khỏi ngậm ngùi.

Nghệ thuật bao giờ cũng có cái mùi của quá khứ. Không cần phải tinh mũi lắm cũng có thể dễ dàng ngửi thấy. Cũng do đó, khi đọc lại, sau một thời gian xa lìa như khoảng cách nhìn ngắm cần thiết giữa bức tranh và họa sĩ, thì thường đọc lại như một độc giả phê bình, không còn bị những quán cuốn vương vãi của cái cảm hứng sáng tác nữa, nên thấy rõ hơn, do đó cứ muốn điều chỉnh, hiệu đính. Đỗ Phủ, Giả Đảo, Paul Valéry, Octavio Paz,... cái danh sách những thi sĩ thời xao (4), bồi bồi xóa xóa những bài thơ của mình chắc chắn phải là dài vô tận tuyệt.

Tục truyền, Vương Bột đắm thuyền chết đã lâu mà hồn vẫn chưa tan, đêm đêm còn tức tưởi đi lại ngoài bãi quạnh, cũng chỉ vì hai câu thơ đã lỡ khắc vào thiên cổ của mình:

Lạc hà dữ cô lộ tề phi.

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.

vẫn chưa được hoàn chỉnh. Dường như ông tiếc hối sao đã chẳng kịp bỏ đi hai chữ dữ và cộng khá thừa, hai câu thơ sẽ mảnh liệt hơn, ảo diệu hơn...

— Anh còn có điều gì thôi thúc trong lòng muốn nói thêm?

— Thưa có. Thú thật, cho đến bây giờ, tôi vẫn còn thấy sợ mỗi khi bị gọi ra "làm việc". Nói lên, cứ lo là nói lời thôi, trời biển, mang tiếng lập ngôn. Xin hết ạ.

— Cảm ơn anh. ■

CHÚ THÍCH CỦA KHỞI HÀNH:

(1) THƠ TUYẾN, Tô Thùy Yên, tác giả xuất bản, 1995. Không phải 1996. Sách dày 220 trang. Thật ra, tháng 11.1994, thơ Tô Thùy Yên đã được in thành tập tại Đức, nhan đề Tô Thùy Yên, TUYẾN TẬP THƠ, dày 136 trang, nhà xuất bản Imn. Năm sau Tô Thùy Yên đã sửa chữa, và thêm một ít bài mới, in thành tập Thơ Tuyến.

(2) LA CONDITIONE HUMAINE, THÂN PHẬN CON NGƯỜI, tác phẩm của André Malraux, được trao giải Goncourt năm 1933. Một nhóm cộng sản ở Thượng Hải, dưới quyền điều khiển của Kyo Gisors, và của Katow, sửa soạn cuộc nổi dậy chống lại Tưởng Giới Thạch.

(3) Matsuo Basho (1644-1694), thi sĩ Nhật, sinh tại Ueno, Iga, nổi tiếng với những bài haiku 17 chữ. Ảnh hưởng Thiền tông, ông du hành không ngừng và hoàn thành kiệt tác THE NARROW ROAD TO THE DEEP NORTH năm 1689.

(4) Thôi, Xao nghĩa đen là đẩy, gõ. Nhà thơ Giả Đảo đời Đường, vừa cuộc bộ, vừa làm thơ, có một câu phân vân mãi không biết là nên dùng chữ thôi (đẩy) hay chữ xao (gõ), nên có quan lớn ngồi xe đi qua mà không biết để kính chào. Ông quan này cũng là thi sĩ, tên Hàn Dũ, bèn mời lên cho quá giang, và hỏi đang lăm nhăm cái gì. Giả Đảo bèn đọc hai câu thơ:

Điều túc tri biên thụ,

Tăng xao nguyệt hạ môn,

nghĩa là Chín ngủ trên cây cao, Sư gõ cửa dưới trăng, nhưng không biết nên dùng chữ gõ (xao) hay đổi là chữ đẩy (thôi). Hàn Dũ khuyên nên dùng chữ xao. Từ đó Thôi Xao trở thành điển cố, nói về sự chọn chữ khi làm thơ của mấy chàng thi sĩ.

CON ĐƯỜNG BÈ BẠN

PHAN LẠC PHÚC

Bút Ký

Con đường bè bạn của tôi bắt đầu từ Hóc Môn. Khi tôi được tha về đầu năm 1985, nhà của ở Saigon được nhà nước quản lý, vợ con tôi phải đi kinh tế mới. Sống không nổi nên vợ con tôi đặt về ở nhờ ông bà ngoại ở khu vườn nhỏ Hóc Môn. Tôi về cũng xin tạm trú ở đây luôn... Ngày chủ nhật cuối tuần hoặc một ngày thuận tiện, sau khi xin phép "tạm vắng" nơi Công An phường, khóm, tôi và đứa con gái út, hai bố con lên chiếc xe PC lạch sạch đi thăm bè bạn. Từ đây tôi theo đường tỉnh lộ qua Quang Trung, lên Hạnh Thông Tây tới Gò Vấp thăm bạn Tô Thùy Yên. Từ Gò Vấp lại sang Gia Định (Bình Hòa) thăm Thanh Tâm Tuyền. Trong khi chúng tôi rỉ rả chuyện trò thì con tôi M.T và TR.T con gái út TTT làm cơm dưới bếp. Ăn trưa xong ở nhà bạn... bố con tôi lại vòng sang khu Lăng Cha Cả thăm bác Ninh (Hà Thượng Nhân) hay ngược lên chút nữa tới cổng xe lửa Trương Minh Giảng (cũ) thăm bạn tù già Thượng Tọa Thích Thanh Long trụ trì ở Chùa Giác Ngàn. Thỉnh thoảng bạn bè chán cảnh ồn ào bụi bặm thành phố thì lại lên Hóc Môn, tới thăm khu vườn nhỏ của tôi có cây dừa, cây cau, cây chôm chôm, cây mít. Tôi có căng một tấm bạt dưới tầng cây chôm chôm làm thành một cái lều nhỏ trong vườn. Bạn bè lên đó nằm dài mà trò chuyện, hút thuốc lão (để nhớ những ngày cái tạo) mà không làm phiền ai hết.

Đó là cái vòng lẩn quẩn bạn bè trong những năm "nín thở qua sông" ở Sài Gòn. Bạn bè tôi đều là thi sĩ cho nên trong những năm mới về ai cũng bận rộn một công việc: nhớ lại những bài thơ đã làm trong nhà tù và đôi khi sáng tác những bài thơ mới. Tôi nhận ra một điều là khi đi cái tạo, sống một kiếp lưu đầy bên bờ vực tử sinh thì người ta lại làm thơ nhiều nhất. Thơ là tiếng nói oan khiên hay thơ là lời cầu nguyện. Thơ là một niềm an ủi hay thơ là kinh cầu rồi. Không biết nữa nhưng ai đi tù cái tạo về cũng có một số bài thơ dấu ở trong đầu. Thơ của mình hay thơ của bạn mình. Đi tù là mất tất cả: Tiền tài, sự nghiệp, công danh, tự do, tương lai, quá khứ... ngay cả thân mình cũng không phải là của mình nữa. Nhưng có một điều chắc chắn là những bài thơ kia, những tư tưởng kia thì thật là của riêng, không ai có thể lấy đi, cướp đi của mình cho được. Thơ đối với người tù trở thành một cái gì sâu kín nhất, linh thiêng nhất.

Thanh Tâm Tuyền đã nói đúng. Ở trong một không gian sinh hoạt 0m50 bề rộng, 2m bề dài ăn ngủ ở đó chứa kẻ chân màn, quần áo, sách vở, thuốc men, chổi cùn, rế rách... đi làm bờ hơi tai suốt ngày, ăn qua quýt vài lưng sắn khô hay khoai hà, ngô hầm... rồi buổi tối còn bày đặt bút giấy "làm thơ" thì thật là một điều xa xỉ.

Tôi chỉ có vài tờ giấy xấu

Nghen bút chì rướm máu đau thương...

(Hà Thượng Nhân)

nhưng khi ra Bắc, theo qui định của trại, cán bộ kiểm soát luôn cả bút, giấy, thút từ thì người tù chỉ còn có cách làm thơ làm thầm trong miệng rồi ghi vào ký ức. Theo luật bù trừ cố hữu, khi người ta mất tất cả bên ngoài thì người ta cố làm cho đầy cái bên trong. Người tù bình thường, không làm thơ làm văn bao giờ mà đi tù bỗng nhiên ra thơ. Ông bạn tù già của tôi Thượng Tọa Thích

Thanh Long cả đời không thấy ông giảng kinh giảng đạo hay là ngâm ngợi thơ ca bao giờ mà trước buổi chia tay đôi đi trại khác, ông lại cầm tay tôi mà dặn:

Nhớ nhau xin nhớ tình dân tộc

Lặng lặng mà xem đá nở hoa.

Người tù thi sĩ còn làm thơ nhiều hơn nữa. Như một sự thôi thúc không chống cưỡng nổi, như một sự không nói ra thì không chịu được. Hà Thượng Nhân một buổi nói rằng "làm thơ nhiều lúc như lên đồng ông ạ - Không biết tại sao mà mình lại viết ra, nói ra như thế". Con đồng khi "thăng" là quên hết. Người thi sĩ làm thơ xong nhiều khi không nhớ nổi thơ mình. Hơn nửa kỷ ức của người tù lâu niên, đói khát thường xuyên thì cái độ tin cậy của nó cũng thật là xộc xệch, giống như một cái máy ronéo cũ, mực chỗ đậm chỗ nhạt, chữ lúc có lúc không. Cho nên Tô Thùy Yên năm 1995 khi xuất bản tập thơ đầu tiên (và cũng có thể là duy nhất) "Thơ Tuyền" nhà thơ đã ghi trên đầu sách "... chân thành cảm tạ các bạn hữu xa gần đã sưu tầm, lưu giữ và gửi cho tác phẩm thất lạc lâu ngày của tác giả..."

Cuối năm 1982, trại tù Thanh Phong ở chốn rừng sâu, giáp giới Hạ Lào giải thể. Số lớn anh em trở về Nam. Số còn lại trong đó có tôi chuyển sang trại Tân Kỳ (Hà Tĩnh). Các trại khác cũng như vậy - tù còn lại chuyển về Tân Kỳ ở miền Trung và Hà Nam Ninh ở miền Bắc. Ở trại trung chuyển này tôi được gặp một số anh em từ trại Thanh Chương (Nghệ An) chuyển về. Trại Tân Kỳ trước đây thật lớn, nhưng tù chuyển đi gần hết nên bây giờ khá rộng - nhất là khu Tây mà chúng tôi gọi là khu Tây Đức. Khu bên kia Đông Đức, tù đông, lẩn lộn hình sự nên đời sống hỗn tạp hơn, "chế độ" khắc nghiệt hơn. Ở Tây Đức toàn anh em ta (tù chính trị) nên dù sao cũng có phần dễ thở. Ngày chủ nhật... sau khi đặt đường giây canh gác và ám hiệu thông tin... anh em "chơi" văn nghệ bỏ túi. Hát tù ca (những bản nhạc anh em sáng tác), ngâm thơ, đọc thơ và kể chuyện "thời sự". Đây là dịp các bạn tù gặp nhau, trao đổi "văn hóa" và chuyện cho nhau chút "ánh sáng cuối đường hầm" (ánh sáng thật và ánh sáng không thật) khơi một chút hy vọng nhỏ nhoi mà sống. Anh em Thanh Chương kể rằng ở bên đó Tô Thùy Yên - Hà Thượng Nhân là "đầu trò" trong những cuộc hội họp bỏ túi này. Trại nào cũng có "ăng ten dài - ăng ten ngắn" nên 2 anh "đầu trò" tránh sao khỏi kiên giam. Hà Thượng Nhân kể lại rằng: "Đi tù thì đói thường xuyên. Kiên giam lại càng đói hơn, khổ hơn, khẩu phần bớt, nước uống bớt lại còn cùm chân nữa. Nhưng ở một khía cạnh khác, kiên giam lại khuyến khích mình làm thơ. Ở trong sà lim, đối diện với bóng tối và im lặng như thế không làm thơ thì làm gì bây giờ - 26 bài tám sự với Bạch Cư Dị là tôi làm trong kiên giam đấy".

Ông Hà Thượng Nhân nằm Kiên Giam mà tưởng rằng mình đang trở về quê nhà sau 30 năm xa cách gặp cô em nhỏ "yếm lụa phong phanh", tóc "thoảng bay hương bồ kết":

Đầu hè yếm lụa phong phanh
Ô hương bồ kết hiền lành thoảng bay
Em cô gái của ngày trẻ dại
Ba mươi năm trở lại quê nhà...

Ngang trời đàn quạ bay qua
Thoát thoi chân chiếu chan hòa trắng non
Em hơi thở thơm ngon mùi nếp
Mỏng như tơ khói bếp Hàn Giang
Lá ngò chưa rụng giếng vàng
Heo may thoát đã mang mang thối về...

Tô Thùy Yên 7 tháng liền trong kiên giam tâm sự với đàn muối
râm ran, con thần lẫn uế oải, lũ dấn hôi tanh, con nhện vô tư và
bức tường câm nín:

Ta khắc khoải chờ nghe
Những tiếng động của người
Tiếng động nào bất kể
Đột phá những trùng vây diếc đặc muối râm ran...

Ta nhìn theo
Mấy con thần lẫn uế oải
Lũ dấn lao xao
Con nhện bỏ trống lưới giăng...

Ta nhìn lên những giò chữ trên tường
Viết bằng gạch, bằng than và hình như bằng cả máu...

Các bạn tù Thanh Chương đọc thơ Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân vanh vách. Như vậy là 7,8 năm nay tôi chưa gặp lại các bạn mà chỉ gặp "tiếng nói" của các bạn. Tôi không có duyên gặp bạn trong tù. Có lúc năm 1979, 1980 ở trại Tân Lập (Vĩnh Phú) tôi ở K1, Thanh Tâm Tuyền ở K2, không gian chỉ cách nhau vài cây số mà không gặp được nhau bao giờ. Có lúc bà cụ thân sinh TTT từ trong Nam lặn lội ra thăm - bạn còn nhờ người đem sang cho tôi ít thuốc Lào và một bài thơ tặng PLP. Nhà thơ Tự Do chủ lực của Sáng Tạo lại làm chuyện lạ cho tôi một bài thất ngôn, bát cú. Tôi giữ bài thơ này như một kỷ niệm riêng. Bạn tôi lúc đó làm ở đội chăn nuôi, hằng ngày phải lên đồi gánh lá sắn về băm ra nuôi cá trắm. Đi làm qua khu ao cá xa xa, tôi có lúc nhớ bạn quá đã hú lên một tiếng để xem may ra có tiếng trả lời - Nhưng tiếng hú của tôi tan vào thinh không; cán bộ quản giáo nhìn tôi trừng mắt... Bạn tôi lúc đó chắc đang bận "băm nát ân tình đều nhịp dao" (thơ Thanh Tâm Tuyền).

Nghe thơ các bạn, tôi vừa buồn vừa vui. Buồn là không có bạn tâm tình ở bên. Vui là chưa gặp nhưng thơ như thế chắc các bạn tôi còn khỏe ít ra về mặt tinh thần. Vui hơn nữa là nghiệp làm thơ của các bạn ở trong tình trạng "luyện ngục" như vậy mà thơ vẫn được tôn vinh. Thơ làm ra là để đọc, để cảm thông, để chuyển tải... Thơ không ai đọc, không ai nghe, không ai hiểu... thì

chẳng bao lâu nó sẽ "chết trong lòng mộ tối". Cho đến lúc ấy (1983) theo tôi 2 bạn Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân làm thơ bao nhiêu năm nay, thơ bao nhiêu người thuộc... mà các bạn chưa từng xuất bản một tập thơ nào. Như vậy là các bạn không in thơ lên giấy trắng, mực đen mà in vào tâm hồn mọi người. Không phải người làm thơ nào cũng được "tuyên dương" như thế.

Hôm ấy có bài Mùa Hạn của Tô Thùy Yên làm rung động toàn thể anh em. Bài thơ như một bản "đại cáo" của lũ đầy tù tội. Mùa hạn không riêng cho nông dân - mà mùa hạn của kiếp người. Nơi đây khô hạn thực phẩm, khô hạn tình thương. "Lịch sử lên cơn dữ lạ thường" khiến cho "máu bung từ mỗi lỗ chân lông, cái chết trứ rân giờ nguyệt tận". Thiên nhiên cũng ứa vàng khắc khổ - cây đa già râu tóc, trụi lá trơ cành cây cỏ lụi tàn, bậc hiền nhân quyền sinh ngoài động đá. Ngày tận thế đã điểm rồi chẳng? Nhưng không - theo cái lẽ biến dịch thông thường - hay là theo cái vòng chu chuyển "nước đi ra biển lại mưa về nguồn" nên một ngày kia có cơn mưa tái tạo. Mưa rơi như một sự hồi sinh, mưa gột rửa đau thương, mưa làm mọc lên những nhánh non lá mới, mưa là nguồn suối yêu thương chảy từ đầu non tới biển.

Mưa ôm choàng đất khóc thương mong
Mưa báo tin vui chạy khắp đồng
Mưa đuổi bắt gào reo hơn hờ
Mưa mừng thấy hội nước trăm sông...

Ông lão mù lòa ra trước hiên
Nghe mưa cũng ngược mắt nhìn lên
Má nhẵn bóng sáng hai hàng lệ
Ông hiểu ra rồi lẽ biến thiên

Người làm thơ lũ đầy được lịch sử tha, một sớm trở về quê cũ.
Đây là giấc mơ của người tù biệt xứ hay là câu chuyện sẽ phải xảy ra. Chưa biết được nhưng ít khi đọc xong một bài thơ mà tâm hồn con người được an ủi vỗ về như thế, được nhuần thấm một sự yêu thương đậm đà như thế:

Nhóm lên bếp lửa đêm trừ tịch
Hát với nhau vài điệu hát vui
Nâng chén uống mừng ta sống sót
Chợt nghe nồng lệ tự đâu rơi

Lòng ta nay vẫn lòng ta trước
Vẫn chảy về con nước thừa nào
Sợi tóc mai kia dù có rụng
Ba sinh còn để nhớ cho nhau

Đất trời không có chi còn mất
Ta bước ra thân đón tuổi già
Trước mắt ta còn trăm thứ việc
Sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa

Những ai hôm trước từng gây tội
Hãy lắng tâm tha lấy lỗi mình
Tự tại, thời gian chôn chính nó
Đời lên lại mãi tựa bình minh

Sẽ lo chẳng những cho người sống
Lo cả cho người khuất mặt kia
Quen lạ bạn thù chung giấc ngủ
Chung lời thương tiếc khóc trên bia...

Người tù trở về, sau khi đối mặt với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự tàn bạo của con người đã nhận ra rằng, giòng chảy chính của cuộc đời, sự cầu rỗi của con người chính là sự yêu thương không phải là thù hận - Bình minh của cuộc sống là ở đó. Tìm ra được điều này, không phải nhờ vào tài năng của Tô Thùy Yên mà chính nhờ vào tâm hồn lớn lao (grandeur d'âme) của tác giả. Đây là bản hùng văn của một cuộc đời.

Nhưng trong cuộc đọc thơ hôm ấy, nhiều người trong đó có tôi không được hoàn toàn thỏa mãn. Bài thơ quá dài, quá hay mà anh em Thanh Chương không ai thuộc được hết. Người nhớ đoạn này, người nhớ đoạn kia. Bài thơ đó đi theo tôi hoài như một tấu khúc còn dang dở (Symphonie inachevée).

Đạo đầu năm 85 được về, trên con đường bè bạn tôi có lúc đã

định rẽ vô thăm nhà bạn Tô Thùy Yên. Từ Hóc Môn lên, qua chợ Gò Vấp tới một cái cầu có ống dẫn nước lớn đen to nằm dài trên đó giống như một con rồng đất rồi tới một ngã ba có những viên sỏi đỏ sậm của đá ong khô, đó là lối vào nhà Tô Thùy Yên. Từ thập niên 60 tôi đã nhiều lần đến đây bù khú với bạn. Nhưng bây giờ về, đến thăm cảnh cũ người xưa, thấy lạ. Những bụi cúc tần xanh tốt dẫn lối hai bên đường, đôi khi có những sợi tơ hồng vàng óng, vương vất bên trên... không còn nữa. Nhà cũ của Tô Thùy Yên có cây vú sữa lớn. Khu gia viên nằm trong vùng cây lá thắm u... bây giờ không thấy cây vú sữa đâu. Bất giác tôi nhớ Nguyễn Gia Thiều "Phong trần đến cả sơn khê, Tang thương đến cả hoa kia cỏ này". Tôi ngần ngại trước sự đổi thay nên đã tới nhà mà không vào. Tôi biết bạn tôi chưa được về. Minh vô nhà hỏi thăm, có khi lại làm cho gia đình bạn thêm nghĩ ngợi lo lắng cho người vắng mặt.

Nhưng đến hồi cuối năm 85, người làm thơ biệt xứ Tô Thùy Yên được về - Lúc ấy trời đã sang thu thì phải. Bố con tôi đã phải mặc áo ấm trên con đường tỉnh lộ sào xạc heo may. Khi tôi đi cải tạo con gái út tôi mới có 5 tuổi. Khi tôi về nó đã 15 tuổi bắt đầu thiếu nữ. Các anh chị nó "vượt biên" hết cả chỉ còn nó ở lại với "mẹ cháu" đợi tôi. Khi tôi về, nó theo tôi đi chơi tha thẩn. Ở Hóc Môn nó không có bao nhiêu bạn. Nó theo tôi lên Saigon chơi với Tr.T con gái Thanh Tâm Tuyền, hay "đi chợ" với chị Ch. con gái bác Hà Thượng Nhân. Thôi thì bố chơi với bố, con chơi với con cũng là phải đạo. Chưa được gặp nhưng con tôi nó muốn gần chị G. con gái đầu của Tô Thùy Yên, học thật giỏi. Trong một xã hội xã hội chủ nghĩa (không có giai cấp) nhưng khi thi vào Đại Học có 15 thủ hạng. Ưu tiên hạng 1, 2, 3 thuộc gia đình cách mạng hay "chính sách" thì thi 3 bài từ 7 điểm trở lên đã được "chiếu cố" vô Đại Học rồi. Con cái "ngụy quân" như con chúng tôi đứng hạng thứ 14 áp chót (hạng chót là gia đình phản động, phản cách mạng). Khi bố đi tù cải tạo về rồi thì lại lên được một hạng, hạng 13. Con cái ngụy quân muốn vô Đại Học phải đạt 21 điểm, gấp 3 số điểm gia đình chính sách thì mới vô Đại Học được. G. con gái đầu ông bà Tô Thùy Yên thừa điểm vào Y Khoa. MT con tôi, Tr.T con Thanh Tâm Tuyền và H. con trai Tô Thùy Yên chúng nó cùng học lớp 10. Mấy đứa nhỏ chắc đều suy nghĩ: ở đây nếu muốn sống cho ra sống thì chỉ còn có cách làm như chị G.

Hơn 10 năm gặp lại bạn... thấy bạn già đi (tất nhiên rồi) mà chắc bạn thấy tôi cũng vậy. Hình như bạn có khuyết một vài cái răng thì phải, cái cười hơi trống vắng. Nhưng khỏe mắt vẫn còn nồng ấm và bắt tay thật chặt. Tôi nói "đây là khách cũ... đến xem bạn làm được bao nhiêu việc rồi?" (Trước mắt ta còn trăm thứ việc, sửa nhà chăm sóc lại vườn hoa). Tô Thùy Yên cười cười mà nói "Hãy cứ từ từ nhưng mà bây giờ thì phải làm ngay việc này". Anh chỉ tay vào một cuốn sách dày trước mặt. Tưởng bạn dịch sách (nhớ ngày xưa bạn có dịch thật kỹ cuốn *Phận người* (La condition humaine của André Malraux) nhưng khi tôi cầm sách lên xem thì đó lại là một cuốn sách Y khoa bằng tiếng Pháp. Anh nói "mình về vừa đúng lúc. Phải giúp con nhỏ G... cho nó kịp học hồi và nghiên cứu".

Tôi có nói với bạn về bài thơ Mùa Hạ mà tôi không có đủ. Nhưng anh nói rằng bản thân anh cũng không nhớ hết. Con đồng đã thăng rồi đâu còn nhớ những gì mình đã nói ra. Nhưng bữa ấy Tô Thùy Yên đưa tôi đọc bài *Ta Về* - bài thơ vừa mới làm xong khi thi sĩ lầu dầy vừa trở về nguyên quán:

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cám ơn hoa đá vì ta nở
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi

Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này...

Thật ra tôi đọc thơ Tô Thùy Yên đã lâu. Giữa thập niên 50 khi Sáng Tạo bộ cũ ra đời với những bài *Cánh đồng, con ngựa chuyển tàu* hay *Thân Phận* của Thi Sĩ. Lúc ấy ảnh hưởng của văn học Pháp đối với miền Nam còn nồng đậm. Đây là thời buổi của *Buồn nôn* (La nausée - J.P.Sarte) của Kề lạ (l'Etranger - A.Camus) hay *Phận người* (La condition humaine - André Malraux). Sự hiểu biết của tôi về văn học Pháp rất là hạn chế nhưng tôi có cảm tưởng rằng thời kỳ thập niên 50, 60 là thời kỳ

xâm lăng của triết học vào văn học. Những đặc trưng thường thấy của thơ, của tiểu thuyết, của truyện ngắn đã bị xóa nhòa đi. Thay vào đó là những vấn nạn triết học hay những thắc mắc siêu hình. Để làm gì? đi đến đâu? tự do hay không tự do - phi lý hay hữu lý? Sống và nghĩ như thế nào cho phải? Người ta không đi tìm những nguyên nhân gần gũi mà đi tìm những căn do đầu tiên và cuối cùng của sự vật. Tô Thùy Yên là một người đọc sách chuyên cần. Cái ý thức trong sáng của tinh thần nhị nguyên đã phóng ra những cái nhìn chinh phục. Con ngựa (trong *Cánh đồng, con ngựa, chuyển tàu*) phải chăng là một số gắng nhằm đo đạc ngoại giới.

Có đọc được thánh thư
Linh hồn tôi vẫn vậy
Tôi vẫn không thể lạy
Dù đứng trước hư vô
Đầu tôi cứng và trơn
Thượng Đế làm sao ngự
Tôi đành trốn chủ nợ
Định mệnh đòi linh hồn
Thượng Đế điem nhiên lạ
Tôi đánh liều cười khan.

(Thân phận thi sĩ - Tô Thùy Yên)



Bài thơ mang giọng thách thức của Nietzsche - dâng quang cho một cái ta Kiều hãnh. Đây là thời kỳ Tô Thùy Yên muốn trở nên một thứ "Vương tôn miền trí tuệ". Tôi đã cảm phục, đôi khi sợ hãi những bài thơ ấy - nhưng thành thật mà nói tôi không yêu chúng. Sự cảm nghiệm một bài thơ, theo tôi, nó tùy thuộc vào tâm cảnh của từng người. Tôi là một anh học trò nhà quê ra tỉnh, tâm hồn còn vương vấn với lũy tre xanh, đình chùa, miếu mạo, căn nhà tổ, họ hàng làng nước, bờ mương, ao cá. Dù đã cố gắng lắm tôi vẫn không làm sao hiểu được "Tha nhân là hỏa ngục" của J.P.Sarte. Tôi rất sợ mình là "khách lạ" - và điều tôi ao ước là được đến gần, được làm thân, chia sẻ với mọi người.

Cái "hội u minh" thời ấy là một phong trào. Hoàng tử bị thương hay nhà thơ bị trừ ếm (poète maudit) Đinh Hùng muốn đi khỏi cuộc đời này về miền nguyên thủy: "Thêm ăn một chút hương man dại - và ngủ như loài muông thú kia". Vũ Hoàng Chương, bậc thi bá của làng thơ tiền chiến cũng bỏ thơ Say, thơ Mây nêu lên một bản khoán triết học:

Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về...

Tô Thùy Yên ngay từ thuở ban đầu đã nghiêng về những điều thâm lặng lớn, mưu đồ đo đạc cả vô biên "ta về tắm lại giòng sông cũ, truy tìm mê mải lý sơ nguyên - Tô Thùy Yên đã rất già khi còn trẻ. Già ở đây là già về tư tưởng, nên trong thơ của anh người ta thấy thiếu vắng sự lãng mạn, không có những ni non kể lể về một cuộc tình. Không có Kim Trọng, Thúy Kiều, cũng không có Paul và Virginie.

Vào khoảng giữa thập niên 60 có một việc, nhỏ thôi nhưng đã làm thay đổi Tô Thùy Yên. Anh bắt đầu đọc Đường Thi. Yên là một người ưa thích sự toàn hảo (gout du parfait). Anh không bằng lòng với những bản dịch. Yên muốn đọc thơ Đường bằng nguyên tác và Tô Thùy Yên học chữ Nho. "Học cho vui, chơi chơi vậy mà". Xướng Gò Vấp, thấy Tô Thùy Yên viết chữ Nho rất đẹp. Và đột nhiên tôi được đọc một số bài thơ mang phong cách nhất nguyên của Đông Phương. Đọc thơ trước đây của Yên người ta thấy phảng phất St J. Perse - hoặc Valery - bây giờ thấy Tô Thùy Yên "Quy khứ lai tở" như Đào Tiềm quay về nơi bản trạch. Bài thơ không còn vẻ kiêu hãnh của một ý thức chinh phục mà mang vẻ ngậm ngùi chấp nhận:

Tưởng tượng ta về nơi bàn trạch
Bãi bùn tro trên thủy triều lui
Con còng ẩn nhẫn bò quanh quần
Càng nhẹ tênh hênh cỏi ngậm ngùi

Tại sao lại có con còng ở đây? Con còng làm liên tưởng đến con dĩa trắng ngoài bờ biển. "Dĩa trắng xe cát biển Đông - nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì?" Phải chăng đã đến lúc Tô Thùy Yên nhận ra sự hạn chế của kiếp người, có những miền "bất khả tri" mà trí lự con người chưa với tới được. Về nơi bàn trạch đối với Tô Thùy Yên có nhiều ý nghĩa. Cái nhà của Yên ở Gò Vấp là nhà từ đường bao nhiêu đời ở đấy? Cái nhà không đơn thuần là một "dụng cụ" để ở, mà nó là một phần đời ta, là chính ta. "Cái nhà là nhà của ta - ông cố ông sơ làm ra" nên cái nhà cũng như cái vườn, cái ngõ đều là sự tích yêu thương, là những liên hệ mà ta không làm sao dứt bỏ được. Về nơi bàn trạch về nơi quê nhà (phải chăng le Royaume trong l'Exil et le Royaume mà Camus mơ tưởng cũng nằm trong nghĩa đó) đã dạy ta một điều: cái mà ta tưởng nó là cái không ta (le non moi) lại chính là ta. "Mình với ta tuy hai mà một - Ta với mình tuy một mà hai". Cái nhìn nhất nguyên nơi Tô Thùy Yên đã làm cho thơ anh từ đó về sau yêu thương hơn, thấm đượm hơn nhiều.

Nhưng có lẽ những năm tù cải tạo đã giúp chúng ta nhìn rõ cuộc đời hơn. "Vi thử cuộc đời bằng phẳng cả" chúng ta chưa chắc nhận ra chuyện ấy. Những chuyện nhỏ nhặt nhưng có giá trị rất cao. Không đi tù, không thường xuyên đói khát chúng ta làm sao biết được hạt cơm nó quý như thế - không xa vắng cửa nhà, chúng ta làm sao hiểu được cái thấm thiết trong vòng tay vợ, cái âu yếm trong cái hôn con. Người tù lâu ngày, ngày trở về cảm ơn trời đất, cảm ơn vợ con, cảm ơn hoa, cảm ơn lá cỏ.

Ta nhìn lá cỏ lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân...

Tôi đi về nhà có mang theo "Ta về". Tôi đọc thơ bạn cho nhà tôi nghe:

Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trở bông
Cho dầu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông

Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nỗi mừng ràn rụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Từ kiếp nào xưa tưởng lạc nhau

Ta về dấu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm

Đọc đến đoạn này, nhìn lên thấy nhà tôi đã nhạt nhòa nước mắt.

Cuối năm 1990, ngày thứ sáu 13 tháng 10. Ngày xấu "đi chơi cũng thiệt lộ là đi đâu". Tôi quanh quần ở trong nhà. Chợt có tiếng xe Honda thắng xiết trước chiếc cầu nhỏ, bắc qua con lạch vào căn nhà Hóc Môn của tôi. Nhìn ra thấy H. con trai Tô Thùy Yên đang hấp tấp dắt xe vào. Tôi chạy ra, thấy vẻ hốt hoảng của H. nên vội hỏi "Có chuyện gì vậy cháu? - "Bố cháu vừa bị bắt rồi" - H. thoáng thốt nói tiếp: "Trước khi lên xe Công An, bố cháu nói nhỏ: đi báo các bác nên cháu vội chạy lên đây". Nhà tôi bảo H. ở lại ăn cơm cái đã nhưng H. nhất định ra về "Để cháu phải đi ngay cho kịp vài nơi nữa..."

Như vậy là Mùa Hẹn - Ta về thơ Tô Thùy Yên - Tâm sự với Bạch Cư Dị thơ Hà Thượng Nhân - Bài hát Tự Do - Trăng tù - thơ Thanh Tâm Tuyền, một bài từ của bạn già người viết sử Lam Giang cùng với một số bài viết của tôi đã được "phần thư" ngay chiều hôm đó. Lúc này Thanh Tâm Tuyền cũng như Hà Thượng Nhân đã HO di Mỹ. Bạn bè thân thiết gần đây chỉ còn Tô Thùy Yên. Bấy giờ bạn ta bị bắt rồi. Bao giờ bao giờ gặp bạn ta trở lại.

■



HẢI PHƯƠNG

TỪ LA JOLLA BEACH
ĐẾN LE BEAU RIVAGE

Ở nơi khi giòng tâm thức bỗng đứng dừng lại
con suối trắng trườn qua hai bên bờ đá cuội khô
trái tim đứng bóng mặt trời nhiệt đới vàng nung nấu lửa
ta thêm nhánh tay em mềm mại như những giòng sông
tuổi ấu thơ
và hát.

Ở nơi khi giòng sông và cửa biển gặp nhau
nguồn trên cao cũng sóng vỗ dạt dào
em ngậm cọng cỏ xanh chạy băng qua cánh đồng
hoa lá say mềm
ta bước ra khỏi thành lũy lộng lẫy ngàn năm của thơ
và dong buồm ra biển.

Ở nơi đỉnh núi mây bay qua
non dưới thấp với rừng cây cổ đại rung rinh gió mùa ngan ngát
mảnh trắng xanh
ta tìm ta dấu bụi phủ lấp bốn ngàn năm thạch động tro than
chứa chan lời chim hót
và em mùa màng.

Ở nơi đây hay ở nơi nào cũng vậy
cũng như ta và em lần đầu gặp nhau chỗ giòng sông
và cửa biển dạt dào sóng vỗ
chỗ bến là giòng chỗ giòng là bến
khép lại mở ra mê lộ thênh thang
của thạch động tro than mở bừng ngôn ngữ xanh rạng rỡ
cho bọn thi sĩ điên mê tìm hoài chưa đủ
như giòng sông em là thuyền là bến nơi bắt đầu
là nơi ngừng lại
và nắng nhiệt đới vàng và tóc em bay
như một thời lãng mạng làm thơ và ngủ trên bãi cát biển
Nha Trang

tháng 8 khi ở La Jolla Beach

NGUYỄN THANH CHÂU

GỞI NGƯỜI ĐI

Lại một người ra đi
mãi mãi
cuống rún đã lìa
giọt lòng khắc khoải
hải hùng hồi ức mỗi oan khiên
kiếp tù tiếp chuỗi ngày vô vọng
những thâm tình gởi lại
nhúm tóc sương...

Lại một lần ra đi
tuyệt tích
đắm giạt thức mây
mút mùa u tịch
viễn vọng gì theo bước cổ cùng
đất lạ huyền đời vô định
người xa rồi, nỗi vọng thiên thu...

NGỰA PHI ĐƯỜNG XA

ĐẶNG TIẾN

Năm 1992 qua Ba Lê, tôi đã gặp lại Đặng Tiến, một bạn văn từ năm 1960, khi anh viết phê bình sách cho tờ Tin Sách, và tôi làm Thư ký Tòa soạn tờ Điện Ảnh, cả hai tờ cùng của một chủ nhiệm Nguyễn Ngọc Linh, tòa soạn đặt ở khu chợ Cầu Ông Lãnh, Saigon. Lúc sau chúng tôi cùng viết cho Bách Khoa của anh Lê Ngô Châu, Văn của anh Trần Phong Giao, cho đến khi Đặng Tiến đi Pháp, vào năm 1966. Từ đó thế giới của chúng tôi chia cách bằng một con sông Thương. ■ Đặng Tiến hiện dạy Pháp văn trong một trường Trung học Pháp ở Orléans, nơi tôi đã ghé thăm, và dạy Văn chương Việt Nam cho Đại học Paris 7. Gần đây, anh phụ trách chương trình Văn học Nghệ thuật Việt nam cho Đài BBC, phát thanh mỗi tuần một lần. Anh là nhà văn hiện viết cho các báo ở hai bên lục địa, cả trong và ngoài nước. ■ Bài về nhà thơ Tô Thùy Yên dưới đây, là một trong những bài điển hình về lối viết xấu sắc của Đặng Tiến, mặc dù anh nói bài viết chưa hoàn tất thì bị phân tâm vì cái tang Bùi Giáng. Anh gửi bài này cho Khởi Hành từ Orléans, sửa thêm khi đang ở Bỉ. V.L.

Tô Thùy Yên đến với văn học trên "Cánh đồng Con ngựa Chuyển tàu", bài thơ làm năm 1956, đăng trên báo Sáng Tạo thời đó và được độc giả hoan nghênh ngay, nhất là trong giới thanh niên, học sinh. Thời ấy sinh viên chưa nhiều, quần chúng văn chương còn thưa thớt, một thế hệ độc giả mới đang chớm thành hình. Với thời gian nhìn lại, bài thơ có thể xem như là một sự kiện văn học, vì lời thơ tân kỳ, ý thơ mới lạ, không giống một bài thơ nào khác trước kia - mà đã được độc giả không chuyên môn yêu thích ngay. Chuyện hiếm, vì độc giả Việt Nam, nói chung là thủ cựu. Chuyện đẹp vì bài thơ của tác giả 18 tuổi đi thẳng đến độc giả 18 tuổi.

Ngày nay Tô Thùy Yên là tác giả tên tuổi. Bài thơ thanh xuân được những lớp phù sa bồi thêm nhiều ý nghĩa mới.

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đôi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu, rượt tàu rượt tàu
(...) Mặt trời mọc xong, mặt trời lặn
Ngựa gục đầu, gục đầu, gục đầu
(...) Ngựa ngã lẫn mình mượt như cỏ
Chấm giữa nền nhung một vết nâu.
(Tô Thùy Yên, Thơ Tuyển, tr 13)*

Cánh đồng con ngựa ở đây khác với những hình ảnh trong thơ cổ, tranh Đường, tranh Tống; ngược lại phần nào đó, gợi lên nền "văn hóa đồng hoang" của Nga La Tư thời cổ đại. Chuyển tàu - nôm na là xe lửa - là biểu tượng văn minh cơ khí và hiện đại. Cuộc va chạm lớn lao giữa hai nền văn minh: đồng phương thảo mộc và tây phương cơ giới đã được nhà văn Phạm Văn Ký vẽ lại trong tiểu thuyết MẤT NƠI TRÚ ẨN (PERDRE LA DEMEURE, Galliard, 1961, giải thưởng Hàn Lâm Viện Pháp) mô tả cảnh xây dựng con đường sắt tại Nhật Bản vào thế kỷ XIX. Ngày nay, với THƠ TUYỂN (1) của Tô Thùy Yên, con tàu còn mang nhiều ý nghĩa khác, ví dụ: hình ảnh của lịch sử, dân tộc và loài người, tàn khốc và vô tâm:

*Tàu đi, khoan xoáy sâu đêm thép
Tiếng nghiêng ghé người, thác lửa sa
Lịch sử đường như rất vội vã
Tàu không để lại các ga qua
(Tàu Đêm, 1980, tr 22)*

Bài thơ làm trong thời gian học tập cải tạo miệt Nghệ Tĩnh; con tàu chở những gã tù lưu xứ (tr 21), từ một sự vật cụ thể, mang thêm giá trị tượng trưng rộng lớn trong thế giới Tô Thùy Yên:

*Thời đại đang đi từng mảng lớn
Rào rào những cụm khói miền man
(tr 15)*



Trên đường lịch sử sắt tuôn mau" (tr 120) con tàu đối lập với ngựa, hình ảnh loài người trọng thân phận, cá nhân trong một thế hệ, một dân tộc hay thời đại trước tiến hóa. Sức người có hạn rượt theo bánh xe lịch sử, vô hạn và vô định, vì những say mê cuồng nhiệt và mù quáng vì "duy ý chí", vì hoang tưởng hay chỉ là nạn nhân trong một hoàn cảnh. Cho đến khi "gục đầu, gục đầu"

*Ngựa ngã lẫn mình mượt như cỏ
Chấm giữa nền nhung một vết nâu*

Ngựa nâu là màu ngựa thường, có khi là ngựa thồ, không phải là bạch cầu, ó trụ hay xích thố. Ngựa của Kim Trọng trắng tựa "tuyết in" chấm trên nền cỏ thanh minh như một đóa hoa lê; ngựa của chinh phu cũng "tuyết in" nổi bật dưới chiến bào "đỏ tựa rắng pha". Ngựa của Văn Tiên đen tuyền, lấp lánh dưới kim khôi và siêu bạc

rạng ngời giữa trận tiền. Ngựa của Tô Lang chỉ có "lớp áo" nâu sòng, màu của số phận dân quê, nói được là màu "dân tộc" cày sâu cuốc bẫm, hay cửa chùa vắng lặng. Khi thua cuộc, con ngựa -con người- chỉ để lại một "vết nâu". Nâu như một giọt máu khô.

Thơ và nghệ thuật nói rộng ra, là những giọt máu đang khô trên nền mãi mãi non xanh của ngôn ngữ loài người.

Cuộc đời như thế đấy.

THƠ TUYỂN của Tô Thùy Yên bắt đầu bằng một câu trần trụi, trong bài nhan đề Thi Sĩ làm năm 1960, có thể xem như là tuyên ngôn. Thơ, thơ ai cũng vậy, bao giờ cũng vậy, là Lời, lẫn với Đời. Khác nhau ở tỷ lệ: đời ít lời nhiều, hay ngược lại. Ở Tô Thùy Yên đời và lời cân phân. Câu thơ dù bay bổng, nger đời, tình đời vẫn nặng trĩu. Thơ nhẹ cánh đời nặng gánh. Nói "đời" là mơ hồ, thậm chí hàm hồ. Đời nào, đời ai, đời những ai? Đời tên hên thì thơ cũng tỏ hồ. Ngày xưa Xuân Diệu tự xem như con chim "ngựa cổ hát chơi", lại thêm "hát vô ích thế mà chim vỗ cổ". Tô Thùy Yên không làm thơ để mà chơi.

*Tôi giành giọt đỏ máu với tôi
Từng chữ một
(Thi Sĩ, tr 9)*

Người xưa kể lại giai thoại "thôi xao" (xem chú thích trong bài của Nguyễn Tà Cúc, nơi trang 24 số báo này), nhẹ nhàng như việc đẩy cửa dưới trăng, không "đổ máu" như Tô Thùy Yên. Lê Đạt nói về nỗi vất vả trong lao động chữ nghĩa có dùng hình ảnh "phu chữ"; Tô Hoài, trong bài viết đùa thân mật, diễn nôm là "cu ly chữ"; tôi có dịp hỏi ý kiến Lê Đạt, anh trả lời: hiểu như thế không sai, nhưng cục bộ "phu chữ" còn có nghĩa là đại trượng phu theo Mạnh Tử. Đây là lời nói riêng, không có ý kiến.

Tô Lang không chơi chữ nước đôi kiểu ấy: đổ máu là đổ máu, chỉ có một nghĩa, dĩ nhiên là nghĩa bóng. Đọc thơ Tô Thùy Yên, cũng không nên đọc để mà chơi. Tác giả kén chọn người đọc và cách đọc, có lẽ vì thế mà 40 năm sau khi có thơ thường xuyên đăng báo, anh mới cho xuất bản một tập THƠ TUYỂN, viết về anh có phần khó; không

phải ở khâu bình giải khen chê, mà ở mức độ đồng cảm. Tôi viết bài này là do yêu cầu của bạn Viên Linh, chủ yếu vì lý do tâm cảm và đồng cảm, xem từng chữ của Tô Thùy Yên như những giọt máu. Ví dụ con ngựa nâu là giọt máu mới đông. Cũng trong bài tuyên ngôn Thi sĩ:

Bài thơ lọt vào người như kẻ trộm
Âm thầm
Vết sạch vô tư
(tr 10)

Như vậy đơn vị thơ Tô Thùy Yên không phải ở câu thơ, như thông lệ, mà là bài thơ có khi khá dài, thường trên một trăm câu, và từng bài thơ một, phải đặt lại vào toàn thể tập thơ mới đúng vị trí và ý nghĩa của nó. Trích dẫn từng câu, từng đoạn dù tiêu biểu, là việc cực chẳng đã. Đọc toàn tập, chúng ta nhận thấy thơ Tô Thùy Yên không có tuổi, cho dù mang nhiều âm vang của lịch sử, trong một giai đoạn chiến tranh, đối đời và tù đầy khốc liệt.

Bây giờ ta đã già như tuyết
Già vô âm vọng
Già thâm u
Bây giờ ta trẻ như hừng đông
Trẻ như tiếng reo
Trẻ bất tử

(Chim Bay Biển Bắc, 1972, tr 69)

Chàng thanh niên 18 tuổi kể chuyện Con ngựa chuyển tàu đã là một tâm hồn già; con người ngũ tuần vừa ra khỏi trại cải tạo sau mười năm lưu xứ với "máu đầu sương điểm".

Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai để vạt áo phai
(Câu đầu bài Ta Về, 1985, tr 126)

Bài tuyên ngôn "Thi sĩ" làm 1960 đã có những câu:

Những tên cai ngục
ngôn ngữ bất đồng
với thứ linh hồn quốc cấm
Tôi tù tội chung thân
(Tr 9)

Trong một bài thơ tặng Thụy Vũ, ghi 7-1972 đăng báo Văn (Sài Gòn) số 208 ngày 15-8-1972:

Ôi những rừng cao su thẳng lối ngay hàng
Ôi những rừng cây mang án tử hình treo
(Bất tận nỗi đời hung hãn đó, tr 58)

Lại còn bài này nữa cùng thời:

Sống trên đời chuyện ghê gớm quá
Vây mà ta sống có kỳ không
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm

Hề ta trở lại gian nhà cỏ
Sống tàn đời kẻ sĩ tàn mùa
Trên dốc thời gian hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Từ tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách ngọn đèn xanh bóng lẽ
Ngày qua ngày, cho hết đời ta (tr.46)

Từ tội mừng ơn lịch sử tha! Bài thơ ghi thời điểm sáng tác: tháng 7-1972. Tôi ngỡ ngờ tác giả nhớ nhầm, thơ in nhầm ngày tháng chăng? Tôi (vở vắn) đi kiểm soát lại thì thấy đúng, bài thơ đăng trên báo Văn, Sài Gòn, số 207 ngày 1.8.1972, cùng một lúc với bài Tượng Tượng Ta Về Nơi Bẩn Trạch

làm ngày 11-7-1972, với những lời bi tráng tuyệt điểm:

Ta bằng lòng phận que diêm tắt
Chỉ giận sao mỗi lửa cháy sưng
Thôi nói, bởi còn chi để nói
Núi xa, chìm giục già hoàng hôn

Tượng tượng ta về nơi bẩn trạch
Áo phơi xanh phơi nhảnh đào hồng
Mùa xuân bay mùa bên trời biếc
Ta bung văng tàn thuốc xuống sông
(Báo Văn tr 61, thơ Tuyển tr 51)

Que diêm tắt mà vẫn phơi phơi đào hồng, trên cõi đời này, chỉ có Tô Thùy Yên! Niềm hạo nhiên đó, Tô Quân còn gọi là: "cái cố nơi ta" trong bài Chim Bay Biển Bắc đã dẫn, làm chính xác ngày 4.8.1972.

Đừng loạn tâm, đừng loạn tâm
Cuối chặng hành trình quay đảo nhất
Cả thầy sẽ an nhiên
Trong trật tự hằng hằng của vũ trụ
A, loài người thẳng tiến được bao xa?
Trời đất phồng lên cơn giận dữ
Thối trận mưa rơm, Cối Tam Mù
(Văn số 208, tr 91, Tuyển Tập tr 70)

Trước đó, bài Đăng Từ có ghi tiền đề: (épigraphe)

Ngày kia trở lại Ngôi Nhà Lớn
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi

Mười năm lưu đầy, thêm những lần bị bắt đi bắt lại, âu cũng là một kiếp chơi! Năm bắt được điều đó, mới hiểu thấu đáo bài Ta Về (1985) nổi tiếng về sau, được nhiều trích dẫn, không phải lúc nào cũng với dụng ý văn nghệ.

Gần đây và hiện nay, về mặt văn hóa, trong nước đang thảo luận dài dòng về đề tài: truyền thống và hiện đại; dân tộc và thế giới; cái riêng trong cõi chung... Ý hướng tốt: muốn liên minh cái nọ với cái kia, điều hòa cuộc sống dân tộc trong một thế giới đang bước đi những bước khổng lồ.

Thực tế văn học nghệ thuật không rắc rối như vậy. Người nghệ sĩ làm thơ, vẽ tranh một cách tự nhiên muốn sao làm vậy, rồi tác phẩm của họ nó ra sao thì còn tùy; dân tộc hay hiện đại là tùy người xem người đọc. Nếu rung cảm chân thành và sâu sắc thì tác phẩm phải mang đủ hai yếu tố, với phần liều lượng khác nhau.

Nói rằng điều hòa truyền thống với hiện đại, ngày nay, trở thành một khẩu hiệu, một cách chào hàng trong thị trường văn hóa. Trong thâm tâm người đặt hàng đã có hậu ý đối lập: làm sao cho có bản sắc dân tộc mà vẫn hiện đại; làm sao theo kịp các trào lưu thế giới mà vẫn giữ truyền thống. Hai chữ "mà vẫn" có tính cách lãnh đạo và tham lam. Mà lãnh đạo và tham lam là phi văn hóa. Người nghệ sĩ, bề ngoài phải chịu những ức thúc, nhưng trong đáy tâm hồn trong cõi thâm sâu của tác phẩm họ là những cá nhân tự do.

Con người nô lệ và vụ lợi, xu thời, giỏi lắm là nghệ nhân hay văn công. Trong thực tế sáng tạo, dân tộc và hiện đại là một đơn vị bất khả phân. Nhà phê bình mỹ thuật Thái Bá Vân, trong một tác phẩm mới in TIẾP XÚC VỚI NGHỆ THUẬT (2) tập hợp những bài viết uyên thâm từ ba mươi năm

nay, đã nói chí lý và dững cãm: "cái khẩu hiệu Dân tộc Hiện đại của văn nghệ chúng ta trong nhiều năm nay là một mệnh đề thiếu chính xác và hoàn chỉnh ngay ở mặt tu từ (...) khẩu hiệu này thiếu cái hàm ý nhân loại trong truyền thống" (tr 58). Trong một bài khác, anh nói thêm "Cũng vậy đối với nghệ thuật bản sắc dân tộc và tính toàn cầu phải được hiểu là một". (tr 73).

Cần nêu lên tiền đề này trước khi đề cập đến đề tài cục bộ: thơ Tô Thùy Yên, dân tộc và hiện đại, đặt một trường hợp riêng lẻ trong cuộc thảo luận chung của đất nước - dù rằng cuộc thảo luận khắp khiêng. Nói khác đi, vấn đề không đặt ra với tôi; với tôi chỉ có thân xác những bài thơ ngoài thời gian và vô quốc tịch; nó là thơ Tô Thùy Yên thế thôi, không dân tộc, hiện đại gì ráo. Nhưng với người đọc - người đọc báo Khởi Hành, chẳng hạn, người viết có nhiệm vụ (và hạnh phúc) phải cập nhật hóa bài viết, trong bối cảnh lý luận rộng lớn hơn, hiện hành trên đất nước.

Tô Thùy Yên đến với văn học Việt Nam ở một giai đoạn mới, mở ra tại miền Nam khoảng 1955 - 1956. Anh là thanh niên trí thức, đọc nhiều sách báo nước ngoài, trên một mảnh đất mở vào "Thế giới tự do" thì dĩ nhiên tâm hồn và trước tác cũng phải hiện đại: câu thơ, nhịp thơ, hình ảnh, ý tứ trong thơ Tô Thùy Yên minh chứng điều đó, chúng ta không cần đồ họa lời thôi. Cái chính là làm nổi bật tính dân tộc trong thơ Tô Thùy Yên, đã đưa thơ anh đến với một quần chúng rộng rãi, vượt qua hàng rào "hiện đại".

Trong số những nhà thơ đương thời, có lẽ Tô Thùy Yên là người sử dụng nhiều ca dao nhất. Lưu Trọng Lư, một trong những người phát động thơ mới thuộc nhiều ca dao, hay nhắc đến những màu sắc dân tộc, nhưng ít khi đưa ca dao vào thơ. Thanh Tâm Tuyền rất sành ca dao, nhưng không sử dụng; thậm chí có thể nói thơ Thanh Tâm Tuyền là một thi loại phản-ca-dao. Tô Thùy Yên, ngược lại ưa dùng lời ăn tiếng nói dân gian; nếu không thuộc tục ngữ, ca dao, người đọc có khi không hiểu anh muốn nói gì. Ví dụ bài thơ mới làm cuối 1993, để Giã Biệt, "từ bỏ căn nhà, từ bỏ quê hương" lên phi cơ biệt xứ:

Anh ra đi
bứt ruột mà đi (a)
như đã một lần cũng bứt ruột
Đi những mười năm tưởng chẳng còn về
Máu chảy không cầm như nước theo sông
Thành phố của anh
Nhục nhằn duyên cưỡng ép (b)
Cay đắng phận rau răm (c)
Tìm lay lắt chấp chớn nỗi đợi
Mòn mỏi nén nhang khuya (d)
Buổi trở lại, trèo lên cây bưởi cũ (e)
Trông thấy nhau, thương chỉ để mà thương (f)
Đôi bông đó thôi thì em hãy giữ (g)
Tưởng tình xưa
xin bỏ lỗi cho anh
Anh ra đi
Một lần nữa ra đi
Một lần nữa bứt ruột
Thương người ở lại
Thương như mưa (h) (tr 203)

Nhịp thơ mới mẻ, nhưng lời thơ vết vấy tục ngữ, ca dao, ví dụ những câu đánh dấu:

- a. Đưa tay mà bứt ngọn ngô,
Thương em đứt ruột, giả dờ ngó lơ
b. Ép dẫu ép mỡ, ai nỡ ép duyên.
c. Cay đắng phận nghèo (mùi đời)
(thành ngữ).
Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.
d. Anh buồn còn chỗ thở than
Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya
e. Trèo lên cây bưởi hái hoa
f. Cây cao bóng ngã qua rào
Trông cho thấy mặt không chào cũng thương
g. Một mai thiếp có xa chàng
Đôi bông thiếp trả, đôi vàng thiếp xin.
h. Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.

Dĩ nhiên là còn nhiều câu khác mà tôi không biết, như “máu chảy không cầm” tôi nhớ mang máng đâu đó, không tường tận. Muốn tìm ra nhiều điển cố dân gian trong một bài thơ như vậy, phải lần đến... Nguyễn Trãi.

Có những giao hưởng tài hoa và thi vị, trong lời hẹn một ngày về Vườn Hạ

Ăn trái chín cây mùa hạ trước
Thấy nhành ơ động bóng chim quen (tr 91)

Muốn đi vào tâm tư tác giả, ta cần biết:

- Chim quyền bụi ơ liu lo
Tình thương quân tử ốm o gầy mòn
- Chim quyền ăn trái nhãn lồng
Thìa thìa quen chầu, vợ chồng quen hơi.

Trong bài Ta Về:

Đêm buồn ai nữa đừng bờ ao
Khóc người, ta khóc ta rơi rụng

Câu trên gợi lên cảnh “đêm khuya ra đứng bờ ao” mà ai cũng nhận ra, nhưng không gian bờ ao kết hợp với “rụng” nhắc lại một câu ca dao khác và gợi ra tâm trạng hờn tủi của người về

Thiếu chi cam rim hương rim
anh không chọn
Anh đi tìm trái khế rụng bờ ao

Một bài khác còn nhắc tới cây khế dung dị nhưng tuyệt đẹp:

Ta nhớ lắm,
Khu vườn xưa, cây khế tím mùa hoa

Có khi Tô Thùy Yên sử dụng nguyên si một câu ca dao:

Thôi em tiếc thêm chi cái sợi dây dài
Để đến nỗi ngồi hoài bên giếng cạn (tr 150)

Nguyên văn ca dao:

Tường giếng sâu em (anh) nỗi sợi dây dài
Ai ngờ giếng cạn em (anh) tiếc hoài sợi dây.

Bài Mùa Hạ làm trong trại học tập Nghệ Tĩnh, trực tiếp nhắc nhớ nội dung dân gian của một hình ảnh.

Ngày nghỉ về vườn thăm họ ngoại
Lòng như con sáo trong ca dao (tr 108)

Con sáo là hình tượng tự do: con sáo sổ lồng sáo bay”. Vương vất dẫu đó ít nhiều cay đắng, khi nhớ đến câu trước: Ai đem con sáo sang sông, so với tình huống của người dân miền Nam di học tập cải tạo “bên kia sông”. Cùng trong trang đó:

Em mặc bà ba ra bến nước
Đưa tay khỏa nhẹ nhớ thương nào,
Đến nay, lòng ấy còn xao gợn...
Mùa trái cây nào hái tặng nhau (tr 108)

Ngoài “mùa trái cây” gợi nhớ đời sống một vườn chữ “bà ba” là đặc tính của miền Nam, nhưng không xuất hiện nhiều trong thơ. Thường thường ta chỉ thấy “áo lụa Hà Đông”, hay là:

Yêu nhau gói trọn hồn trong áo
Nhớ nhau từ trong tà lụa bay
Đinh Hùng

Võ Phiến thời đó (1972) đã nhiều lần luận về cái áo dài; sau này, ra nước ngoài anh mới nhớ đến cái áo bà ba. Tô Thùy Yên trong những câu thơ uyên bác, không ngại dùng những từ dân dã, nam bộ như *cười bung* (tr 59), *lá bung phơi* (tr 111), *bung nở* (tr 212) *tiếng hò mời dzô dzô* (tr 29) *rượu uống đến say thua* (tr 42) *tiệc dài* (tr 47) *quên ngang* (tr 119). Những lời lẽ dân gian được sử dụng uyên bác:

Tôi gầy yên lặng với âm thanh (tr 10)
Ngọn cây, ô, đã giắt hoàng hôn (tr 43)

Ngoài ra còn một số hình ảnh lấy ở đời sống hằng ngày, ở tuổi thơ nông thôn, như *tàu chuối lưa thưa đến hoa khế tím*, con công, con đế đến chim bói cá, cá thia lia, những trò chơi trẻ con như cút bắt, *xu thấy hết đồng cái liệng sông* (tr 95) với những kỷ niệm sắc bén:

Ai ngắt dùm anh cây cỏ suối
Làm đôi gà đá, đá ăn cười (tr 92)

Gà đá, ở đây là những chùm cỏ làm trò chơi. Kỷ niệm thơ ngây, lẫn xen vào những câu thơ hào hoa

Con chim lạc bạn kêu trời rộng
Hồn chết trôi miền dạ lý hương (tr 94)

Trong từ vựng, đặc sắc trong ngôn ngữ thơ Việt là giá trị những hư từ, như liên từ, giới từ, những công cụ cú pháp không có nội dung riêng. Trái với thơ chữ Hán nặng về thực từ và né tránh hư từ. Thơ Tô Thùy Yên cô đúc và có phong thái cổ thi nên cũng ưu đãi thực từ. Nhưng hư từ trong thơ anh cũng rất đặc vị:

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi
(Ta Về, tr 128)

Đoạn thơ này thường được trích dẫn vì nội dung lịch sử và nhân đạo, triết học. Nhưng đừng quên giá trị của nó về mặt thi pháp, cách sử dụng các hư từ “vì”, “từ”, và cách ngắt nhịp huê dạng “từ mỗi” câu thơ.

Nói chuyện thơ, chúng tôi nghĩ nên ưu tiên cho các vấn đề về thi pháp, từ pháp, âm pháp, nói chung là ngôn ngữ. Dĩ nhiên nội dung của tác phẩm là quan trọng. Trong thời Tô Thùy Yên, lịch sử dân tộc để lại nhiều hình ảnh sâu đậm, quá khuôn khổ của một bài báo.

Vậy xin khát độc giả đến một dịp khác. ■

Paris 22, 10.1998

(1) Tô Thùy Yên THƠ TUYỂN. Tác giả xuất bản, Minnesota, Hoa Kỳ 1995. Thơ trích từ đây.

(2) Thái Bá Vân, TIẾP XÚC VỚI HỘI HỌA VIỆN MỸ THUẬT, Hà Nội, 1998. Chỉ in 400 cuốn! ai đọc ai không?

Với ý định chỉ giới hạn trong bài báo ngắn về một tác giả nổi tiếng: nương nhờ một khía cạnh trong thơ văn để bàn thành vấn đề văn chương tổng quát, hơn là nhận định tác giả tác phẩm đòi hỏi một bài thật dài dòng hay cả một cuốn sách, vì vậy nhan đề trên hẳn là không được tổng quát.

Hãy lướt qua những bài báo đã đọc, viết về Tô Thùy Yên.

■ Võ Phiến viết về khía cạnh siêu hình trong thơ của tác giả này, và về sau ông đã nói siêu hình cũng là nội dung làm nên tác phẩm lớn, nói rõ tác phẩm lớn không chỉ luân quần ở cách dùng chữ, ở kỹ thuật, ở sáng tạo hình thức văn chương (xem tạp chí Văn Học, số 145, tháng 5/1998).

■ Bùi Vĩnh Phúc có một bài nghiên cứu rất quy mô về Tô Thùy Yên, nhưng đọc qua phần giới thiệu các nội dung nghiên cứu, ta thấy thiếu vắng vấn đề thời thế rất đậm nét trong thơ thi sĩ này. Phần hình thức, ông trình bày rõ cách sáng tạo từ ngữ độc đáo của nhà thơ, gồm có cách chọn lựa ngôn ngữ theo quan hệ tương đương, theo quan hệ giáp cận, theo cách hoán chuyển từ loại (danh từ thành tính từ, hoặc dùng trạng từ động từ ngoài quy ước của lời nói bình thường), và sự dồi dào những từ có âm đôi như *mật mật, ngắt ngắt, tuôn tuôn...* trong thơ Tô Thùy Yên (xem tạp chí Hợp Lưu số 7 và số 8/1992).

■ Và Nguyễn Tà Cúc liên hệ vấn đề “người Nam giọng Bắc”, nhận định: “Mỗi địa phương có cái đặc biệt cái xuất sắc riêng. Để tả những xuất sắc, đặc biệt ấy, không có gì tốt hơn, toàn hảo hơn, là dùng những từ ngữ địa phương ấy... Chỉ nên xem xét họ có đích thực, có xứng đáng là nhà thơ hay không như trường hợp Tô Thùy Yên” (xem tạp chí Khởi Hành số 10, tháng 8/1997).

Tiện đây, người viết muốn bổ túc bài báo có nói phớt qua về Tô Thùy Yên, bài “Ma Lực Của Ngôn Ngữ” (trích tạp chí Khởi Hành số 8) chỉ bổ túc vắn tắt bằng cách trích ra đây để phân biệt giữa những câu thơ dùng phương pháp so sánh mới lạ để “bắt mắt” và phương pháp dùng ngôn ngữ với cấu trúc văn phạm thơ bảy chữ nào của Tô Thùy Yên cũng ít nhiều hiện diện những tân kỳ rất nghệ thuật của ông; chỉ trích vài câu tiêu biểu dễ nhận ra, có lẽ không cần trình bày ông đã so sánh như thế nào:

Con chim thoát xác thành cơn mộng
Bay liệng dài trên trí nhớ không

Chó tru, thăm thẳm ngày thiên địa
Mái ngói nghiêng nghiêng trải rụng lần.

Dừng dậy hồn oan dĩ vãng nào
Con chim thần thoại mất khoen sâu

Yêu cả con sâu cùng cái kiến

THƠ BẢY CHỮ CỦA TÔ THÙY YÊN

TRẦN VĂN NAM

Thả hồn theo cỏ lá bung phơi
Con đường duỗi sáng như dao bén
Rọc diễm hồn đêm chẳng kịp la

Rồi trong vô hạn chia lìa miết
Có cuốn theo mình bụi của nhau.

Sau đây, xin cũng lấy vài câu ví dụ về từ ngữ và cấu trúc bình thường không có câu nào có vẻ nằm ngoài quy ước của lời nói dân gian, nhưng chất chứa thủ tính của một tâm hồn thi sĩ. Nhà thơ Tô Thùy Yên từng đồng ý là làm sao đạt tới cái tự nhiên mà rất thơ đó: “*Bạc võ công thượng thừa không để cho thấy chỗ tuyệt tử công phu của mình.*” (Nguyễn Mạnh Trinh phỏng vấn Tô Thùy Yên trong tạp chí *Hợp Lưu* số 24 tháng 9/1995). Vậy ta đừng vạch tìm, vì cái công phu tập luyện của những câu thơ này chỉ nên tiếp nhận bằng cảm kích của tâm hồn:

Con gió mạn mạn bờ bụi rậm
Kể dạo quanh vườn chuyện trống không.

Thằng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trời đứng một mình

Nghe cây dừa ngắt ngó trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tơi.

Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm

Nhật tàn thuốc cũ se thành điệu
Gấm lại đời ta chút khói cay.

Bây giờ ta mới đi thẳng vào vấn đề: tại sao chỉ những bài thơ bảy chữ của Tô Thùy Yên mới dồi dào những ngôn ngữ thơ (gồm ngôn ngữ tân tạo và ngôn ngữ “tuyệt tử công phu” thấy như rất đơn sơ bình thường đó).

Tô Thùy Yên thường sáng tác theo thể thơ mới bảy chữ và thể thơ tự do, nên ta chỉ so sánh để thấy sự dị biệt trong hai thể thơ này. Ông chỉ làm một ít thơ lục bát và vài thể thơ khác.

Trong thơ tự do, có lẽ rất thưa thớt hình ảnh tân tạo theo phương pháp so sánh, và cũng không nhiều những ngôn ngữ mới lạ do hoán chuyển từ-loại hoặc dùng tính từ trạng từ ngoài quy ước văn phạm. Trái lại, hầu như bài thơ bảy chữ nào của Tô Thùy Yên cũng thấp thoáng hiện diện ít nhiều ngôn ngữ thơ như vậy. Phải chăng mỗi nhà thơ chỉ tương đắc với một thể thơ mà thôi. Điều này thực sự không đúng khi ta kiểm điểm các thể thơ đã dùng của các nhà thơ nổi tiếng khác.

Chỉ khi nào đụng chạm đến thể thơ tự do thì mới nảy ra vấn đề tương đắc hay không tương đắc. Ta thử đặt giả thuyết đối với thơ Tô Thùy Yên nói riêng, và đối với các nhà thơ đã từng làm thơ tự do mà không được đắc ý.

Giả thuyết như sau: Nhà thơ Tô Thùy Yên chỉ tương đắc với thể thơ có khuôn khổ tương đối, nghĩa là không phải khuôn khổ quá trói buộc, đó là thể thơ bảy chữ theo lối thơ mới, có hạn chế mà cũng tự do.

Ta so sánh điều này như một chiếc điều giấy cần phải có sợi giây nắm lại thì mới no gió mà bốc cao, vì vu trên bầu trời. Nếu cắt giây, nghĩa là quá tự do, thì nó lại đâm nhào xuống đất.

Một so sánh cụ thể nữa: khi có nắng ban mai mà một vôi nước bắn vào bức tường cản trở, nước sẽ dội lại tung tóe với hơi nước tỏa ra tạo thành ngũ sắc cầu vồng. Nếu không có bức tường cản trở thì vôi nước sẽ rơi vào trống không, sáng tạo không có dịp phát huy. Gặp giới hạn tương đối (số chữ, số câu, nhạc tính), nhà thơ “uốn nắn” tâm hồn để diễn tả cho đạt tứ thơ, nảy ra sự sáng tạo những lời thi cảm (mỹ cảm, linh cảm, tình cảm). Nhưng không phải tâm hồn ai cũng sáng tạo được ngũ sắc cầu vồng. Cho dù có bức tường ngăn cản làm “đà xuất phát” thì cũng chẳng khác bốn bức tường kín bưng nhốt lại tâm hồn thơ nghèo nàn của họ.

Giả thuyết “khuôn khổ giới hạn tương đối” chỉ có tính cách chủ quan của người viết bài này, khi nhận thấy sự dồi dào về ngôn ngữ sáng tạo (tân kỳ hoặc đơn sơ tuyệt kỳ) trong thơ bảy chữ, nghĩa là chỉ lưu ý về hình thức văn chương. Biết đâu có những nội dung lớn hoặc ngôn ngữ sáng tạo theo những cách khác nữa mà ta chưa nhận ra trong thơ tự do của ông. Nói về nội dung thì cũng là chạm tới vấn đề sâu rộng cần phải viết thành một bài dài hay cả một cuốn sách, ngoài giới hạn tự đặt ra ngay từ đầu. Nhưng nhân đây, ta cũng có thể liệt kê một số nội dung có lẽ ai cũng nhận ra qua các bài thơ mà phần lớn là thơ bảy chữ của Tô Thùy Yên:

■ Tư tưởng đau lòng cuộc chiến tranh (như bài: Qua Sông, Anh Hùng Tận, Chiều Trên Phố Tam Giang)

■ Tư tưởng về nhân thể mang chất hiền triết Đông Phương (như bài: Ta Trở Lại Gian Nhà Cổ; Tưởng Tượng Ta Về Nơi Bần Trách; Em Nhỏ, Làm Chi Chim Biển Bắc; Trường Sa Hãnh).

■ Tư tưởng hoài cảm thời thế đổi thay nhưng cũng hé lộ sự lạc quan về tình người muôn thuở (như bài: Mùa Hận, Tàu Đêm, Ta Về, Nỗi Đợi).

Nói theo nhà văn Võ Phiến, tác phẩm lớn thường nghiêng về đề tài siêu hình, như “NAM HOA KINH” của Trang Tử, “DIỆCH HẠCH” của Camus, “BÁN LINH HỒN CHO QUÝ” của Goethe... Nhà văn nhắc đến làm ta nhớ lại truyện phim “ĐỊA NGỤC MÔN”, đây cũng là tác phẩm siêu hình nhưng cuối cùng nhân vật tỉnh ngộ không theo

về với quỷ: “*Đêm qua anh võ sĩ dạo đi vào Địa Ngục Môn với ý nghĩ giết người thì hôm nay bước ra khỏi Địa Ngục Môn với áo nhà sư*” (trong “VĂN HỌC PHÂN TÍCH TOÀN THƯ” của Thạch Trung Giả, trang 529). Một bài thơ của Tô Thùy Yên, bài “Trường Sa Hãnh”, cũng mấp mé ở biên bờ siêu hình đó.

Ta đang bàn về thể thơ, về sáng tạo ngôn ngữ thơ, nghiêng về mỹ cảm của hình thức văn chương. Ta cũng mới lướt qua về nội dung tư tưởng. Hình như ta ít nói về tình cảm trong thơ. Vậy thì xin nói luôn: theo thiên ý thì bài thơ “Tàu Đêm” của nhà thơ Tô Thùy Yên làm ta cảm động hơn hết. Hình như chuyến tàu xe lửa nào cũng buồn. Nhưng chuyến tàu trong bài thơ “Vu Vơ” của Tế Hanh, hoặc “Chuyến Tàu Đêm” của Nguyễn Bính là những nỗi buồn biệt ly thông thường thời bình yên, đi làm ăn tạm thời xa nhau. Cái buồn trong bài thơ “Tàu Đêm” của Tô Thùy Yên lắng đọng hơn nhiều:

Tàu đi khoan xoay sâu đêm thép
Tiếng nghiêng ghế người, thức lửa sa!
Lịch sử đường như rất vội vã
Tàu không đỗ lại các ga qua.

Ôi những nhà ga rất cổ xưa
Đường như ta đã thấy bao giờ
Đến nay, người giữ ga còn đứng
Đèn báo đông đưa chút sáng mờ.

Tàu qua những ruộng đồng châu thổ
Hiu hắt làng xa mấy chấm đen
Đêm ở nơi đây buồn lặng lặng
Cái buồn trải nặng mặt bằng đen.

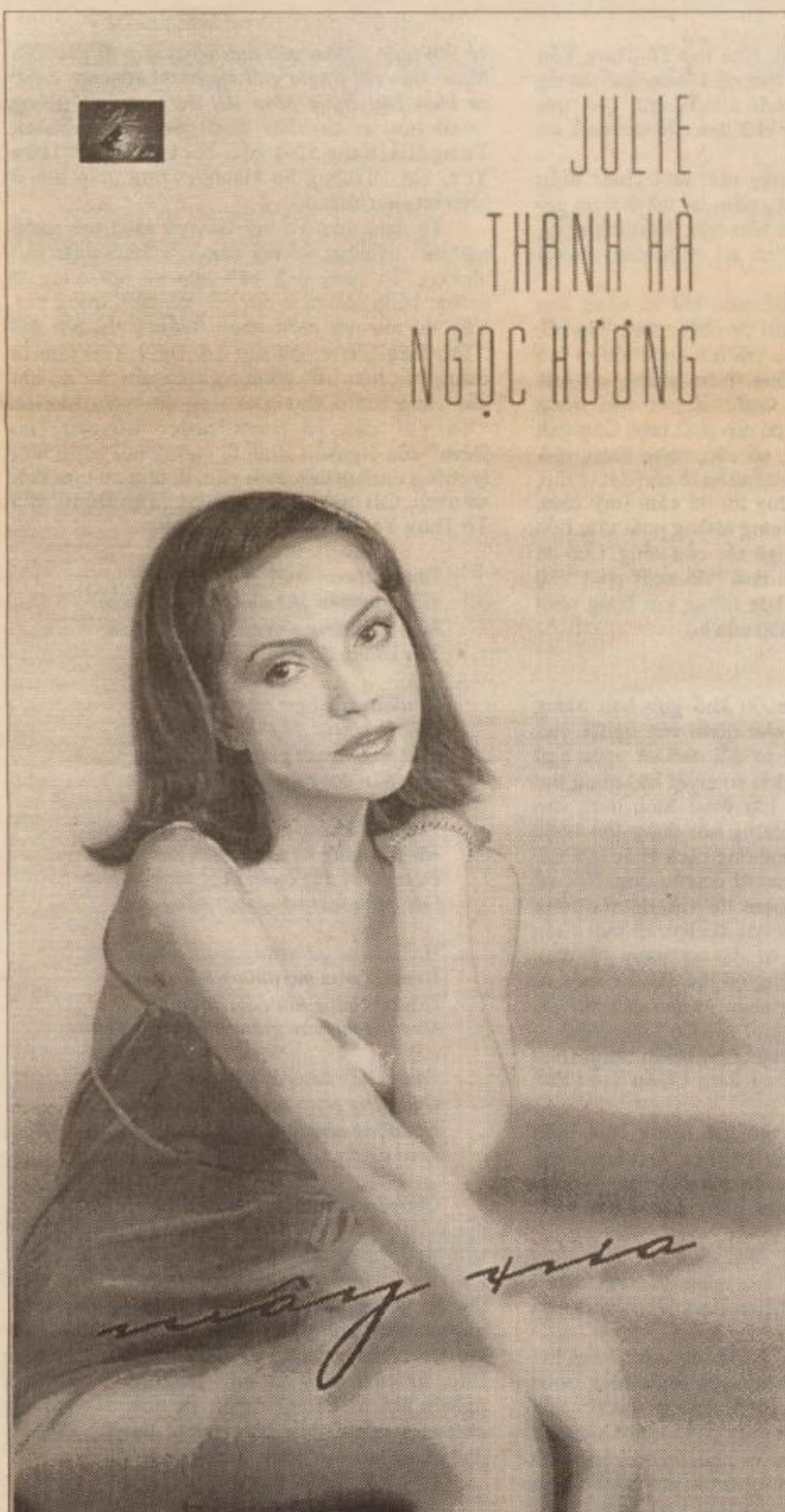
Hỡi cô con gái trắng mười bốn
Đêm có nằm mơ những hội xuân
Đời có chẳng lần cam đối mẹ
Nhớ thương nào giấu thắm vành khăn?

Tàu ơi hãy kéo còi liên tục
Cho tiếng rên vang dậy địa cầu
Lay động những tầng mê sảng tối
Loài người hãy thức, thức cùng nhau.

Chuyến Tàu Đêm chở đoàn tù biệt xứ đi ra ngoài Bắc qua thơ Tô Thùy Yên như một lời trần trối, thấy ngày mai vô định. Với viễn tượng đi tới cuối đời nên trong đó pha trộn hoài niệm thời thơ ấu, niềm vui nơi thành phố đông đúc xưa, một chút trữ tình gợi nhớ những lời hát dân gian khi tàu chạy qua các làng mạc im lìm ở ngoài Bắc, tự cảm thấy là một phần tử trên bánh nghiêng lịch sử, kêu gọi nhân thể thức dậy vì hình như mọi người đều lãng quên chuyến tàu vô định đang lao vào bóng đêm. ■

MÓN QUÀ VĂN NGHỆ GIÁNG SINH
BÀ GIONG CA NỮ TRUYỀN CẨM
MỘT ĐĨA NHẠC HAY

Mây Xưa



NHẠC PHẨM CHỌN LỌC

1. NGỌC HƯƠNG ■ GIỌT NẮNG BÊN THỀM
THANH TÙNG
2. THANH HÀ ■ THU QUYẾN RŨ
ĐOÀN CHUẨN TỬ LINH
3. JULIE ■ MONG MẠNH
nhạc ngoại quốc lời Vũ Xuân Hùng
4. NGỌC HƯƠNG, TÌNH ĐIỀN
nhạc ngoại quốc lời Khúc Lan
5. JULIE ■ TÔI RU EM NGỦ
TRỊNH CÔNG SƠN
6. THANH HÀ ■ MÂY XƯA
PHÚ QUANG
7. JULIE ■ MỘNG DƯỚI HOA
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG
8. NGỌC HƯƠNG ■ YÊU
nhạc ngoại quốc lời Khúc Lan
9. THANH HÀ ■ MÙA THU MÂY NGÀN
TỪ CÔNG PHỤNG
10. JULIE ■ TÌM EM
nhạc ngoại quốc lời Quốc Dũng

BÍCH THU VÂN

9200 BOLSA AVE. SUITE 137-138
WESTMINSTER, CA. 92683
trong khu Phúc Lộc Thọ

714. 897.4519

CĂN NHÀ Ở NGÃ BA CÂY THỊ

NGUYỄN TRUNG DŨNG

1. *Dây bữa trà trong thành đá xanh Ngồi uống trà dăm ông mặt nghệ*

Đoạn thơ này của Nguyễn Xuân Thiệp trong bài Trà Oán. Thành đá xanh đứng ra đây chỉ là trại tù. T6. Nằm lọt trong vùng đất chết, T6 thuộc huyện Thanh Chương ở Nghệ Tĩnh. Từ Vinh muốn vào T6 có đường độc đạo. Đường đó đất bụi đỏ, dẻo quánh dính sệt vào mùa mưa lũ, có đoạn bờ lượn lòng vòng sườn dốc đồi. Đồi có đồi trọc, đồi cây thưa và thấp, đồi trồng những gốc trà khẳng khuỷu khi lá đã rụng sạch. Và, Thanh Chương T6 đến Nam Đàn cách đó không xa. Năm dê vỡ, nước đổ qua trại tù chảy siết như thác cuộn, sân và phòng ốc nhà cửa trong trại lênh láng rồi dâng lên ngang cổ. Ngày ấy, tù bị nhốt đi tản lên đồi, bơi như le như vịt.

Ngồi uống trà dăm ông mặt nghệ, chữ "mặt nghệ" nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp dùng ở đây ám chỉ số dăm ba nhà văn thi sĩ "găm một mối cạm hờn trong cũi sắt" sau đợt chuyển trại về nhốt tại T6. Điểm danh có cụ Hà Thượng Nhân, ông Vũ Đức Nghiêm, Nguyễn Xuân Thiệp và nhà thơ Tô Thùy Yên.

Ở trại nội qui cấm "quan hệ", quen nhau trước, biết tù cùng nơi, bạn bè cũng ngại bị phiền phức không qua lại gặp được. Gặp chỉ gặp qua cái nhìn, cái gật đầu mỗi khi ngồi trên sân trại chờ lệnh xuất phát lao động hay đội này dựng đội nọ trên đường ra ruộng rẫy.

Sau này cái nội qui đó được tù tự coi trời, răn mở vòng thất, tự do "quan hệ" để gặp nhau thoải mái để chịu hơn. Đây là lúc cơ hội để mấy ông "mặt nghệ" tùm tùm ngồi ẩm trà nếu có trà, ngấm kẹo nếu kiếm ra kẹo, mút mát mảnh đường hình móng ngựa nếu có thăm nuôi và cổ gân kéo khói thuốc lờ lờ chuyện thơ văn vụn vặt.

Trước 75, tôi chưa quen Tô Thùy Yên. Đọc báo thì thấy thơ đăng rải rác trên tạp chí xuất bản thời đó. Cùng tù một trại, bữa đó nhà thơ Tô Thùy Yên có thể nuôi, mở bữa tiệc nho nhỏ gọi là để khoản đãi dăm ba bạn thơ văn quen biết ít ỏi ngồi dựng miệng. Có lẽ qua lời bỏ nhỏ của cụ Hà Thượng Nhân, nói rằng tôi cũng viết lách, tôi được gọi lên ngồi cùng ăn uống. Bấy giờ, chân bị nứt cửa đứt nhượng hời ở Hoàng Liên Sơn, chuyển về T6, tôi được liệt vào loại già yếu bệnh tật, xung vào đội làm việc nhẹ như đan lát, gánh nước tiểu, quét sân, làm cỏ quanh quần sân trại tù.

Cái bữa được mời ăn do nhà thơ Tô Thùy Yên đãi ăn trên hội trường, lại đúng cái bữa chủ nhật nghỉ lao động, nhưng quần giáo đội cắt tôi ngồi trông coi vườn cải. Vườn cải đất kẹt giữa hai bức tường ngang rộng chẳng là bao. Đếm gốc thì gốc chỉ chừng hai ba chục gốc. Vườn nằm giữa nhà biệt giam và đội già yếu bệnh tật. Sau vườn là hàng rào kẽm gai có đường rãnh thoát nước, có tường đá thành vách cao. Cắt coi cải ấy là bởi cải bắp đã mở cánh tới kỳ muốn ăn có thể thu hoạch lấy về để ăn. Cải cứ bị mất cắp nên quần giáo trực tiếp của đội đã nhờ đầu tôi cắt cái việc ngồi coi cải. Bị mất cắp thì thủ phạm chẳng ai khác ngoài mấy tay cán bộ chơi nhau bề trộm để "cải thiện tinh thần", chứ tù bố có bảo cũng không dám chui rào mà vào bề trộm.

Nghe gọi lên ăn, tôi cũng ngại vì e lúc bỏ đi vắng mặt, cải bị lấy cắp, lên làm việc hay quần giáo sai xề xề rằng lỗi thời có chuyện. Nhưng rồi tôi cũng kệ cải với bắp ở vườn, chuẩn một mách lên góp mặt chung vui với anh em. Đây là buổi đầu tôi biết nhà thơ Tô Thùy Yên và quen anh từ đó.

2.

Cũng từ đó thành lệ, mỗi lần gặp hôm mưa đình đồn lao động, gặp ngày chủ nhật hay lễ lớn bắt xuất ruộng đồng cấy cuốc, "dăm ba ông mặt nghệ" lại cụm ngồi nhấm nhách chuyện thơ văn. Bài *Tàu Đêm* của nhà thơ Tô Thùy Yên được lén lút truyền tay nhau đọc. Kỹ và kín ngồi mạn đàm thơ văn đến thế, kẻ coi tù vẫn đánh hơi nghe tin bọn làm thơ có thơ chống phá Cách Mạng. Một bữa nhà thơ Tô Thùy Yên xuất trại lao động ngoài ruộng đồng, cán bộ trực ban xục vào đội lôi tư trang túi xách của ông xuống khám. Bởi tung bởi tọc, vỡ được cái bản đồ, một bài thơ chữ Hán, một bài thơ vừa làm, ông bị kêu lên làm việc. Biệt giam và cắt thăm nuôi ba tháng. Đây là cái án ông lãnh sau cái màn xét phòng lục đồ rồi vô phòng "cách ly" nằm cùm.

Thuở ấy cụ Hà Thượng Nhân cũng chỉ vì mấy câu thơ vô tình bỏ túi mà mắc nạn. Có kẻ ghét báo quần giáo, khám túi lục quần cụ lôi ra mảnh giấy có đoạn ghi:

*Bố thương con lắm bé thơ ơi
Con mang dép ngược bố la hoài
Ở đây chân trái là chân phải
Chân lý học hoài cũng thế thôi.*

Ở tù, cái tóc là cái tội. Muốn kết tội thì tội gì cũng là tội cả. Làm thơ văn thuộc về tư tưởng, Cách Mạng không ưa tư tưởng ngược nên cứ là thơ không ca tụng Nhà nước và Đảng, ca tụng Bác, thơ đó đều được liệt vào loại phản động.

Nhà thơ Hà Thượng Nhân và Tô Thùy Yên vì làm thơ "vô ca bất phục Đảng" nên đã bị liệt vào loại phản động thì chỉ có cùm, có cách tức là biệt giam.

Thế nhưng cùm cách thì cùm cách, thời gian ở T6 bọn "mặt nghệ" vẫn cứ đàn đúm trà thơ rồi lại trà thơ đàn đúm vui ra phết. Từ cái không khí bất phục phản đó đã phóng thơ ầm ầm như sóng vỗ khi cảm hứng phun ra lửa từ lòng quả núi diễm sơn của những nhà thơ ở tù.

3.

Đợt phóng thích kẻ ra trước, người ở lại rồi cũng khăn gói ra sau. Nhà thơ Hà Thượng Nhân trở về ngôi nhà cũ trong hẻm đường vô ngoắt ngoéo quanh co. Vắn cây ngọc lan mọc cao thẳng tắp với hoa trắng ngần hình cái bút lông và mùi thơm thoang thoang đêm tối trời có vầng trăng rực rỡ sáng. Nhà thơ Tô Thùy Yên sau đó cũng "Ta Về" nơi mình ở.

*Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay*

Ta ở đây hiện thân là nhà thơ Tô Thùy Yên. Về là về nơi ông ở có ngôi nhà mái ngói và đất trồng cây ăn trái hoa cảnh. Mặt tiền cây hoa sứ trắng thân gốc sọc máu lồi lõm, thịt da mốc thối màu con trăn, cành nhánh khẳng khiu khô đét như xương cánh tay người chết. Bò lên bò xuống sâu lông đen ăn rở lá và thấy kiến đỏ rớt rít chạy lằng xằng.

Ở ngôi nhà này, đã có những buổi ăn nhậu đàn đúm với dăm ba nhà văn nhà thơ kéo đến tụ tập. Vẫn chỉ là thi ca và uống rượu đi kèm vài đĩa thịt thà cá muối. Ăn uống, mạn đàm, vui có lúc quên tất tật nhưng nhớ vẫn nơm nớp sợ cái bất thành linh, cái ủa vào đột ngột của kẻ rình rập, ẩn núp đầu đó ở bên ngoài ập vào bất ngờ cùm còng cở dăm.

Nhớ có lần, bàn ghế trong phòng khách được dọn, nền nhà trải cái chiếu hoa, có bày ra rượu thịt đủ sẵn cả, nhà thơ mở tiệc đãi khách. Khách có dăm ba ông. Tôi nhớ khách đấy có họa sĩ Đinh Cường, nhà thơ

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN tạp chí **Khởi Hành**

(để được tặng một cuốn sách trị giá tới 12 mk, vui lòng đặt mua tối thiểu 2 năm)

Tôi tên: Điện thoại: (.....).....

Địa chỉ:

Tôi muốn (mua) / (giao hạn) MỘT năm 12 số, từ số đến số

hoặc HAI năm 24 số, từ số đến số

Kèm theo đây là ngân phiếu \$ 24.00 mỹ kim cho một năm

hay \$ 45.00 mỹ kim cho hai năm.

.....ngày.....tháng.....năm 1998

Ký tên.....

Ngoài Hoa Kỳ thêm \$2.00 MK một số cho cước phí bưu điện. (Giá Nã Đại thêm \$1.00 mỹ kim cho một số). Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ MỘT năm trở lên. Mua một số hay vài ba số tính theo giá ngoài bia, cộng thêm bưu phí. (Bưu phí Hoa Kỳ, Giá Nã Đại: 1 MK; Âu châu: 2 MK). ■ Bưu phí cao hơn trước vì Khởi Hành đã tăng thêm 8 trang so với lúc đầu. Còn báo vẫn giữ giá cũ.)

■ Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành P.O. BOX 670, MIDWAY CITY, CA. 92655

Nguyễn Xuân Thiệp, hình như cả Bữa Ý không chắc đúng lắm, và... đã đến dự. Mọi người ai ăn ai uống cứ tự nhiên thoải mái ăn và uống. Và, *Tàu Đêm* được nói đến trong câu chuyện lúc ăn và uống này.

Kể các ông bàn thờ với phú, Đinh Cường đã nằm ngả người duỗi cẳng, đầu đặt lên bàn tay thay gối tựa, đánh một giấc ngủ khi rồi. Bà Tô Thùy Yên ra thấy tội, vào phòng đem ra cái gối quảng cho. Họ sẽ nhận gối kê đầu lại tiếp tục khò khò đánh giấc. Đêm đó chuyện rồn rảng, hào hứng, bốc dừ dội đến độ chẳng ai còn nghĩ cái hiểm họa nó đến bất thình lình, đến không báo trước, đến bất ngờ như trần nhà bỗng khi không sụp.

Tàu Đêm hình như bị chỉ điểm. Khuya đó công an bất ngờ đột nhập tư gia tác giả, lục lọi toàn bộ đồ đạc, kiểm soát phòng ốc, hỏi tới bài thơ. Kiểm bài thơ không ra, lệnh bắt vẫn được thi hành, bắt ông Tô Thùy Yên đem đi biệt tích. Giam nhốt, khảo tra, hạch sách, khép tội, tù chán rồi lại thả.

Ở mãi thế không được, nhà thơ về vài tháng thì vượt biên. Vượt biên không được, bị bắt ông lại vô tù. Từ lần này, tinh thần nhà thơ xuống thấp lắm. Thấp có nghĩa là tuyệt vọng. Ở cái "conex" có cửa đủ vừa dứt tở bát thức ăn, lon công nước, Tô Thùy Yên cuống trí, đập bẻ miếng cái bát sành có cạnh sắc, nhà thơ kê cổ tay nơi có đường động mạch mà cắn cho đứt. Cứa rồi máu ra, ông nằm trong trạng thái mê man ngất xỉu. Phát hiện ông tự tử, quân giáo trại đưa thẳng ông đến bệnh viện điều trị.

Ngày nhà thơ được thả về, tôi được nghe ông kể lại chuyện cửa đứt động mạch cổ tay ấy. Cái lần ghé nhà ngồi nghe ông Tô Thùy Yên nói, mắt tôi như cái máy ảnh chụp cái ảnh được in lên tấm giấy với hình dung và vóc dáng của nhà thơ. Đầu tóc ông để bờm xồm, râu ria mọc lờm chờm, mắt lũng quầng tối, má hóp lúm, lợi trơ không răng, nom ông xơ xác tiêu tụy kinh khiếp lắm. Ông lúc đó đem so với cây hoa sứ già sâu ẩn kiến đục thì cây cũng như ông chỉ là một. Xum, ông không xum vì sau đó vài năm, nhà thơ đã già từ miệt đất Ngã Ba Cây Thị có ngôi nhà nhỏ và vườn cây rợp bóng để đi Hoa Kỳ. Đáp xuống Minnesota, Tô Thùy Yên đã chọn vùng đất đó để tạm dung thân trong quãng đời lưu vong xa xứ.

4.

Cuối bài này là đoản bút ký ngắn ghi lại bữa nhậu thịt chó ở nhà thi sĩ Hà Thượng Nhân có nhà thơ Tô Thùy Yên đến dự, xin được dùng để kết thúc bài viết.

"Nhà ở trong ngõ. Đường vào ngõ gồ ghề lồi lõm ổ gà, nứt nẻ kẻ rãnh vì đường lần năm mưa sỏi mòn, xe qua lại tàn phá, tu bổ sửa chữa thì không. Cái xóm ngõ đó vắng vẻ và yên tĩnh. Tường vách nhà cửa hướng lưng ra mặt lộ, từ ngã phố chạy vào hẻm cụt, ngả nghiêng lênh khênh như trong bức họa cảnh cổ tình quết quạt về thế.

Ngôi nhà của Hà thi sĩ có lầu. Cửa có cửa sắt hai cánh lớn. Cửa đó cao hơn đầu người, đóng thường xuyên trừ khi ra vô hay có khách tới nhà gõ gõ gọi mở. Lầu năm rồi, cây ngọc lan gốc bự, cành lá vượt trên mái ngôi nhà hai tầng ở phía trước nhà, tới mùa hoa ngọc lan khai búp, hương hoa thơm lắm. Mùi thơm đó ngửi mới cảm được cái hương lạ lùng của hoa ngọc lan, mới thấy được cái kỳ diệu của Trời Đất sinh ra loại mộc thảo nở cái búp trắng bong bóc, mịn và mượt, giống hình cái bút lông nho nhỏ nhọn đầu.

Đêm tối có trăng, ngồi nhấm trà hay uống chun chút rượu lấy hơi nóng ấm người, ngó trời, nhìn lên tàng lá cây ngọc lan, thấy những điểm trắng trắng của cánh hoa ấy, ngửi thoang thoang mùi hương như pha loãng trong hơi sương, thích lắm.

Hoa mà mãi mê nói mãi thì quên khuấy nói chuyện cái bữa nhậu. Nhậu ở nhà cụ Hà Thượng Nhân. Xâm xắm tối đó, tôi được cụ gọi tới uống rượu ăn thịt cầy. Bảo: "Có Hữu Loan, mời cả Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên với Nguyễn Xuân Thiệp đến".

Khách một dúm bốn năm ông. Toàn là bạn bè thân tình và làm thơ cả. Sân nhà trải rộng cái chiếu cời, có thịt chó bày ra, có chai rượu chưa khai để sẵn, khách xếp chân ngồi xuống nhậu tiệc.

Từ miền Bắc, nhân ghé vào Nam, nhà thơ Hữu Loan không quên người bạn cũ là cụ Hà. Nhân đấy, cụ khoản đãi khách xa mời luôn dăm ba ông cận tình quen biết tới cụm.

Bữa nhậu nhậu. Đũa được cầm, bát chén được bưng, thịt được gắp, rượu được uống, và qua kính cửa, ngoài khu sân bằng

bạc mẫu của ánh trăng sáng sáng.

Bất cứ ở đâu và trong bữa ăn uống nào, ngồi giữa bạn bè văn thơ đàn đúm, nhà thơ Thanh Tâm Tuyền thường ít dụng dũa gắp món mà thích bàn bạc thảo luận hơn là ăn. Bữa nay cũng vậy, ông trầm ngâm nhìn xuống chiếu nhậu, bất chợt lên tiếng hỏi ông Hữu Loan:

"Dưới cái nhìn của anh, anh nhận xét nền văn chương ở miền Nam thấy nó ra sao".

Không đi thẳng vào câu hỏi của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, ông Hữu Loan hơi bực bề vịn lại:

"Anh nói thế xin xác nhận anh hỏi tôi với tư cách cá nhân tôi hay tôi với tư cách đại diện cho chính quyền để trả lời cái câu đó".

Lạnh ngắt và nặng nề nhưng không hề có ác ý, ông Thanh Tâm Tuyền đã đáp gọn lỏn:

"Cả hai".

Câu đó bỗng làm ông Hữu Loan đứng. Hiểu theo cách hiểu của ông, ông đã nghĩ nhà thơ Thanh Tâm Tuyền ngầm liệt mình đứng về thế đứng của người theo phe Nhà Nước tức là đối nghịch để đến đây ngồi và nói chuyện văn thơ. Cái nghĩ đúng mà lại là sai đó đã làm mặt nhà thơ tối sầm, nói tức lắm:

"Sao lại nói thế. Tôi tưởng trước khi anh đặt ra câu hỏi như thế đó, phần nào anh đã hiểu rõ về tôi chứ. Đến đây với các anh, tôi chẳng đại diện cho ai và cho bất cứ cái gì mà đến với cá nhân chính của tôi. Chính của tôi".

Dứt lời, nhà thơ Hữu Loan vùng đứng dậy. Đứng dậy rồi bỏ vào nhà. Trước khi bước hẳn vào nhà, ông còn ném thêm một câu vớt vát cho hả dạ:

"Tôi cứ tưởng các anh là nhà thơ lớn. Hóa ra lại tẻ. Chẳng cần thảo với luận gì cả. Và, tôi...tôi cóc chơi với các anh".

Nhà thơ Hà Thượng Nhân thực sự bối rối. Cũng rời chiếu nhậu, cụ đứng dậy theo chân bước theo Hữu Loan. Một chập, hai người mới lại quay ra, ngồi nhậu tiếp. Về mặt nhà thơ Hữu Loan bớt tai tái, cơn giận đã qua đi.

Nhưng không khí chiếu nhậu trùng vờng, không quá căng thẳng nặng nề, rõ ràng lời nói cử động của mọi người đã mất sự thoải mái tự nhiên. Ở suốt bữa tiệc này, nhà thơ Tô Thùy Yên nói rất ít. Sự đóng góp có giới hạn, có chừng mực khi cần hơn là những lần ông ồn ào bốc vui ở nơi này nơi khác đã có.

Khuya sâu. Trăng sáng vẫn sáng. Hương hoa ngọc lan tỏa mùi thơm vẫn thơm. Nhưng bữa nhậu đó đã khựng và tẻ ngắt như một cái pháo lép nổ hết rồi tịt.

Một người đứng dậy cáo về. Đó là nhà thơ Thanh Tâm Tuyền rời chiếu nhậu. Một người khác nhòm dậy xin đi, đó là nhà thơ Tô Thùy Yên. Đường ngõ vắng và tĩnh, bỗng chốc nghe lạo xạo vỏ bánh lộp cạ cạ trên mặt đá dăm, tiếng giấy xên vờng khô mỡ cạ sạt sạt trong cái miếng sắt che xích.

*Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá,
Vây mà ta sống có kỳ không
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm*

Đấy là một đoạn trong bài "Hề, ta trở lại gian nhà cỏ" của nhà thơ Tô Thùy Yên lấy để tạm kết cho bài viết này. ■

10.98

TRUNG TÂM BĂNG NHẠC ASIA HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

2 CD & CASSETTE ĐẶC SẮC MỖI PHÁT HÀNH

Tuyển tập:
 Những nhạc
 phẩm lấy lòng
 thời chinh chiến
 Và:
 Những giọng
 ca đang được
 ưa chuộng nhất.



ALBUM ĐẦU TIÊN của
TRISH
 MỘT GIỌNG CA TRẺ ĐANG ĐƯỢC CÁC BẠN TRẺ YÊU CHUỘNG.

HÃY TÌM MUA Ở CÁC ĐẠI LÝ KHẮP NƠI

ASIA ENTERTIANMENT, INC.

12832 Garden Grove Blvd., Suite C&D Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-3002 Retail Store: (714) 775-8264 Fax: (714) 636-4014 Toll Free: (800) 345-7047

WebSite: www.trungtamasia.com E-mail: asia@trungtamasia.com



TỜ BÁO, BAN ĐỌC TÂM THƯ

Thư nhận được từ ngày 3.11 tới hết ngày 2.12.98, là ngày khuôn báo đưa qua nhà in. Trong không thời gian nói trên, chúng tôi đã nhận được chi phiếu mua đơn hạn Khởi Hành của quý vị có tên dưới đây:

—NGUYỄN THỊ NGUYỄN HẢO (TX, 2 năm) - TUAN VAN LE (AZ, 1 năm) - PHẠM MẠNH LƯƠNG (CA, 1 năm) - TRẦN NAM CA (CA, 1 năm) - NGUYỄN THỊ DIỆU TÂM (FL, 1 năm) - BS NGUYỄN TƯỜNG BÁCH (CA, 1 năm) - HẢI PHƯƠNG (CA, 1 năm) - HỒNG NGÔ (NE, 2 năm) - HOÀNG LÊ (TX, 1 năm) - NGUYỄN THANH HÙNG (TX, 2 năm lẻ) - RICHARD LÊ (RI, 2 năm từ 1 đến 24) - TT LINH QUANG VIÊN (VA, 1 năm) - CỤ LÊ HỮU ĐẢN (CA, 1 năm) - CÔ NGỌC LAN (NC, 1 năm) - NGUYỄN THANH (CA, 1 năm từ 1 đến 12) - HOÀNG THỊ TRANG by L (CA, 1 năm) - BÙI LUÂN (CA, 3 năm) - NGUYỄN SỸ HIỆP (CA, 1 năm) - Ông Bà TẤT ĐẮC HỒNG LOAN (FL, 2 năm) - TRƯƠNG DIỆP (CA, 3 năm) - KHOAN VĂN LÊ (NE, 1 năm) - TRẦN ANH TUẤN (CA, 2 năm) - GS TRẦN QUANG THUẬN (CA, 2 năm từ số 1 đến số 24) - TINH T NGUYỄN (VA, 1 năm) - TRẦN MINH LỢI (CA, 3 năm) - Chị BÙI B HẢ (CA, 1 năm) - HỒ ĐĂNG LÔ (TX, 3 năm) - BS NGUYỄN MẠNH (CA, 3 năm) - CỤ ĐÀO DƯƠNG (CA, 1 năm). Trân trọng cảm ơn quý vị.

Khởi Hành số Bùi Giáng (số trước, 25, tháng 11.98) chúng tôi đã mang ra bưu điện gửi đi tất cả vào ngày 5.11.98, song không biết do một trục trặc nào, có một số quý bạn đọc dài hạn đã không nhận được báo, hoặc nhận được quá trễ so với thường lệ, mặc dù trong tháng 11, chỉ có một ngày lễ Tạ Ơn. Chúng tôi đặc biệt nhận được điện thoại từ Arizona, Houston, và Massachussetts. Ngay khi đó, chúng tôi đã gửi bù bằng bưu phí hạng nhất (1 mỹ kim 1 xu).

Do việc báo phát hành vào giữa tháng, dự trù bưu điện đi mất 10 ngày, nên chúng tôi cho rằng báo gửi đi vào ngày 05 là kịp. Nhưng thực tế là nhiều nơi đến trễ hơn ngày 15 (là ngày báo bày bán tại các tiệm sách). Riêng số này, tháng Noel, có thể cũng chậm như vậy. Hy vọng là không, vì báo sẽ được mang ra bưu điện vào ngày mồng 5 là chậm lắm.

Sau khi phân nân với Bưu điện Trung ương, chúng tôi cũng tìm ra một lý do. Lý do đó quý bạn có thể nhận ra, khi nhìn lại

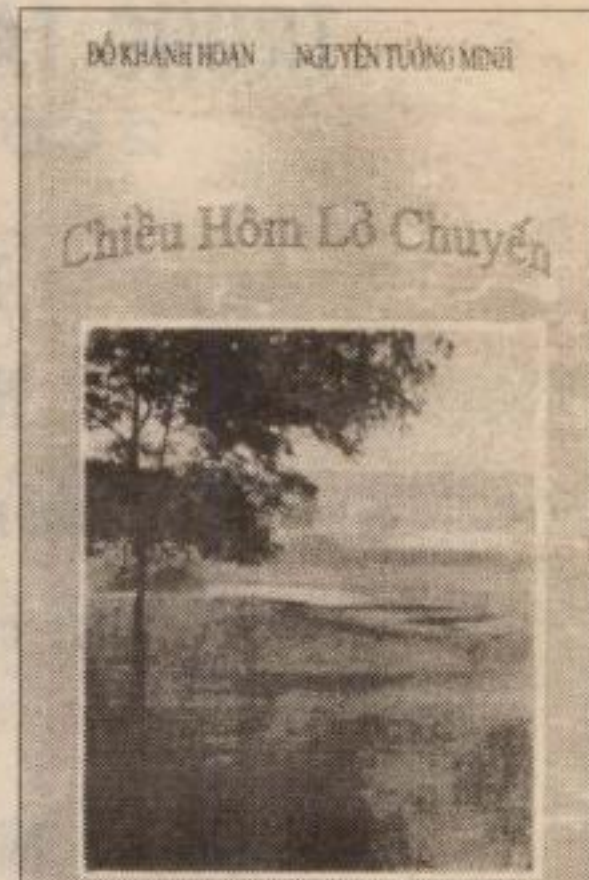
bìa sau Khởi Hành số này: cần có chữ Anh, cho mấy ông bà bưu tín viên Mỹ đọc được. Nhiều khi cầm một thứ họ không đọc được, họ lại tưởng là xấp quảng cáo mà tuần nào chúng ta cũng nhận được trong hộp thư của mình! Đành vậy.

LƯU Ý THÂN HỮU TỚI THĂM: Một số thân hữu từ xa tới Little Saigon thường ghé thăm Tòa soạn Khởi Hành, xin lưu ý: Khởi Hành phải dọn tòa soạn trước ngày 15 tháng 12, do việc một tên gian thương vừa mua nguyên khu nhà đất bên tay phải Phúc Lộc Thọ, trong có tòa soạn Khởi Hành, và tăng giá nhà lên 100%, cộng ba tháng tiền đặt cọc. Giá đất chỗ này lên tới 2 mỹ kim 20 xu một bộ vuông, và đồng bào buồn xối ở thì đang năn nỉ nhào vô mượn. Mọi liên lạc in qua Hộp thư 670.

—Ông NGUYỄN HUY THỨ, NV. Chúng tôi đã gửi báo cho ông về địa chỉ mới, từ số 17, bằng đường ưu tiên. Nếu ông đã nhận được vui lòng cho biết. Mong tin ông.

—TUYẾT MAI BOOKSTORE, Oklahoma. Đã nhận được chi phiếu của cô. Gửi cô 30 số, bán được 29 số, là điều chúng tôi không ngờ. Cảm ơn lắm.

—VAN BOOKSTORE, Sacramento. Chúng tôi đã nhận được chi phiếu Anh gửi cho. Khởi Hành gửi anh số nào bán hết số ấy, 100%, liên tiếp trong 6 tháng qua, mình ráng chạy marathon kiểu này thì vui lắm. Chúng tôi làm báo đã nhiều, nhưng chưa lần nào làm báo bán chạy như bây giờ.



Ngay tại quận Cam là nơi đầy báo biển, và có tới 5 tiệm sách, Khởi Hành cũng bán trên 75% số gửi cho các tiệm. Tiệm Sách Văn Khoa của giáo sư Đỗ Đình Tuấn và tiệm Thiệp Hồng bán 100%, thường chúng tôi phải đưa báo ra lần thứ hai.

—TRANG VIDEO & BOOKSTORE, OR. Cô là nhà sách đầu tiên đã liên lạc về. Cảm ơn lắm. Gửi 50 số, bán được 39 số cũng là được rồi. Những số sắp tới sẽ cố gắng làm hay hơn.

—Anh PHẠM XUÂN HY (BA LÊ). Lại nhận được truyện Liên Trai của Bạch Diện Thư Sinh. Sẽ đăng vào số tới, mở đầu năm 1999. Ban làm ơn cho tôi cái địa chỉ của họa sĩ Phạm Tăng. Tôi không biết ảnh còn ở cái căn chung cư mà tôi đã tới cùng bạn chẳng? Dù sao tôi bỏ mất rồi. Để xin anh cái bài thơ mà anh đã đọc ở Đào Viên. Tôi thích bài ấy.

—Các bạn HÀ THỨC SINH, LINH LINH NGỌC, TRẦN YÊN HÒA, NGUYỄN XUÂN THIỆP: Truyện ngắn các bạn gửi cho sẽ đăng từ số sau.

—Anh LÂM CHUÔNG (Mass). Gửi truyện thì đăng truyện, gửi thơ thì đăng thơ. Nghe nói thơ Khởi Hành nhiều lắm thì cũng đúng rồi, nhưng cứ gửi chứ. Năm nay Anh nên in một tập truyện ngắn.

—Anh THÁI TÚ HẠP. Anh gọi vào khoảng 3 giờ chiều, nhưng cũng sắp chuyển trại rồi. Có trục trặc thật: tôi vẫn gửi báo cho Anh, mà sao anh không nhận được. Cảm ơn cái bài viết trên báo của anh.

Nguyệt San Việt Nam

*Tình hình đất nước sắp chuyển mình!
Hãy đọc Nguyệt San Việt Nam.*



Việt Nam

tiếng nói của nhóm Freedom for Vietnam

thông tin - văn học - thời sự - bình luận chính trị
P.O. Box 74013, Hillcrest Park PO
Vancouver, BC - V5V 5C8 - CANADA
Phone/Fax : 604.879.1179

- Tạp chí văn học đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do, phát hành hàng tháng trên toàn thế giới.
- Tin tức chính trị, bình luận chính trị, tham luận chính trị, phẩm chính trị, tạp ghi chính trị, thơ chiến đấu... tất cả ào ạt tập trung vào tư huyết của chế độ tà quyền Mác Xít Hà Nội.
- Tô báo của những ai còn nặng lòng với quê hương Việt Nam bất hạnh.
- Một tạp chí văn học đấu tranh hiến hoi vươn lên từ những đóm lửa lưu vong còn bốc cháy 23 năm sau ngày khổ nạn 30.04.75, trong thời điểm tình hình chính trị Việt Nam sắp chuyển mình.

Giá bán: 50 đô la Mỹ/năm (cho độc giả ở Hoa Kỳ)
50 đô la Canada/ năm (cho độc giả ở Canada)
55 đô la Mỹ/ năm (cho độc giả các châu khác)
Báo được gửi bằng first class/ airmail đến tận nhà trong mỗi tuần đầu tháng.

Đại diện nhóm chủ trương: *Hải Triều / Lê Khắc Anh Hòa*



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

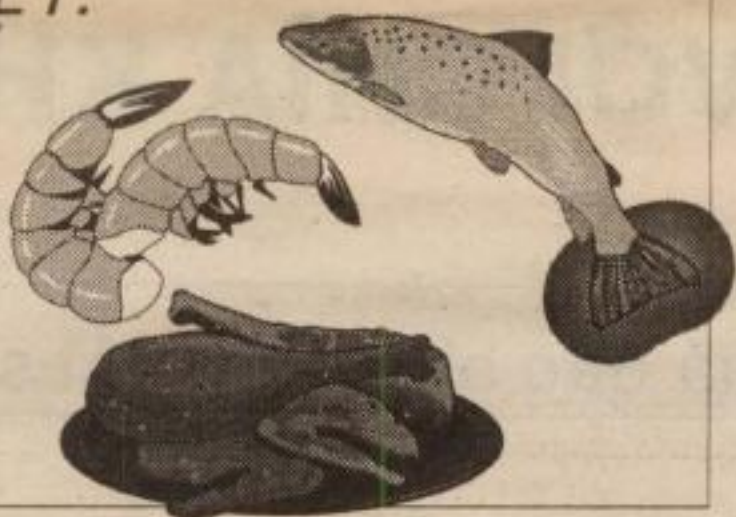
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỔNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà *Lê Văn Khá* trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình ÁNH HỒNG kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

VANCO FOODS

FOUNTAIN VALLEY

16042 MAGNOLIA AVE., FOUNTAIN VALLEY, CA 92708

Tel: (714) 843-1818 ■ Fax: (714) 843-1816



VANCO FOODS

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843

(714) 530 - 2999



LITTLE SAIGON

9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 2683

(714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM

Your Golden Key To Savings

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

VANCO FOODS **VANCO FOODS** **VANCO FOODS**
16042 MAGNOLIA AVE., 10932 WESTMINSTER AVE., 10932 WESTMINSTER AVE.,
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708 GARDEN GROVE, CA 92843 GARDEN GROVE, CA 92843
(714) 843 - 1818 (714) 530 - 2999 (714) 530 - 2999



ĐI CHỢ VỚI CHÌA KHÓA VÀNG:

■ Được giảm giá đặc biệt trên một số mặt

ĐẶC BIỆT: GẠO BAO BỐ HIỆU CON Ó, BẢO ĐẢM THƠM NGON

BÊN TRONG CHỢ CÒN CÓ:

PAGETEK:

Bán, sửa chữa, mở đường dây
các loại CELLULAR PHONES

714-843-0440

THUY'S FOOD TOGO:

Bán café, bánh mì và trên 50
món ăn chay, mặn với giá chỉ \$1
mỗi món. **MUA \$5 TẶNG \$1**

9092 Edinger Ave, Fountain Valley
714-843-9926

BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO **SUPERMARKET**



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON **SUPERMARKET**



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

Khởi Hành

AN ARTS AND LITERARY REVIEW
PUBLISHED MONTHLY

VIÊN LINH
PUBLISHER, EDITOR-IN-CHIEF

mailing address:

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY
CALIF. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49



Volume III, Number 26, December 1998 ■ \$3.50

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 397-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM